

BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN ASC CHO NUÔI CÁ Pangasius

CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRẠI CÁ TRA ĐÔNG HẬU

Ngày:	26 tháng 09 năm 2014	Tổ chức đánh giá:	CÔNG TY BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIET NAM
CLIENT :	CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRẠI CÁ TRA ĐÔNG HẬU	ĐÁNH GIÁ VIÊN:	NGUYỄN HUY
NGƯỜI PHỤ TRÁCH LIÊN HỆ:	Mr PHẠM VĂN THỚI/ TRƯỞNG PHÒNG QLCL		
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	ASC- PANGASIUŠ STANDARD V 1.0	NGÀY VIẾT BÁO CÁO:	26 tháng 09 năm 2014
ĐÁNH GIÁ VIÊN TRƯỞNG :	Mr. LÝ VĨ CƯỜNG	NGÀY HOÀN CHỈNH BÁO CÁO:	30 tháng 09 năm 2014
LOẠI ĐÁNH GIÁ	ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU		
	TÁI ĐÁNH GIÁ		Lần 1
	ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG		

Tóm lược kết quả đánh giá:

Trang trại nằm ở một vị trí tốt cho phát triển nuôi trồng thủy sản và được đầu tư tốt về cơ sở vật chất và hệ thống quản lý. Cán bộ kỹ thuật trang trại nắm rõ các yêu cầu của yêu cầu của tiêu chuẩn ASC cho cá Tra và nhận được sự hỗ trợ tốt từ phía ban lãnh đạo CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH trong việc áp dụng tiêu chuẩn này cho trang trại. Hiện tại, Trang trại có một hệ thống quản lý tốt và đã sẵn sàng để có được chứng nhận với tiêu chuẩn ASC cho cá Tra.

Khái quát về vùng nuôi áp dụng:

CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH là một nhà sản xuất cá tra có tiếng, đạt chứng nhận HACCP và BRC được thành lập vào năm 2009 tại thành phố Cần Thơ. CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRẠI CÁ TRA ĐÔNG HẬU nằm tại ấp Đông Hậu, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

TRẠI CÁ TRA ĐÔNG HẬU chia thành 07 ao nuôi và 02 ao lắng, 01 ao chứa bùn, xây dựng từ năm 2008.

Trên vùng nuôi có văn phòng, kho thuốc, kho thức ăn cho cá, nhà tập thể cho công nhân. Vùng nuôi có sử dụng chung nguồn nước sông Hậu Giang với người dân địa phương.

Có 12 nhân viên làm việc ở trang trại Đông Hậu. Hầu hết công nhân đều ở lại vùng nuôi và được hỗ trợ nơi ở và ăn uống.

Trang trại nuôi cá Đông Hậu đã từng được chứng nhận GAP năm 2010 - 2012.

Vùng nuôi sử dụng thức ăn của Con Cò Việt Nam JSC, được chứng nhận Global GAP, con giống từ hợp tác xã Thời Ngư cho con giống.

Phạm vi chứng nhận:

Tiêu chuẩn	ASC Pangasius Standard phiên bản 1,0 - Tháng 01 năm 2012.
Hoạt động và phạm vi chứng nhận	Nuôi trồng cá Tra.
Loài:	Pangasianodon hypophthalmus / Pangasius hypophthalmus
Mô tả vị trí thủy vực nơi trang trại tọa lạc :	Nhánh Sông Hậu.

Kế Hoạch Đánh giá:

· Kiểm tra hồ sơ và các hành động được tiến hành trước khi tiến hành đánh giá thực tế.	Kiểm tra hồ sơ hệ thống quản lý chất lượng, Kế hoạch sức khỏe cá và các tính toán cho các ao đã thu hoạch.
· Đệ trình của các bên liên quan, bao gồm cả tài liệu bằng văn bản hoặc thông tin khác và trả lời của đơn vị đánh giá chứng nhận cho mỗi câu hỏi / thắc mắc của các bên liên quan	Bureau Veritas sẽ thông báo cho các bên liên quan các kế hoạch và mời họ tham gia bằng văn bản trước khi tiến hành đánh giá hoặc tham gia trực tiếp vào buổi đánh giá thực tế. Tất cả các bên liên

gia chứng nhận cho mọi câu hỏi / thắc mắc của các bên liên quan.		quan, ngay cả khi không liên quan trực tiếp với Bureau Veritas đều được mời để tham gia.				
Các địa điểm của trang trại liên quan đến chứng nhận ASC với thông tin chi tiết cho mỗi địa điểm như sau:	Tên trang trại :	CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRẠI CÁ TRA ĐÔNG HẬU				
	Địa chỉ :	ấp Đông Hậu, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.				
	Người liên hệ :	Mr PHẠM VĂN THỜI/ TRƯỞNG PHÒNG QLCL				
	Các chứng nhận đã đạt được :	Trang trại đã được chứng nhận Global G.A.P.				
	Tên và đại diện các bên liên quan tham gia đánh giá :	Mr. Phạm Văn Thời - TP. QLCL Ms. Nguyễn Thị Thoa - NV P. QLCL Ms. Trần Thị Hồng Thắm - P. Nhân sự Mr. Nguyễn Thành Vũ - Trưởng Trại Ms. Nguyễn Thị Tâm - Kỹ thuật Trại Mr. Nguyễn Đăng Thương - Kỹ Thuật Trại - Chuyên gia sức khỏe AAH Mr. Nguyễn Thành Huy - Nhân viên trại Mr. Ngô Văn Hùng - Công nhân				
Thời gian đánh giá :	Ngày 25, 26 tháng 09 năm 2013					
Sơ lược các lần đánh giá trước (nếu áp dụng):						
Đánh giá lần trước là lần đầu vào ngày 09,10-09-2013 Có 12 điểm không phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá lần trước, tất cả các điểm NC đã được đóng. Trại được chứng nhận theo tiêu chuẩn ASC Pangasius Standard.						
Findings						
	KẾT QUẢ LẦN ĐÁNH GIÁ TRƯỚC			KẾT LUẬN LẦN ĐÁNH GIÁ HIỆN TẠI		
	Number	NON-CONFORMANCES REFERENCES	Open/closed	Number	NON-CONFORMANCES REFERENCES	Open /closed
Nhận xét	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	0	0	Không áp dụng
Lỗi nhẹ	12	NC-EV1- EV8 và NC-SC1-SC4	Đóng	9	NC-EV1- EV7 và NC-SC1-SC2	Mở
Lỗi nặng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	0	0	Không áp dụng
Tổng kết hiện trạng thực tế trang trại	Có 9 điểm không phù hợp nhỏ được phát hiện trong quá trình đánh giá trang trại bởi BVC ngày 25,26-09-2014. Khách hàng đã cung cấp kế hoạch hành động khắc phục cho tất cả NCs, tuy nhiên các điểm NC này chưa đã được đóng.					
Hiện trạng chứng nhận của đơn vị được đánh giá	Đây là đánh giá giám sát lần thứ nhất, trang trại đã được chứng nhận cho tiêu chuẩn ASC Cá tra/basa phiên bản 1.0 bởi BVC					
Đánh giá kết quả:						
Xem chi tiết kết quả đánh giá trong tập tin đính kèm						
Xác nhận tiếp tục CoC						
CoC bắt đầu từ điểm đầu tiên tiếp nhận cá thu hoạch ở nhà máy chế biến						
Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody						

Đánh giá của hệ thống theo dõi, truy tìm và sự phân biệt trong hoạt động nuôi trồng thủy sản là đủ để đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm được xác định và bán có xác nhận của hoạt động nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc từ các đơn vị chứng nhận chứng nhận				
Yêu cầu	Mức độ rủi ro			Nhận xét của đánh giá viên và bằng chứng.
	Rủi ro thấp	Rủi ro trung bình	Rủi ro cao	
1. Hệ thống theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.	X			Có một hệ thống rõ ràng cho việc theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.
2. Khả năng thay thế chứng sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận trước khi thu hoạch	X			Trang trại chỉ sản xuất một loại sản phẩm và tất cả sản phẩm sẽ được chứng nhận
3. Khả năng đưa sản phẩm từ bên ngoài vào trang trại được chứng nhận	X			Trang trại có hệ thống truy xuất nguồn gốc và lưu hồ sơ rất tốt. Rất khó để đưa một sản phẩm không được chứng nhận trộn lẫn với sản phẩm được chứng nhận.
4. Mức độ hoàn thiện của hệ thống quản lý chất lượng.	X			Hệ thống quản lý chất lượng: Hoàn chỉnh
5. Sử dụng phương tiện vận chuyển khi thu hoạch.	X			Khi thu hoạch, cá được vận chuyển sống đến nhà máy chế biến bằng ghe đục.
6. Sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch	X			Chỉ sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch.
Nhận xét của đánh giá viên	CÓ	KHÔNG		DIỄN GIẢI
Hệ thống quản lý đủ hiệu quả, các sản phẩm nuôi trồng thủy sản sau khi thu hoạch có thể đi tiếp chuỗi hành trình sản phẩm CoC và đủ điều kiện để dán nhãn ASC.	X			Hệ thống quản lý đủ hiệu quả.
Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody	<p>Các sản phẩm trong phạm vi chứng nhận được mô tả chi tiết trong báo cáo này có thể đưa thêm vào Chuỗi Giám Sát được chứng nhận và đủ tư cách áp dụng để mang nhãn ASC</p> <p>Xem xét quyết định:</p> <p>- Hệ thống theo dõi, dấu vết và phân biệt trong mở rộng nuôi trồng thủy sản: Trang trại có lưu đầy đủ hồ sơ theo dõi thu hoạch và vận chuyển cá đến nhà máy chế biến. Dựa trên hồ sơ này, trang trại có thể biết cá đã được vận chuyển đến nhà máy chế biến nào. Hiện tại, cá chỉ bán nội bộ cho nhà máy chế biến của CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH.</p> <p>- Sử dụng tàu chở: Trang trại sử dụng ghe đục để vận chuyển cá đến nhà máy chế biến. Không có khả năng hoán chuyển ghe đục, cá sau thu hoạch được ghe đục chở thẳng đến nhà máy.</p> <p>- Người thực hiện khai thác và bến đỗ: Sử dụng ghe đục để vận chuyển đến nhà máy chế biến. Việc khai thác và vận chuyển cá được thực hiện bởi công nhân của nhà máy. Cá vận chuyển trực tiếp từ trại nuôi đến cầu cảng tiếp nhận cá ngay tại nhà máy chế biến cá của CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH.</p> <p>- Cơ hội thay thế sản phẩm chứng nhận với sản phẩm không được chứng nhận trong những đơn vị chứng nhận: Không có cơ hội cho việc thay thế sản phẩm được chứng nhận với sản phẩm không được chứng nhận. Tất cả sản phẩm được chứng nhận được sản xuất tại nhà máy chế biến cá của CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH.</p> <p>- Điểm khởi đầu trong chứng nhận Chuỗi Giám Sát yêu cầu: Chứng nhận Chuỗi Giám Sát được yêu cầu khởi đầu ngay sau khi thu hoạch cá và chuyển đến nhà máy chế biến cá thuộc sở hữu bởi CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH, đã được đánh giá và chứng nhận theo MSC/ASC CoC vào tháng 10/ 2013 bởi Bureau Veritas Certification .</p> <p>Xác định này vẫn duy trì hiệu lực cho đến khi có sửa đổi, bổ sung bởi tổ chức chứng nhận trong lần đánh giá tiếp theo.</p>			

<i>Mô tả điểm của sự thay đổi quyền sở hữu sau khi chuỗi chứng nhận lưu ký là cần thiết</i>		Phạm vi của giấy chứng nhận bao gồm việc nuôi và thu hoạch. Giấy chứng nhận CoC được yêu cầu từ người bán sản phẩm đến nhà máy chế biến. Chỉ có các sản phẩm được thu hoạch trong hoặc sau ngày đánh giá chứng nhận ASC Farm Đông Hậu được phê duyệt mang nhãn ASC.
QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN		
Ngày cấp :		
Ngày hết hạn :		
Phạm vi chứng nhận :	Hoạt động nuôi cá tra/ basa	
Danh sách các điểm không phù hợp cần được khắc phục :	Có 9 điểm không phù hợp nhỏ được phát hiện trong quá trình đánh giá trang trại bởi BVC ngày 25,26-09-2014. Khách hàng đã cung cấp kế hoạch hành động khắc phục cho tất cả NCs, tuy nhiên các điểm NC này chưa đã được đóng.	
<u>Báo cáo Không phù hợp</u>		
<i>Xem báo cáo không phù hợp trong file đính kèm</i>		
<u>Cam kết về Thông tin nhạy cảm liên quan đến kinh doanh trong báo cáo đánh giá</u>		
<i>Báo cáo này không chứa phụ lục bí mật thông tin thương mại nhạy cảm. Bureau Veritas đã đồng ý nội dung của thông tin thương mại nhạy cảm với người nộp đơn.</i>		

AUDIT MANUAL - ASC Pangasius Standard Created by the Pangasius Aquaculture Dialogue								
Scope: <i>Pangasianodon hypophthalmus, Pangasius bocourti</i>								
Lời nói đầu: Để xác định mức độ tuân thủ tiêu chuẩn ASC cho cá tra, Đánh giá viên cần kiểm tra thông tin hoàn tất của một kỳ nuôi trồng, hoặc trên một điểm thời gian cụ thể trong chu kỳ nuôi (ví dụ như thả giống) cho một số yêu cầu. Vì lý do này, trong lần đánh giá đầu tiên, trang trại cần lưu trữ dữ liệu đầy đủ ít nhất cho một hoặc nhiều chu kỳ nuôi cho mỗi trang trại tại thời điểm đánh giá. Vì vậy, tại thời điểm đánh giá lần đầu: • Hộ Nuôi cá: phải có khả năng hiển thị đầy đủ hồ sơ (ví dụ như sử dụng thức ăn, tỷ lệ tử vong, v.v...) ít nhất 1 chu kỳ cây trồng hoàn tất cho mỗi trang trại (tức là từ thả giống đến khi thu hoạch) và các thông tin có liên quan đến tất cả các hoạt động này: Hồ sơ con giống, hồ sơ quản lý nuôi trồng, hồ sơ thu hoạch, v.v... • Đánh giá viên: phải sử dụng các dữ liệu lưu trữ cho một vụ nuôi hoàn chỉnh của mỗi trang web để tính toán mức độ tuân thủ của các chuẩn mực có liên quan. Áp dụng cho tất cả các yêu cầu liên quan trong Sổ tay hướng dẫn đánh giá: Hộ Nuôi cá: Tại lần đánh giá đầu tiên: dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi trang trại phải sẵn có để cung cấp dữ liệu cho đơn vị đánh giá. Đánh giá viên: Tại lần đánh giá đầu tiên: dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi trang trại phải được thẩm tra để xác định mức độ tuân thủ so với các yêu cầu.								
NGUYÊN TẮC 1. XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH TRANG TRẠI TUÂN THEO KHUNG LUẬT PHÁP CỦA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG				C	Major N	Minor N	NA	Ý KIẾN-CƠ SỞ
1.1 Tiêu chí: Quy định quốc gia và địa phương								
	Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):						
1.1.1	a. Duy trì hồ sơ để chứng minh trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia.	A. Xác minh trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia.	C				- Trang trại có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BL 563747 do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Trương Thanh Phương vào ngày 31/08/2012 với tổng diện tích đất là 108.257 m ² , tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản là 67.642 m ² trong giấy chứng nhận cho phép đất quy hoạch nuôi trồng thủy sản. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 2032. - Hợp đồng phòng tài nguyên - môi trường cho ông Trương Thanh Phương thuê khu đất để nuôi trồng thủy sản số 05/HĐTD-TNMT ngày 27/08/2012. - Hợp đồng góp vốn giữa ông Trương Thanh Phương với công ty thủy sản Quang Minh về hợp tác nuôi trồng thủy sản trên trại Đồng Hậu ngày 04/01/2013, thời hạn 20 năm.	
	b. Có giấy phép nuôi trồng thủy sản.	B. Kiểm tra giấy phép nuôi trồng thủy sản của trang trại	C				- Giấy CN đủ điều kiện VS thú y thủy sản do chi cục thủy sản Vĩnh Long cấp 30/08/2013, có giá trị đến ngày 10-07-2015 - Bảng cam kết bảo vệ môi trường công ty Quang Minh - dự án nuôi cá thương phẩm huyện Tam Bình xác nhận ngày 07/09/2011.	
	c. Có giấy phép kinh doanh.	C. Kiểm tra giấy phép kinh doanh.	C				- Giấy phép kinh doanh số 1800632634 do thành phố Cần Thơ cấp cho công ty TNHH Thủy Sản Quang Minh lần đầu vào 20/06/2006 và cấp bổ sung lần 10 vào 29/10/2012 bao gồm cả giấy phép cho Nuôi Trồng Thủy Sản.	

		d. Có các hợp đồng khác, giấy phép, hoặc giấy phép theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia (xem 1.1.3 và 1.1.4).	D. Kiểm tra tính tuân thủ.	C				Không yêu cầu các giấy phép khác. Công ty có giấy xác nhận của xã Ngãi Tứ: - Xác nhận chưa có quy định lượng nước mặt được phép sử dụng cho hoạt động nuôi. - Xác nhận khu vực cồn trại Đồng Hậu: được quy hoạch cho nuôi cá Tra/ Basa của huyện và tỉnh Vĩnh Long. - Xác nhận chưa có quy định về thuế áp dụng đối với việc sử dụng nước sông cho nuôi cá Tra, Basa.	
1.1.2	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của các tài liệu chứng minh phù hợp với pháp luật về thuế Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duyệt hồ sơ và nộp thuế cho cơ quan thích hợp (ví dụ như thuế sử dụng đất, thuế nước sử dụng thuế, thuế thu nhập) trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, trang trại phải lưu hồ sơ ≥ 6 tháng	E. Xác minh khách hàng có hồ sơ và nộp thuế cho cơ quan chức năng. [Chú ý: Đối với hệ thống tích hợp, thuế chỉ có thể áp dụng ở mức độ chế biến. Tuy nhiên khách hàng phải có bằng chứng nộp thuế]	C				- Biên lai nộp tiền thuế đất số 0009304 ngày 03-10-2013 của công ty TNHH Thủy sản Quang Minh, Ông Trương Thanh Phương ngày 22/01/2013. - Thuế sử dụng nước và xả thải: không thu phí, có xác nhận của địa phương (xem 1.1.1c; 1.1.4b)	
		b. Giữ cập nhật thông tin về pháp luật thuế áp dụng theo quy của các cấp thẩm quyền đối với các trang trại đang hoạt động	B. Xác nhận khách hàng có thông tin pháp luật về thuế hiện tại và một sự hiểu biết cơ bản các yêu cầu về thuế.	C				Phỏng vấn chi Trịnh thị Hồng Thắm, phòng nhân sự, anh Phạm Văn Thời TP.QLCL cho thấy hiểu biết rõ luật về thuế áp dụng cho hoạt động nuôi trồng thủy sản.	
1.1.3	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của tài liệu chứng minh việc tuân thủ xả nước thích hợp (bao gồm cả nước thải) quy định Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao	Hướng dẫn áp dụng cho yêu cầu 1.1.3 - Tuân thủ Quy định xả nước Chỉ số 1.1.3 yêu cầu các trang trại phải áp dụng phù hợp với tất cả các quy định về xả nước ở cấp địa phương và quốc gia. Nếu các cơ quan quản lý có thẩm quyền đã áp đặt giới hạn về xả nước thải trang trại (tức là bằng cách phát hành giấy phép xả nước hoặc cơ chế so sánh khác) là trách nhiệm của các hộ nuôi cá để chứng minh sự tuân thủ. Bốn loại bằng chứng được chấp nhận: a. Tuyên bố của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 xác nhận nhân viên của họ đã thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải. b. Kết quả thử nghiệm nước từ một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025; c. Văn bản pháp luật có liên quan chứng minh sự tuân thủ; d. Tuyên bố từ chính quyền địa phương có thẩm quyền về chất lượng nước và năng lực để kiểm tra các thông số chất lượng nước chứng minh tính tuân thủ. Có quy định yêu cầu giám sát việc xả nước trang trại, giám sát được tiến hành hàng năm (tối thiểu) hoặc thường xuyên hơn nếu có yêu cầu theo quy định của địa phương hoặc quốc gia. Nếu không có đủ bằng chứng cho thấy rằng trang trại phù hợp với các quy định về xả nước thì đánh giá viên sẽ ghi nhận một điểm không phù hợp. Lưu ý 1: Tiêu chuẩn ASC cả tra cũng xác định tiêu chí đối với một số thông số chất lượng nước. Tiêu chí này được thể hiện theo Nguyên tắc 3 dưới đây.							
		a. Giấy xác nhận của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 cho thấy nhân viên của họ thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải.	A. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (b), (c) hoặc (d), sau đó nhập vào không áp dụng cho (a)	C					- Có giấy xác nhận của một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận ISO 17025 "Trung tâm kiểm nghiệm nông thủy sản - Agriculture and aquaculture test center - VILAS 251" cho thấy nhân viên của họ thu thập mẫu nước cấp và nước thải ngày 21/07/2014 theo thông tư 45/2010/TT-BNNPTNT
		b. Có kết quả thử nghiệm nước từ một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025.	B. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (a), (c) hoặc (d), sau đó nhập vào không áp dụng cho (b)	C					Mẫu nước đã được kiểm nghiệm bởi phòng thí nghiệm được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 "Trung tâm kiểm nghiệm nông thủy sản - Agriculture and aquaculture test center - VILAS 251"
		c. Có văn bản quy phạm pháp luật chứng minh sự tuân thủ.	C. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (a), (b) hoặc (d), sau đó nhập vào không áp dụng cho (c).	C					Áp dụng theo TT45/2010-BNNPTNT phát hành 22/07/2012, thử nghiệm đã được thực hiện hàng năm, bởi phòng thí nghiệm được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 "Trung tâm kiểm nghiệm nông thủy sản - Agriculture and aquaculture test center - VILAS 251", kiểm tra kết quả phân tích số HL/VS15071442/1 cho nước cấp và số HL/VD15071443/1 cho nước thải vào ngày 21/07/2014 kết quả cho kết quả đạt.
d. Các báo cáo từ các cơ quan địa phương có thẩm quyền về chất lượng nước và năng lực để kiểm tra các thông số chất lượng nước chứng minh tuân thủ.	D. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (a), (b) hoặc (c), sau đó nhập vào không áp dụng cho (d).					NA	Không áp dụng		

1.1.4	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của các tài liệu chứng minh phù hợp với địa phương và quốc gia quy định của pháp luật về sử dụng đất và nước Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Đối với ao, duy trì bản sao quyền sở hữu đất hoặc hợp đồng cho thuê. Đối với đầm quầng hoặc bè, duy trì giấy phép cho phép neo đậu bè hoặc đầm quầng tại vị trí được chỉ định.	A. Xác minh khách hàng có hồ sơ pháp lý về sử dụng đất và nước.	C			Xem 1.1.1	
		b. Có giấy phép cần thiết để sử dụng và xả nước cho các mục đích của điều hành một trang trại. Tuân thủ các hạn chế bất kỳ và tất cả các giấy phép được quy định trong (ví dụ như tối đa năng lực sản xuất, khối lượng phân bổ nước, vv).	B. Xác nhận trang trại đã thu được giấy phép và tuân thủ các điều khoản.	C			Thông tu 105/2010/TT-BTC ban hành ngày 23/07/2010 xác nhận do hoạt động nuôi cá tra thuộc đối tượng không phải nộp phí môi trường đối với nước thải công nghiệp nên Cty không phải nộp phí môi trường đối với vùng nuôi này.	
		c. Nếu trang trại hoạt động trong một quốc gia và khu vực không có hệ thống cho phép sử dụng đất và nước, cung cấp bằng chứng tài liệu (ví dụ như thư từ authorities) xác nhận thực tế này.	C. Nếu áp dụng, xem xét bằng chứng để xác nhận rằng các trang trại không cần giấy phép sử dụng đất và nước ở trong nước và khu vực hoạt động.			NA	Không áp dụng, xem 2.4.1.b	
NGUYÊN TẮC 2: CÁC TRANG TRẠI PHẢI ĐƯỢC TOA LẠC, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐỂ TRÁNH (HOẶC ÍT NHẤT LÀ GIẢM THIỂU) CÁC TÁC ĐỘNG TỤY CỤC LÊN MÔI TRƯỜNG VÀ						Major N	Minor N	NA
2.1 Tiêu chí: Tuân thủ các kế hoạch - quy hoạch phát triển chính thống								
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):					
2.1.1	Tiêu chuẩn: Trang trại (4) nằm trong khu vực đã được phê duyệt phát triển nuôi trồng thủy sản Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp một bản đồ chi tiết của trang trại với ít nhất 4 tọa độ GPS.	A. Đánh giá bản đồ để xác nhận vị trí trang trại và chính xác tọa độ GPS. Nếu có thể, xác minh thông tin không gian bằng cách sử dụng Google Map, hình ảnh truyền hình vệ tinh hoặc các phương tiện tương tự.	C			* Tọa độ GPS của trang trại: A 09°58'45.50" Bắc; 105°53'28.43" Đông B 09°58'46.94" Bắc; 105°53'31.11" Đông C 09°58'40.50" Bắc; 105°53'45.51" Đông D 09°58'34.15" Bắc; 105°53'44.97" Đông	
		b. Cung cấp các kế hoạch chính thức để xác định phê duyệt khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản phát triển. Nếu có không có, cần có một tuyên bố từ các cơ quan có thẩm quyền xác nhận.	B. Đánh giá bản đồ quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản địa phương. Nếu không có bản đồ quy hoạch, cần chứng minh rằng nước và địa phương khu vực trang trại tọa lạc không có phê duyệt khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản.	C			- Có giấy xác nhận của chủ tịch xã Ngãi Tứ ngày 16/08/2013 về khu nuôi cá tra Đồng Hậu - Quang Minh là hợp pháp, nằm trong khu quy hoạch nuôi cá da trơn xuất khẩu của Tỉnh Vĩnh Long theo quyết định số 1223/QĐ-UBND ký ngày 08/08/2012.	
		c. Xác nhận Trang trại nằm trong một khu vực đã được phê duyệt cho nuôi trồng thủy sản, sử dụng bằng chứng từ bản đồ hoặc danh sách các địa điểm chính thức.	C. Xác minh trang trại nằm ở khu vực được chấp thuận nuôi trồng thủy sản. Nếu không có các quy hoạch này, đánh giá viên trả lời là 'không áp dụng'.	C			xem 2.2.1.b	
Ghi chú [4] Pond, lồng và đầm quầng trên loại hình nuôi cá của trang trại								
2.2 Tiêu chí: Chuyển đổi các hệ sinh thái tự nhiên								
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):					
2.2.1	Tiêu chuẩn: Đối với ao [5], bằng chứng [6] chỉ có đất đã được phân bổ cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong 10 năm trước khi được sử dụng để phát triển ao mới hoặc mở rộng cho trang trại Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao được thành lập sau ngày 31 Tháng Tám 2010	a. Cung cấp một bản tuyên bố xác định tháng và năm xây dựng trang trại, và ghi rõ ngày tháng của bất kỳ mở rộng trang trại tiếp theo.	A. Xác minh tờ khai cho ngày xây dựng trang trại và bất kỳ mở rộng tiếp theo. Xác định bất kỳ ao được thành lập sau ngày 31 tháng 8 năm 2010.	C			- Bảng cam kết bảo vệ môi trường công ty Quang Minh - dự án nuôi cá thương phẩm huyện Tam Bình xác nhận ngày 07/09/2011 chứng minh khu trại được cải tạo lại vào cuối năm 2008.	
		b. Nếu trang trại (hoặc bất kỳ bản mở rộng của nó) đã được xây dựng sau ngày 31 Tháng Tám năm 2010, cần có một tuyên bố / bản đồ sử dụng đất lịch sử từ một tổ chức của chính phủ chỉ ra rằng đất nông nghiệp hoặc đất nuôi trồng thủy sản trong 10 năm trước khi xây dựng của họ.	B. Đánh giá bằng chứng từ các tổ chức chính phủ. Trường hợp bản đồ sử dụng đất hoặc thông tin không gian được cung cấp, qua kiểm tra đối với bản đồ của trang trại (xem 2.1.1).	C			- Bảng cam kết bảo vệ môi trường công ty Quang Minh - dự án nuôi cá thương phẩm huyện Tam Bình xác nhận ngày 07/09/2011.7 chứng minh khu trại được cải tạo lại vào cuối năm 2008.	
		-	C. Xác minh tính chính xác của (a) và (b) trên đây trong các cuộc phỏng vấn với các thành viên trong cộng đồng địa phương để xác nhận không có bằng chứng cho việc chuyển đổi các vùng đất ngập nước, hệ sinh thái nào khác (khác với nông nghiệp hoặc đất nuôi trồng thủy sản) là áp dụng theo tiêu chí 2.2.1.	C			Phỏng vấn cộng đồng: Trang trại được cải tạo lại từ 5-6 năm về trước.	
Ghi chú [5] Đối với ao được thành lập sau khi công bố các tiêu chuẩn PAD.								
Ghi chú [6] Từ các tổ chức chính phủ.								

2.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Bảng chứng đóng góp ít nhất là 0,50 USD cho mỗi tấn cá được sản xuất đã được trả vào quỹ phục hồi môi trường và xã hội [7] hàng năm</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Gửi thư có chữ ký đến ASC, cam kết trả tiền đóng góp vào quỹ cho tất cả các loại cá được chứng nhận thu hoạch từ ngày chứng nhận lần đầu.</p>	<p>A. Xác minh trang trại đã ký một lá thư nói cam kết đóng góp vào quỹ.</p>	C				<p>Có thư Cam kết đóng góp 0.5 USD / tấn cá cho "Quỹ ASC" sau khi trang trại được chứng nhận, ký bởi CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - phó giám đốc - anh Nguyễn Trường Minh ngày 24/07/2012.</p>
		<p>b. Giữ lại Xác nhận từ ASC cho thấy lá thư có chữ ký trang trại đã được nhận.</p>	<p>B. Xác minh bằng chứng cho thấy ASC đã nhận được lá thư.</p>	C				<p>Xác nhận đã nhận được thư cam kết bởi Mr. Michiel Fransen ngày 26/07/2013.</p>
		<p>c. Giữ lại bằng chứng của tất cả các khoản thanh toán được thực hiện vào quỹ.</p>	<p>C. Xác minh trang trại đã thực hiện các thanh toán vào quỹ. Ngay sau khi ASC đã thiết lập quỹ, thông tin này sẽ được đăng trên trang web của ASC.</p>	C				<p>Không áp dụng, Quỹ chưa thiết lập</p>
Ghi chú	<p>[7] Được xác định bởi Hội đồng Nuôi trồng thủy sản Stewardship Council (ASC). Nếu một quỹ chưa được tạo ra và được công nhận bởi ASC tại thời điểm đánh giá, yêu cầu 2.2.2 sẽ không được xem xét.</p>							
2.2.3	<p>Tiêu chuẩn: Bảng chứng [8] rằng đất không được thải ra các thủy vực nước thông thường [9]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Ao được thành lập sau ngày 31 Tháng Tám 2010</p>	<p>a. Cung cấp một tuyên bố nói rằng các trang trại đã không thải trái đất vào các vực nước thông thường sau ngày 31 tháng tám năm 2010.</p>	<p>A. Xác minh trang trại đã đưa ra tuyên bố.</p>				NA	<p>Không áp dụng, Ao được thành lập trước ngày 31 Tháng 08 năm 2010</p>
		<p>b. Đối với hoạt động xây dựng được liệt kê trong 2.2.1.a liên quan đến vận chuyển đất và xây ra sau ngày 31 Tháng 8 năm 2010, cung cấp một tuyên bố chỉ ra nơi mà đất đã được chuyển đến hoặc làm thế nào nó đã được xử lý.</p>	<p>B. Xem xét danh sách các hoạt động xây dựng, phương tiện xử lý đất.</p>				NA	<p>Không áp dụng, Ao được thành lập trước ngày 31 Tháng 08 năm 2010</p>
		-	<p>C. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng rằng các trang trại đã thải đất vào nguồn nước chung.</p>				NA	<p>Không áp dụng, Ao được thành lập trước ngày 31 Tháng 08 năm 2010</p>
Ghi chú	<p>[8] Đối với ao được thành lập sau khi công bố các tiêu chuẩn PAD.</p>							
Ghi chú	<p>[9] Ngoại trừ xả thải vào các vực nước thuộc trang trại và không có tác động tiêu cực đến người sử dụng tài nguyên nước khác.</p>							
2.2.4	<p>Tiêu chuẩn: Bảng chứng [10] không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng [11]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Thực hiện tìm kiếm của các xuất bản (ví dụ như địa phương báo, tạp chí) và đối chiếu tài liệu để xác định các loài nguy cấp hiện diện trong khu vực.</p>	<p>A. Đánh giá kết quả tìm kiếm đầy đủ và hoàn chỉnh</p>	C				<p>Có một Báo cáo khoa học được thực hiện bởi các chuyên gia kỹ thuật từ Đại học Cần Thơ, trưởng nhóm là TS Nguyễn Văn Công về nhận dạng các loài có nguy cơ tuyệt chủng và các loài nằm trong danh sách đỏ IUCN có khả năng phân bố tại khu vực " Trại nuôi thủy sản Đồng Hậu , xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình với các nội dung bao gồm: - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện ở khu vực "Trại nuôi cá Tra Đồng Hậu - Quang Minh xã Ngãi Tứ, Huyện Tam Bình" - Đánh giá rủi ro cho tất cả các thực hành nông nghiệp có thể là mối nguy hiểm cho các loài này. - Áp dụng thực hành canh tác mới để không có tác động tiêu cực đối với các loài này.</p>
		<p>b. Xác định xem có bất kỳ loài nào xuất hiện trong khu vực được liệt kê như là loài đang bị đe dọa tuyệt chủng bởi các cơ quan có thẩm quyền quốc gia.</p>	<p>B. Xem xét nguồn gốc và tính chính xác của danh sách.</p>	C				<p>Nguồn gốc và danh sách chính xác.</p>
		<p>c. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các loài có nguy cơ tuyệt chủng xảy ra trong khu vực bằng cách kết hợp các kết quả từ 2.2.4 (a) và 2.2.4 (b) với kết quả từ việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN (xem 6.6.2).</p>	<p>C. Đánh giá danh sách cho đầy đủ. So sánh với kết quả từ tìm kiếm cơ sở dữ liệu cho các loài danh sách đỏ IUCN (xem 6.6.2).</p>	C				<p>Có danh sách của một số loài có nguy cơ tuyệt chủng, có khả năng hiện diện trong khu vực trang trại. So sánh với kết quả của việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN: kết quả phù hợp.</p>
		<p>d. Chuẩn bị các thủ tục bằng văn bản mô tả làm thế nào trang trại tránh tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xảy ra trên trang trại.</p>	<p>D. Đánh giá tính đầy đủ của thủ tục.</p>	C				<p>Thủ tục sẵn có và đầy đủ- thủ tục đánh giá rủi ro môi trường - TCDH-KH09 phiên bản 1, ngày 05/01/2012.</p>

			E. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy: - Các trang trại hiện nay có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng - Các trang trại gần đây đã có một tác động tiêu cực (kể từ tháng 8 năm 2010).	C				Phỏng vấn cộng đồng: - Các trang trại hiện nay không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng - Trang trại gần đây đã không có tác động tiêu cực (kể từ năm 2009).
Ghi chú	[10] Hộ nuôi phải nộp kết quả của một tìm kiếm của xuất bản (ví dụ như báo địa phương, tạp chí) và đối chiếu tài liệu. Báo cáo từ các cộng đồng địa phương và các tổ chức cũng sẽ được sản xuất.							
Ghi chú	[11] Được thiết lập bởi cơ quan chức năng IUCN và quốc gia.							
2.3 Tiêu chí: Sự kết nối, lưu thông giữa các địa điểm								
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):					
2.3.1	Tiêu chuẩn: Trang trại không cản trở giao thông, di chuyển của các loài thủy sản và chuyển động của nước. Yêu cầu: Có Áp dụng: Bè và Đãng Quăng	a. Chứng thực của cộng đồng hoặc bằng chứng tương tự để chứng minh các trang trại không cản trở giao thông, di chuyển của thủy sản và chuyển động của nước. -	A. Kiểm tra trang thực tế xác minh rằng đặng quăng, bè và / hoặc cấu trúc trang trại liên kết không cản trở giao thông, thủy sản, chuyển động của nước. B. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy nông trại cản trở chuyển hướng, thủy sản, chuyển động của nước.				NA	Không áp dụng. Ao
2.3.2	Tiêu chuẩn: Chiều rộng tối thiểu của mặt nước [15] không có lòng/bè (xem Sơ đồ 1, Phụ lục C) Yêu cầu: ≥ 50% Áp dụng: Bè	a. Cung cấp một bản đồ hoặc sơ đồ đo lòng và chiều rộng của mặt nước. b. Cung cấp các phép đo và tính toán đủ để hiển thị tuân thủ (xem Sơ đồ 1 từ Phụ lục C của cả tra tiêu chuẩn ASC)	A. Kiểm tra theo bản đồ trang trại hoặc sơ đồ mặt tại bằng cách sử dụng Google Map, hình ảnh vệ tinh hoặc các phương tiện tương tự (nếu có thông tin chi tiết). Nếu bố trí trang trại hiện nay khác với hình ảnh có sẵn gần đây nhất, xác minh rằng bản đồ hoặc sơ đồ phản ánh cách bố trí trang trại. B. Xác minh rằng các tính toán chính xác và xác nhận tuân thủ.				NA	Không áp dụng. Ao
Ghi chú [15] Mặt nước: Bất kỳ ao, hồ, kênh, sông, suối hoặc bất kỳ, thuộc về chính phủ hay tư nhân, bao gồm cả các vùng vịnh và bờ biển.								
2.3.3	Tiêu chuẩn: bề rộng tối đa của 1 trại nuôi có thể chiếm được tính toán tại thời điểm mực nước/bề rộng của thủy vực là nhỏ nhất (xem biểu đồ 2, phụ lục C) Yêu cầu: ≤ 20% chiều rộng thủy vực Áp dụng: các đặng quăng	a. Cung cấp 1 bản đồ hoặc biểu đồ thể hiện kích thước các đặng quăng và chiều rộng thủy vực b. Cung cấp kích thước và cách tính nhằm thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn (xem biểu đồ 2 phụ lục C tiêu chuẩn ASC)	A. Kiểm tra bản đồ trên google, những hình ảnh trên vệ tinh hoặc những phương tiện tương tự (nếu những thông tin chi tiết không có). B. Xác định phương pháp tính chính xác và xác nhận sự thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn				NA	Không áp dụng. Ao
2.3.4	Tiêu chuẩn: số lượng tối đa các đặng quăng kề nhau được phép (xem biểu đồ 2, phụ lục C) Yêu cầu: hai và chỉ khi một đoạn bờ sông còn lại có chiều bằng 02 đặng mà không canh tác 2 bên bờ sông Áp dụng: các đặng quăng	a. Cung cấp 1 bản đồ hoặc biểu đồ thể hiện kích thước, số lượng các đặng quăng và khoảng cách giữa chúng. b. Trên bản đồ, thể hiện sự sắp xếp các đặng quăng thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn về số lượng và khoảng cách các đặng quăng kề nhau (xem biểu đồ 2, phụ lục C).	A. Kiểm tra các địa điểm để xác nhận biểu đồ của trại thể hiện một cách chính xác về kích thước và vị trí các đặng quăng và khoảng cách dải đất giữa các đặng quăng B. Kiểm tra việc sắp xếp của trại của các đặng quăng thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn.				NA	Không áp dụng. Ao
2.4 Tiêu chí: sử dụng nước								
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):					
2.4.1	Tiêu chuẩn: Trại nuôi tuân thủ giới hạn phân phối nước quy định bởi chính quyền địa phương (16) hoặc một tổ chức độc lập có uy tín (17) Yêu cầu: có Áp dụng: ao	a. Báo cáo ghi nhận lượng nước lấy vào. Báo cáo của đánh giá lần đầu phải bao quát đầy đủ ít nhất 1 vụ thu hoạch cho mỗi 1 địa điểm. b. Có được một tuyên bố từ chính quyền địa phương cho biết các giới hạn phân phối nước (đơn vị nhất định) cho trang trại. Nếu chính quyền địa phương không đặt giới hạn phân phối nước cho các trang trại hoạt động trong khu vực, có được một tuyên bố từ chính quyền địa phương xác nhận thực tế này. c. Nếu giới hạn phân phối nước không phân bổ chính quyền địa phương (xem 2.4.1b), có được một tuyên bố từ một tổ chức độc lập có uy tín (xem chú thích 17) cho thấy các giới hạn phân phối nước (đơn vị nhất định) cho trang trại. d. Chứng minh sự uy tín của tổ chức được xác định trong điều 2.4.1(b) bằng cách cung cấp những bài viết hoặc những báo cáo về giới hạn phân phối nước.	A. Kiểm tra việc lưu trữ các hồ sơ hoàn chỉnh của lượng nước lấy vào. B. Xem các giới hạn phân bổ nước cho trang trại của chính quyền địa phương. Nếu chính quyền địa phương không đặt ra giới hạn phân bổ nước, xác nhận trang trại có một xác nhận. C. Xem xét bằng chứng giới hạn phân phối nước được qui định bởi tổ chức độc lập có uy tín D. Xem xét bằng chứng sự uy tín về trách nhiệm của tổ chức cho việc giới hạn phân phối nước	C				Trang trại có ghi nhận lượng nước lấy vào cho từng ao, có tính toán lượng nước sử dụng cho 2 ao đã thu hoạch, ao 2,5,7,8, kết quả đạt.
				C				Xem 1.1.4.b
				C				Xem 1.1.4.b
				C				Xem 1.1.4.b

		e. Tính toán điểm lấy nước vào trại trên từng mùa vụ chứng minh sự thoả mãn yêu cầu giới hạn phân phối nước tối thiểu.	E. Kiểm tra lượng nước của trang trại so với giới hạn phân bố nước. Xác minh sự tuân thủ với các giới hạn được thiết lập bởi chính quyền địa phương. Kiểm tra chéo với các giá trị được báo cáo cho tổng lượng nước cho phép (xem 2.4.2).	C			Kiểm tra chéo các số liệu so với mục 2.4.2: phù hợp.
Ghi chú	[16] Hợp lệ cho cả nước mặt và nước ngầm. Nước mặt được định nghĩa là "lấy nước trên mặt đất hoặc trong một dòng suối, sông, hồ, đất ngập nước hoặc đại dương." Nước ngầm được định nghĩa là "nước bên dưới bề mặt của trái đất mà nguồn cung cấp là giếng và suối." Lưu ý các "nước bề mặt" là nước được sử dụng ở các trại nuôi cá Tra Theo tiêu chuẩn.						
Ghi chú	[17] Một tổ chức độc lập có uy tín có thể là một tổ chức chính phủ, viện nghiên cứu, hoặc một tổ chức không được liên kết cụ thể cho khu vực nuôi trồng thủy sản, nhưng đã tạo ra các thông số sử dụng nước cho khu vực, hoặc chịu trách nhiệm phân phối nước. Tin nhiệm của tổ chức được chứng minh bởi người nuôi cá thông qua các nghiên cứu và / hoặc báo						
2.4.2	<p>Hướng dẫn cho khách hàng của Chi số 2.4.2 - Tính toán Tỷ lệ nước Tổng số tóm tắt cho mỗi tấn cá được sản xuất</p> <p>Phụ lục D của cá tra tiêu chuẩn ASC cung cấp một công thức để tính toán "Q" là tỷ lệ của tổng lượng nước lấy vào cho mỗi tấn cá được sản xuất. Trang trại phải thực hiện những tính toán này bằng cách sử dụng dữ liệu thu hoạch từ mỗi ao và sau đó sử dụng các kết quả để xác định một số liệu trung bình trên tất cả các ao của trang trại. Tính toán có thể được thực hiện như mô tả ở đây. Đối với ao đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toán tổng lượng nước lấy vào ("TEV") theo mét khối (m³) trong chu kỳ sản xuất; - Tính tổng trọng lượng của cá được sản xuất ("A") trong tấn tại thời điểm thu hoạch; - Tính toán Q, ao đầu tiên sử dụng các phương trình: Q = TEV / A <p>Lặp lại việc tính toán cho ao thứ hai thứ ba, ... vv cho đến khi Q đã được xác định cho từng ao đã được thu hoạch. Sử dụng các giá trị Q từ mỗi ao (Q1, Q2, Q3 ... Qn) để tính toán mức trung bình toàn trang trại, hoặc Qavg.</p> <p>Tiêu chuẩn: Đối với các ao, tỉ lệ tối đa của lượng nước sử dụng (không phải lượng nước tiêu thụ) trên một tấn cá được sản xuất. Tính lượng sử dụng bằng công thức trong phụ lục D.</p> <p>Yêu cầu: 5,000 m³/ tấn cá được sản xuất</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>a. Sử dụng hồ sơ của lượng nước (xem 2.4.1a), tính toán tổng lượng nước lấy vào (m³) cho mỗi ao thu hoạch nông trại. Kiểm toán đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi trang trại (xem phần mở đầu)</p> <p>b. Duy trì hồ sơ thể hiện sản lượng cá thu hoạch cho từng trại.</p> <p>c. Tính tổng trọng lượng cá thu hoạch của mỗi ao theo đơn vị tấn.</p> <p>d. Với mỗi ao, cách tính tỉ lệ của tất cả lượng nước sử dụng trên 1 tấn cá được sản xuất (xem hướng dẫn trong Phụ lục D).</p> <p>e. Sử dụng kết quả của những ao thu hoạch, tính tỉ lệ trung bình cho toàn trang trại với tổng nước sử dụng cho mỗi tấn cá</p>	<p>A. Xem xét lại cách tính dựa trên hồ sơ điểm lấy nước để đảm bảo tính chính xác</p> <p>B. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ của trại thể hiện sản lượng cá thu hoạch</p> <p>C. Xem xét lại công thức tính dựa vào lượng cá thu hoạch và lượng cá theo ước tính để xác nhận độ chính xác. Nếu cần thiết, sẽ cần đối tượng bồi với cân nặng cá thu hoạch nhưng không để bán.</p> <p>D. Xem xét lại độ chính xác của công thức tính. Kiểm tra chéo lượng nước và trọng lượng vụ thu hoạch của những ao riêng để có thể điều chỉnh với tổng sản lượng hằng năm</p> <p>E. Xác nhận mức trung bình của trang trại Q ≤ 5.000 m³/metric tấn cá được sản xuất</p>	C			<p>Trang trại có ghi nhận lượng nước lấy vào hàng ngày cho tất cả các ao. Kiểm tra hồ sơ của 4 ao đã thu hoạch trong 7 ao, ao 2,5,7,8 kết quả đạt, tất cả các số liệu chính xác.</p> <p>Có biên nhận thu hoạch cá cho 4 ao đã thu hoạch, kiểm tra hồ sơ thu hoạch ao 2, 5, 7, 8, ghi lại chi tiết với số ngày thu hoạch cho mỗi ao, số lượng cá thu hoạch cho mỗi ngày, số lượng cá của mỗi chiếc thuyền vận chuyển mỗi ngày.</p> <p>Trang trại có Tính toán sản lượng thu hoạch cho 2 ao đã thu hoạch, kiểm tra số liệu ao 2,5,7,8: thông tin là chính xác.</p> <p>Qua kiểm tra tính toán của 4 ao 2,5,7,8 với khối lượng nước (2.4.2a) và trọng lượng thu hoạch (2.4.2b): kết quả phù hợp.</p> <p>Chưa có kết quả tính toán trung bình của 4 ao thu hoạch, Đánh giá viên tự tính, cho thấy kết quả phù hợp < 5.000 m³ / tấn cá sản xuất.</p>
Ghi chú	[18] Nước sử dụng là lượng nước lấy vào từ các thực vật bên ngoài và đưa vào trang trại. Nó bao gồm cả nước mặt và nước ngầm.						
NGUYÊN TẮC 3. GIÁM TỐI ĐA TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA NUÔI CÁ TRA /BA SA ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN LỢI ĐẤT VÀ NƯỚC				Major N	Minor N	NA	
3.1 Tiêu chí: Hiệu suất sử dụng dinh dưỡng							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):				
3.1.1	<p>Hướng dẫn cho khách hàng cho các Chi số 3.1.1 và 3.1.2 - Phòng thí nghiệm Phân tích của TP và TN trong thức ăn</p> <p>Để chứng minh sự tuân thủ với Chi số 3.1.1 và 3.1.2, các trang trại phải có khả năng để thiết lập số lượng phốt pho tổng số (TP) và nitơ tổng số (TN) trong thức ăn. Trang trại được lấy từ mỗi của các nhà cung cấp thức ăn của họ một tuyên bố nêu rõ TP tối đa và nội dung TN. Các trang trại sau đó tiến hành xác minh kê khai nhà cung cấp bằng cách kiểm tra một số đại diện của lô (ví dụ như 1 mẫu cho mỗi 1.000 tấn của một nguồn cấp dữ liệu được sử dụng) cho TP và TN nội dung. Việc đo kiểm phải được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Kết quả sẽ hiển thị các tờ khai được thực hiện bởi các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi là chính xác và rằng thức ăn là trong giới hạn quy định trong tuyên bố. Trang trại phải chứng minh sự tuân thủ tất cả các nguồn cấp dữ liệu được sử dụng trong các loại cây trồng được bao gồm trong tính toán, bất kể cho dù những thức ăn được trang trại tạo hoặc thương mại có nguồn gốc. Tất cả các tính toán phải được thực hiện trên cơ sở cây trồng vụ.</p> <p>Ghi chú 1: Đối với kiểm toán đầu tiên, trang trại không bắt buộc phải kiểm tra nội dung TP và TN các nguồn cấp dữ liệu bằng cách sử dụng một phòng thí nghiệm độc lập.</p> <p>Lưu ý 2: nguồn cấp dữ liệu đã cấp đến tất cả các mắt hàng thức ăn hoặc thức ăn chăn nuôi bất kể ở đâu hoặc làm thế nào</p> <p>Tiêu chuẩn: Tối đa lượng phốt pho (TP)(19) trong thức ăn trên 1 tấn cá sản xuất được</p> <p>Yêu cầu: 20 kg/ tấn</p> <p>Áp dụng: lồng và đăng quảng</p>	<p>a. Duy trì hồ sơ thể hiện từng loại và lượng thức ăn sử dụng.</p> <p>Yêu cầu này áp dụng với tất cả loại thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi địa điểm.</p> <p>b. Đã công bố thành phần TP liên quan của các nhà cung ứng thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p>	<p>A. Xác nhận hồ sơ về thức ăn của trang trại hoàn chỉnh và chính xác.</p> <p>B. Kiểm tra trang trại đã nắm rõ công bố của thành phần TP trong thức ăn.</p>	NA			<p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p>

		c. Cung cấp bằng chứng trang trại đã bốc mẫu kiểm tra thành phần TP để xác nhận việc công bố của những nhà cung cấp là chính xác và thức ăn là yêu cầu tối thiểu trong công bố	C. Xem xét lại bằng chứng xác nhận trang trại đã kiểm tra thành phần TP được báo cáo 1 cách chính xác bởi những nhà cung cấp thức ăn				NA	Không áp dụng. Ao
		d. Sử dụng kết quả của 3.1.1 và 3.1.1b để tính toán lượng TP bằng kg thêm vào cho mỗi...Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.	D. Xem xét lại công thức tính của trại. Kiểm tra chéo hồ sơ mua hàng dựa trên số lượng thức ăn báo cáo của trại				NA	Không áp dụng. Ao
		e. Sử dụng tổng trọng lượng cá sản xuất, tính toán lượng phốt pho thêm vào thức ăn cho mỗi tấn cá. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.	E. Xem xét lại công thức tính toán để xác nhận trang trại thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn				NA	Không áp dụng. Ao
Ghi chú	[19] TP bao gồm tất cả các dạng phốt pho được tìm thấy trong mẫu (Trích từ Chính phủ Australia, Cục Khí tượng).							
		Note: see instructions for Indicator 3.1.1						
3.1.2	Tiêu chuẩn: Lượng nito tổng tối đa trong thức ăn trên 1 tấn cá sản xuất được Yêu cầu: 70kg/tấn Áp dụng: lồng và đăng quảng	a. Duy trì hồ sơ thể hiện từng loại và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu này áp dụng với tất cả loại thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi địa điểm.	A. Xác nhận hồ sơ về thức ăn của trang trại hoàn chỉnh và chính xác.				NA	Không áp dụng. Ao
		b. Đã công bố thành phần TN liên quan của các nhà cung ứng thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.	B. Kiểm tra trang trại đã nắm rõ công bố của thành phần TN trong thức ăn.				NA	Không áp dụng. Ao
		c. Cung cấp bằng chứng trang trại đã bốc mẫu kiểm tra thành phần TN để xác nhận việc công bố của những nhà cung cấp là chính xác và thức ăn là yêu cầu tối thiểu trong công bố	C. Xem xét lại bằng chứng xác nhận trang trại đã kiểm tra thành phần TN được báo cáo 1 cách chính xác bởi những nhà cung cấp thức ăn				NA	Không áp dụng. Ao
		d. Sử dụng kết quả của 3.1.1 và 3.1.1b để tính toán lượng TN bằng kg thêm vào cho mỗi...Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.	D. Xem xét tính toán của trang trại. Kiểm tra chéo hồ sơ mua so với số lượng thức ăn chăn nuôi báo cáo của trang trại.				NA	Không áp dụng. Ao
		e. Sử dụng tổng trọng lượng cá sản xuất, tính toán lượng nito thêm vào thức ăn cho mỗi tấn cá. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.	E. Xem xét lại công thức tính toán để xác nhận trang trại thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn				NA	Không áp dụng. Ao
Ghi chú	[20] TN có nghĩa là tổng hàm lượng của tất cả các dạng nito được tìm thấy trong mẫu, bao gồm nitrat, amoniac, nitrite N và các dạng nito hữu cơ (Chính phủ Australia, Cục Khí tượng).							
Ghi chú	[21] nguồn cấp dữ liệu đề cập đến tất cả các mặt hàng thức ăn hoặc thức ăn chăn nuôi, bất kể ở đâu hoặc làm thế nào chúng được sản xuất, và áp dụng cho tất cả các trang trại đang tìm kiếm chứng nhận. Các trang trại đáp ứng yêu cầu sẽ có thể chứng minh sự tuân thủ, bất kể liệu thức ăn chăn nuôi của họ được thực hiện bởi một nhà máy thức ăn chăn nuôi.							
3.1.3	Tiêu chuẩn: Tổng lượng TP thải ra trên 1 tấn cá sản xuất (xem phương pháp tính toán trong phụ lục D) Yêu cầu: 7.2kg/tấn Áp dụng: Ao	<p>Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 3.1.3 và 3.1.4 - Lấy mẫu và phân tích phòng thí nghiệm của TP và TN tương tự</p> <p>Xác định nồng độ phốt pho tổng số (TP) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và Blue Indo-phenol. Xác định nồng độ nito tổng số (TN) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và axit ascorbic. Quyết định sẽ được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025.</p> <p>Farms sẽ đo lượng TP và TN discharged từ tối thiểu là 1 ao trong sản xuất, ít nhất một trong các ao được lựa chọn ngẫu nhiên. Trang trại phải ghi lại số lượng và danh tính của ao được lựa chọn trước khi lấy mẫu. Thủ tục cần thiết cho việc thu thập mẫu nước như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai mẫu nước được lấy một từ ao (= nước ao) và một từ vị trí lấy nước vào (= nước cấp). Hai mẫu được lấy trong cùng một ngày. - Tất cả các mẫu nước được lấy theo phương pháp được cung cấp bởi một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 và sẽ có sẵn để chứng nhận vào ngày đánh giá. Các phòng thí nghiệm được công nhận sẽ được yêu cầu để xác minh rằng lấy mẫu được tiến hành theo phương pháp này. - Tất cả các mẫu nước được thu thập trong nửa sau của chu kỳ sản xuất (tức là ≥ 90 ngày sau khi thả giống) - Ao mẫu nước được thu thập tại 50% độ sâu ao - Tất cả các mẫu nước được thu thập trước khi 11:00 sáng - Ao mẫu nước được thu thập > 6 giờ sau khi lấy nước vào ao <p>Đối với hồ sơ trang trại đánh giá lần đầu, theo dõi TP và TN thải phải bao gồm ≥ 6 tháng. Để chuẩn bị cho lần đánh giá toàn đầu tiên: Trang trại mời phòng thí nghiệm được công nhận đến trang trại để lấy mẫu nước Nếu mẫu không tuân thủ, trang trại có bằng chứng khắc phục trước khi tiếp hành đánh giá ASC</p>						
		a. Nêu tên và số công nhận của phòng thí nghiệm độc lập đã sử dụng để kiểm soát chất lượng nước và pho to hợp đồng lấy mẫu và phân tích nước theo như hướng dẫn 3.1.3	A. Xác nhận phòng thí nghiệm đủ chuẩn để tiến hành lấy mẫu và phân tích nước				C	Co tuyên bố của Phòng thí nghiệm độc lập được công nhận ISO 17025 "Trung tâm phân tích thí nghiệm công ty TNHH Hoàng Long - VILAS 251" cho thấy nhân viên của họ đã thu thập mẫu nước ao, nước cấp và nước thải tuân thủ yêu cầu của tiêu chuẩn về lấy mẫu.
		b. Lưu kết quả kiểm TP của mẫu nước ao và mẫu cấp.	B. Xem xét kết quả phòng thí nghiệm về hàm lượng TP				C	Xem kết quả thí nghiệm: cho thấy phù hợp

		c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thu hoạch và tổng lượng tối đa nước thải ra trong suốt chu kỳ vụ nuôi	C. Xem xét tính chính xác của dữ liệu	C			Kiểm tra số liệu: chính xác
		d. Nhập giá trị của mục b và c vào công thức để tính tổng lượng TP thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được. lập lại như vậy cho những ao lấy mẫu.	D. Xem xét cách tính toán để đảm bảo độ chính xác	C			Có tính toán TP của 4 ao đã thu hoạch là ao 2,5,7,8. Kiểm tra tính toán của 4 ao 2,5,7,8 cho thấy tính toán chính xác
		e. Áp dụng giá trị TP từ những ao khác nhau để tính kết quả trung bình lượng TP thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được cho toàn trại nuôi.	E. Xem xét kết quả tính toán lượng trung bình TP có thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn.	C			Tính toán trung bình TP thải của trại 4.51kg/ton <7.2kg/tấn cá thu hoạch
		Note: see instructions for Indicator 3.1.3					
3.1.4	Tiêu chuẩn: Số lượng TN thải ra trên một tấn cá sản xuất (Xem phương pháp đo TN và tính toán trong Phụ lục D) Yêu cầu: 27.5 kg/tấn cá sản xuất Áp dụng: Ao	a. Nêu tên và số công nhận của phòng thí nghiệm độc lập đã sử dụng để kiểm soát chất lượng nước và pho to hợp đồng lấy mẫu và phân tích nước theo như hướng dẫn 3.1.3	A. Xác nhận phòng thí nghiệm đủ chuẩn để tiến hành lấy mẫu và phân tích nước	C			Co tuyên bố của Phòng thí nghiệm độc lập được công nhận ISO 17025 "Trung tâm phân tích thí nghiệm công ty TNHH Hoàng Long - VILAS 251" cho thấy nhân viên của họ đã thu thập mẫu nước ao, nước cấp và nước thải tuân thủ yêu cầu của tiêu chuẩn về lấy mẫu.
		b. Lưu kết quả kiểm TN của mẫu nước ao và mẫu cấp.	B. Xem xét kết quả phòng thí nghiệm về hàm lượng TN	C			Xem kết quả thí nghiệm: cho thấy phù hợp
		c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thu hoạch và tổng lượng tối đa nước thải ra trong suốt chu kỳ vụ nuôi	C. Xem xét tính chính xác của dữ liệu	C			Kiểm tra số liệu: chính xác
		d. Nhập giá trị của mục b và c vào công thức để tính tổng lượng TN thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được. lập lại như vậy cho những ao lấy mẫu.	D. Xem xét cách tính toán để đảm bảo độ chính xác	C			Có tính toán TP của 4 ao đã thu hoạch là ao 2,5,7,8. Kiểm tra tính toán của 4 ao 2,5,7,8 cho thấy tính toán chính xác
		e. Áp dụng giá trị TN từ những ao khác nhau để tính kết quả trung bình lượng TN thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được cho toàn trại nuôi.	E. Xem xét kết quả tính toán lượng trung bình TN có thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn.	C			Tính toán trung bình TN thải của trại 5.83 kg/ton <27.5 kg/tấn cá thu hoạch
3.2 Tiêu chí: Đa chất lượng nước trong thủy vực nhận							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):				
3.2.1	Tiêu chuẩn: Phần trăm thay đổi hàm lượng oxy hòa tan trong ngày[22] DO của thủy vực nhận thải [23] tương ứng với hàm lượng DO bão hòa tại nhiệt độ và độ mặn lúc đo. Trường hợp ngoại lệ đối với các ao có TN & TP trong nước thải thấp hơn TN và TP trong nước cấp. Yêu cầu: <=65% Áp dụng: tất cả	<p>"Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 3.2.1 - Tỷ lệ phần trăm thay đổi trong đo Oxy hòa tan ban ngày Trang trại có trách nhiệm theo dõi tỷ lệ phần trăm thay đổi trong oxy hòa tan ngày đêm ở vùng nước tiếp nhận. Nồng độ oxy hòa tan (DO) được báo cáo so với DO bão hòa ở nhiệt độ, độ mặn và độ cao cụ thể của nước. DO được đo bằng cách sử dụng một máy đo oxy cầm tay hoặc một phương pháp (hoá học) chính xác hơn, với độ chính xác được thành lập trong các tài liệu. Các vị trí đo nên là nơi gần nhất với vị trí nhận thải nếu có thể nhưng không cách điểm xả thải quá 200m. Ngoài ra, các hướng dẫn sau đây cần được tuân theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát DO được thực hiện hai tuần một lần - Trong mỗi ngày lấy mẫu, hai DO được đo: 1 giờ trước khi mặt trời mọc và 2 giờ trước khi mặt trời lặn (+ / - 30 phút). - Phép đo được thực hiện ở mức 0,3 mét dưới mặt nước. - Nhiệt độ và độ mặn được ghi nhận cùng một lúc vào thời điểm đo DO. <p>Lưu ý 1: Ngoại trừ / không áp dụng Chỉ số 3.2.1 khi trang trại có hàm lượng TN & TP trong nước thải thấp hơn hàm lượng TN & TP trong nước cấp. Ngoại trừ này áp dụng cho bất kỳ thủy vực nhận thải. Xem Chỉ số 3.3.1 và 3.3.2 để biết thêm thông tin về đo lường sự khác biệt trong TN và TP đầu vào và đầu ra giữa ao."</p>					
		a. Cung cấp phương pháp đo DO	A. Xem xét dữ liệu đảm bảo việc kiểm soát bao gồm những yêu cầu	C			Có kết quả đo DO định kỳ 1 lần/2tuần trong thời gian 6 tháng bởi Mr. Nguyễn Chí Tâm - Kỹ thuật trại
		b. Hiệu chỉnh tất cả các thiết bị định kỳ và theo phương pháp khuyến cáo của nhà sản xuất. Nhiệt độ, độ mặn và độ cao phải được điều chỉnh cho hiệu chuẩn hoặc tính toán.	B. Kiểm tra các kỹ thuật viên hiệu chỉnh thiết bị theo yêu cầu.	C			Sử dụng máy đo để đo DO, nhiệt độ và độ muối. Kỹ thuật viên hiệu chuẩn thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất trước mỗi lần đo.
		c. Tính phần trăm thay đổi DO mỗi ngày kiểm tra sử dụng hướng dẫn trong phụ lục D.	C. Xem xét công thức tính đảm bảo tính chính xác			NC-EV2	Kiểm tra dữ liệu và công thức để tính toán, kết quả ngày 10/07/2014, kết quả là 41.1%, tuy nhiên, tính toán không chính xác, bởi vì trang trại dùng số liệu % trong máy Hana = 115.6% (nghĩa là hàm lượng DO trong nước thực tế cao hơn hàm lượng DO bão hòa)
		d. Sử dụng kết quả 3.2.1.c để tính toán phần trăm thay đổi DO trung bình trên 12 tháng kiểm tra. Lần đánh giá đầu tiên phải lưu hồ sơ trên 6 tháng	D. Xác nhận phần trăm thay đổi trung bình của DO là ≤ 65%			NC-EV1	Kiểm tra tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình trong DDO trong toàn thời gian đo < 65%. Chưa tính trung bình DDO cho toàn thời gian theo dõi
		e. Sắp xếp giám sát đo DO khi đánh giá viên đánh giá vùng nuôi.	E. Chứng kiến việc đo DO tại trang trại để xác nhận việc tuân thủ. Giá trị DO đo được phải nằm trong phạm vi của dữ liệu trang trại cho DDO. Nếu bất kỳ một trong số kết quả đo được nằm ngoài kết quả ghi nhận của trang trại, đánh giá viên sẽ ghi nhận 1 điểm không phù hợp.	C			Đánh giá viên quan sát nhân viên đo DO lúc 04h30 và 16h00 nhận thấy kết quả nằm trong khoảng kết quả đo của trại trong toàn thời gian đo trước đó.
Ghi chú	[22] DO là nồng độ oxy hòa tan trong nước, được thể hiện trong mg / l hoặc theo phần trăm bão hòa, độ bão hòa là số tiền tối đa oxy mà về mặt lý thuyết có thể hòa tan trong nước ở một độ cao nhất định và nhiệt độ (biology-online.org).						

Ghi chú [23] "Thủy vực nhận thải" là thủy vực tự nhiên tiếp nhận nước thải ra từ ao lần đầu tiên và thủy vực này không thuộc về trang trại.							
3.3 Chỉ tiêu: Đo lường chất lượng nước thải từ ao [24]							
		Compliance Criteria (Required Client Actions):	Auditor Evaluation (Required CB Actions):				
Ghi chú [24] Tiêu chí này không thích hợp cho vùng nuôi dạng bè hoặc đăng quang							
3.3.1	<p>Chỉ tiêu: Trung bình phần trăm thay đổi tối đa của TP giữa nước vào và nước ra (xem phương pháp đo TP và công thức TP xả thải ở Phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 100%</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng về chỉ tiêu 3.3.1 và 3.3.2 - Đo lường thay đổi của TN và TP giữa đầu vào đầu ra. Xác định nồng độ photpho tổng (TP) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp : Keijdahli và Blue indo-phenol. Xác định nồng độ nitơ tổng (TN) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Keijdahli và axit ascorbic. Việc xác định sẽ được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Kết quả xét nghiệm sẽ được đi kèm bởi một tuyên bố cho biết việc tuân thủ các phương pháp thiết lập trong tiêu chuẩn Cá tra ASC và Sổ tay Đánh giá. Vùng nuôi đo lường sự thay đổi trong TP và TN từ chỉ một tập hợp con của tổng số ao nuôi trong sản xuất: 15% của tất cả các ao (giá trị làm tròn đến số nguyên gần nhất). Ít nhất một trong những ao được lựa chọn ngẫu nhiên. Trang trại phải ghi lại số lượng và lựa chọn các ao trước khi lấy mẫu. Thủ tục cần thiết cho việc thu thập mẫu nước như sau: - Mẫu được thu thập bởi các nhân viên từ các phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập được công nhận; - Mẫu được lấy từ "đầu vào" và "đầu ra" (đầu vào = nước trong ống nạp, càng gần trang trại đang được chứng nhận càng tốt. Đầu ra = nước thực tế được thải ra, không phải là nước nhận được. Đối với các trang trại sử dụng hệ thống xử lý nước thì có thể là các nước trong phần cuối cùng của hệ thống xử lý trước khi thải); Mẫu được thu thập từ các cửa hút gió ao và các cửa hàng trong nửa thứ hai của mùa nuôi trồng (tức là ≥ 90 ngày sau khi thả giống); - Trong Mỗi ngày lấy mẫu, ít nhất là hai mẫu được thu thập từ các đầu ra và được thực hiện ít nhất 1 giờ một phần (sử dụng giá trị trung bình trong các tính toán dưới đây); - Mức tối thiểu các trang trại phải lấy mẫu từ một ao một năm.</p>					
		A. Cung cấp kết quả phòng lab TP cho mẫu nước thải vào và ra	A. Xem xét kết quả kiểm TP	C			Tất cả các ao đều được phân tích. Kiểm tra kết quả đo TP của ao số 2, 5, 7, 8 kiểm ngày 07/06/2014, kết quả là chính xác
		b. Đối với mỗi ao, tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi của TP giữa đầu vào và đầu ra tại mỗi ngày lấy mẫu bằng cách sử dụng các phương trình được hiển thị ở trên.	B. Xem xét để xác minh tính chính xác của bảng tính	C			Kiểm tra tính toán TP của ao 2, 5, 7, 8: kết quả là chính xác
		c. Sử dụng kết quả của 3.3.1 (b) để tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình tại TP trên toàn bộ giai đoạn giám sát.	C. Xác nhận phần trăm thay đổi trung bình của TP ≤ 100%. Nếu bất kỳ giá trị nào nằm ngoài giới hạn, nêu ra sự không phù hợp.			NC-EV1	Kiểm tra tính toán TP của 4 ao, tất cả kết quả đều <100%, những chưa có trung bình toàn trại
		d. Cung cấp bằng chứng tại hiện trường về việc lấy mẫu nước thải ao cho TP và TN của nhân viên từ các phòng thí nghiệm được công nhận.	D. Xem xét bằng chứng của việc lấy mẫu TP và TN để xác nhận tuân thủ các quy trình	C			Kiểm tra nhân viên phòng thí nghiệm lấy mẫu nước cấp & nước thải để phân tích: phương pháp lấy mẫu phù hợp với hướng dẫn của tiêu chuẩn
3.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Trung bình phần trăm thay đổi tối đa của TN giữa đầu vào và đầu ra (xem phương pháp đo lường TN và công thức xả thải TN ở phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 70%</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	Note: see instructions for Indicator 3.3.1					
		A. Cung cấp kết quả phòng lab TN cho mẫu nước thải vào và ra	A. Xem xét kết quả kiểm TN	C			Tất cả các ao đều được phân tích. Kiểm tra kết quả đo TP của ao số 2, 5, 7, 8 kiểm ngày 07/06/2014, kết quả là chính xác
		b. Đối với mỗi ao, tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi của TN giữa đầu vào và đầu ra tại mỗi ngày lấy mẫu bằng cách sử dụng các phương trình được hiển thị ở trên.	B. Xem xét để xác minh tính chính xác của bảng tính	C			Kiểm tra tính toán TN của ao 2, 5, 7, 8: kết quả là chính xác
		c. Sử dụng kết quả của 3.3.2 (b) để tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình tại TN trên toàn bộ giai đoạn giám sát.	C. Xác nhận phần trăm thay đổi trung bình của TN ≤ 70%. Nếu bất kỳ giá trị nào nằm ngoài giới hạn, nêu ra sự không phù hợp.	C		NC-EV1	Kiểm tra tính toán TN của 4 ao, tất cả kết quả đều <100%, những chưa có trung bình toàn trại
d. Cung cấp bằng chứng tại hiện trường về việc lấy mẫu nước thải ao cho TP và TN của nhân viên từ các phòng thí nghiệm được công nhận.	D. Xem xét bằng chứng của việc lấy mẫu TP và TN để xác nhận tuân thủ các quy trình	C			Kiểm tra nhân viên phòng thí nghiệm lấy mẫu nước cấp & nước thải để phân tích: phương pháp lấy mẫu phù hợp với hướng dẫn của tiêu chuẩn		
Ghi chú [25] Nước trong kênh vào, càng gần trại nuôi chứng nhận càng tốt.							
Ghi chú [26] Nước thực tế được thải ra, không phải nước nhận							
3.3.3	<p>Hướng dẫn chủ trang trại về Chỉ số 3.3.3 – Đo hàm lượng DO trong nước thải Xem Tiêu chí 3.2.1 mô tả chung về thiết bị và phương pháp được sử dụng để đo hàm lượng ô-xy hòa tan (DO). Đo hàm lượng DO tại nơi xả nước thải (đo hàm lượng DO trong nước đang được xả ra ngoài, không phải nước nhận. Đối với các trang trại sử dụng hệ thống xử lý nước, đây có thể là phần cuối của hệ thống xử lý trước khi xả thải); Kiểm tra DO ít nhất một lần trên tuần.</p> <p>Chỉ tiêu: Hàm lượng oxi hòa tan tối thiểu trong nước xả thải (xem phương pháp xác định DO ở phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 3mg/l</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	a. Cung cấp các ghi chép về hàm lượng DO trong nước xả ra môi trường tự nhiên. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.	A. Xem xét dữ liệu để xác nhận rằng việc theo dõi bao quát hết các yêu cầu về khung thời gian	C			Đo DO của kênh nước thải gần điểm xả thải 1 lần / tuần. Việc đo DO được tiến hành từ tháng 01/2014 - 09/2014
		b. Sử dụng tất cả các số liệu đo đạc hàng tuần để tính hàm lượng DO trung bình trong nước xả thải trong cả quá trình theo dõi. Đối với lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.	B. Xác nhận DO thải trong nước ≥ 3 mg/L. Nếu có bất kỳ giá trị nào nằm ngoài giới hạn, nêu ra sự không phù hợp.	C			

		c. Trong quá trình khảo sát thực địa, thu xếp cho đánh giá viên xem việc chuẩn hóa thiết bị và đo đạc.	C. Trong quá trình đánh giá tại hiện trường, quan sát cách thức trang trại hiệu chỉnh thiết bị đo lường DO (hoặc lấy mẫu phân tích hóa) để xác nhận sự tuân thủ	C			Đánh giá tại thực địa: quan sát kỹ thuật viên của trại hiệu chỉnh máy đo DO tại điểm nhận nước thải lúc 16h30 theo hướng dẫn của tiêu chuẩn, kỹ thuật viên thực hiện tuân theo đúng hướng dẫn của tiêu chuẩn. Kết quả đo tại thực địa cho thấy nằm trong khoảng trại đã đo	
3.4 Criteria: Sludge disposal for ponds and pens, not cages [27]								
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):				
Ghi chú	[27] Đối với nuôi cá lồng, không yêu cầu giám sát khu hệ sinh vật đáy vì lồng nuôi chỉ chiếm một phần nhỏ sản lượng. Tình trạng này cần được theo dõi và điều chỉnh nếu sản lượng nuôi cá lồng tăng một cách đáng kể.							
3.4.1	Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp kế hoạch chi tiết về quản lý bùn thải (xem mục 3.5.1). Kế hoạch này sẽ đảm bảo không có bất cứ dạng bùn thải nào được xả trực tiếp vào thủy vực nước nhận xả thải hoặc hệ sinh thái tự nhiên.	A. Xem xét kế hoạch quản lý bùn thải của trang trại.	C			Trại có kế hoạch quản lý bùn thải số TCDH-KH09 ngày 05/01/2013 ghi rõ rằng bùn được trữ trong ao chứa bùn. Bùn được nạo vét trong quá trình chuẩn bị ao trước khi thả cá cho mỗi vụ và khi kiểm tra thấy bùn đáy quá dày trong vụ nuôi.	
		b. Lưu giữ các ghi chép về việc xả bùn thải cho thấy thể tích hay trọng lượng và điều kiện (tươi hoặc khô) khi được xả thải. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đủ ghi chép trong vòng 3 tháng trở lên.	B. Xem xét hồ sơ để xác nhận xử lý thích hợp theo kế hoạch.	C			Nhật ký theo dõi bùn đáy ao cho của tất cả các ao trong trại, kiểm tra hồ sơ của 7 ao này bao gồm ngày bơm bùn, thể tích bùn thải và nơi bùn được chứa vào.	
		c. Nếu bùn thải được chuyển cho bên khác (VD: để sử dụng trong nông nghiệp) thì cần có xác nhận từ bên tiếp nhận về khối lượng chất thải được chấp nhận, thời gian chuyển và kế hoạch sử dụng bùn thải đó. Bên này cũng phải khai báo rằng bùn thải sẽ không được đổ trực tiếp vào nguồn nước nhận và hệ sinh thái tự nhiên.	C. Nếu có ©, xác nhận rằng trang trại có bằng chứng hồ sơ tài liệu thích hợp	C			Trại chỉ trữ bùn trong ao chứa bùn, khi ao đầy, bùn sau xử lý được dùng để gia cố bờ ao/đê. Không giao bùn cho bên khác	
		d. Nếu sử dụng nơi chứa bùn thải thì cung cấp bản đồ đánh dấu địa điểm nơi chứa bùn thải trong khu vực trang trại hoặc tài liệu chứng minh quyền tiếp cận hợp pháp nơi chứa bùn thải (giấy chứng nhận sử dụng hoặc chứng nhận của chủ sở hữu)	D. Nếu có (d), kiểm tra nơi chứa bùn trong thời gian đánh giá tại hiện trường	C			Đánh giá thực địa: trại có 2 ao chứa bùn là ao 3 và 4 có bùn bơm vào để xử lý	
		-	E. Trong cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương và nhân viên, xác minh không có bằng chứng cho thấy trang trại thải bùn trực tiếp vào nguồn nước nhận từ hệ sinh thái tự nhiên	C			Phỏng vấn cộng đồng: không có bằng chứng về việc trang trại thải bùn trực tiếp vào các thủy vực tự nhiên xung quanh trang trại.	
Ghi chú	[28] "The complex of a community and its environment functioning as an ecological unit in nature." More simply, it's both living and non-living things that interact with each other. In these standards, both the terrestrial and aquatic ecosystems are considered.							
3.4.2	Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Trang trại có nơi chứa bùn thải	Công thức tính nơi chứa bùn thải được trình bày trong phụ lục D của Tiêu chuẩn ASC đối với Cá Tra/Basa. Trang trại sẽ ghi chép về cách sử dụng công thức này để tính toán quy mô thích hợp (thể tích tối thiểu) của một nơi chứa bùn thải. Ví dụ, các trang trại ghi chép các tính toán của họ về kế hoạch quản lý bùn thải (xem 3.4.1a). Tất cả diện tích và thể tích bùn thải phải được xem xét trong tính toán. Đối với diện tích ao, chỉ xem xét diện tích ao, chỉ xem xét diện tích ao mà bùn thải phải được đưa ra ngoài hồ chứa ao/đê.		A. Xem xét bảng tính của trang trại để thẩm tra tính chính xác. Xác nhận tuân thủ		C		Có tính toán thể tích của khu vực lưu giữ bùn, kết quả phù hợp.
		a. Cung cấp các tính toán cho thấy nơi chứa bùn thải có quy mô phù hợp.	B. Trong cuộc đánh giá tại hiện trường, kiểm tra nơi chứa bùn thải	C			Đánh giá thực địa: có 2 ao chứa bùn nằm trong khuôn viên trại là ao 3 và 4 có bùn chứa để xử lý	
3.5 Criteria: Waste management								
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):				
3.5.1	Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả	a. Lập kế hoạch quản lý chất thải rắn cho trang trại. Kế hoạch này có thể bao gồm các loại chất thải khác từ trang trại (xem 3.4.1, 3.5.2, 3.5.3, và 3.5.4).	A. Xem xét kế hoạch quản lý chất thải rắn của trang trại	C			- Trang trại đã có kế hoạch quản lý chất thải số TCDH-KH09 ban hành ngày 05/01/2013; bao gồm cách xử lý tất cả các loại rác thải (xem 3.4.1, 3.5.2, 3.5.3, 3.5.4)	
		b. Trong thời gian khảo sát thực địa, bố trí cho đánh giá viên kiểm tra hệ thống quản lý chất thải rắn của trang trại.	B. Kiểm tra bất cứ bằng chứng nào của chất thải rắn tại trang trại (túi, thùng) đang được thải vào môi trường tự nhiên xung quanh trang trại	C			Kiểm tra thực tế: Xung quanh trại không có chất thải rắn như bao nilong, hộp nhựa.	

	<p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>		<p>C. Xác nhận rằng kế hoạch quản lý chất thải rắn của vùng nuôi được thực hiện và có hiệu lực. Đánh giá nếu có rủi ro hoặc tiềm ẩn của việc xả thải.</p>	C			<p>- Bao thức ăn rỗng: bán cho đơn vị thu mua bao thức ăn, có hợp đồng và biên bản giao nhận. - Bao bì, hộp thuốc, hóa chất rỗng: giao lại cho bên nhà cung cấp thuốc/hóa chất của trại để xử lý - rác sinh hoạt: thu gom và xử lý bởi công ty dịch vụ Kiểm tra hồ sơ ghi chép xử lý rác, xác nhận phù hợp</p>
3.5.2	<p>Chỉ số: Bằng chứng về chất thải rắn có nguồn gốc từ con người hoặc động vật được xả thải vào môi trường tự nhiên</p> <p>Yêu cầu: không</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>a. Trong thời gian khảo sát thực địa, cung cấp cho đánh giá viên mô tả chung về hệ thống xử lý chất thải người và động vật. Cho phép đánh giá viên kiểm tra. b. Đối với hệ thống vệ sinh tự hoại, cho biết lịch làm sạch và bảo dưỡng hệ thống (xem mục 3.5.4c). c. Trong thời gian khảo sát thực địa, cho đánh giá viên xem địa điểm tất cả nhà vệ sinh tự hoại và lịch nạo vét và bảo dưỡng của hệ thống. d. Cung cấp bằng chứng về việc chôn lấp chất thải động vật (nếu áp dụng). e. Xác định các nhà vệ sinh tự hoại theo hợp đồng lắp đặt, nếu có</p>	<p>A. Giám định hệ thống xả thải rắn cho bất cứ bằng chứng nào về việc chất thải rắn của con người hoặc động vật nuôi vào môi trường tự nhiên. B. Thăm tra việc hút và bảo trì theo kế hoạch. C. Giám định nhà vệ sinh tự hoại để thẩm tra rằng ko có sự rò rỉ hoặc thải trực tiếp vào môi trường tự nhiên. Thăm tra rằng việc hút và bảo trì theo kế hoạch D. Giám định để thẩm tra rằng trang trại chôn phân động vật nuôi (nếu có) E. Xem xét hợp đồng xây dựng (nếu có)</p>	C	C	C	<p>Sử dụng nhà vệ sinh tự hoại. Không có bằng chứng thải chất thải rắn của con người và động vật vào môi trường tự nhiên. Trang trại có 03 nhà vệ sinh, tình trạng vệ sinh đạt. - Kế hoạch xử lý bể tự hoại ngày 05/01/2013, ngày phải bảo trì bể là 12/2013 Kiểm tra nhà vệ sinh tự hoại: Sạch sẽ, không có bằng chứng của sự rò rỉ hoặc thải trực tiếp vào môi trường tự nhiên. Kiểm tra hiện trường: đạt, không có động vật nuôi nào khác tại trang trại Hồ sơ thiết kế nhà vệ sinh tự hoại</p>
3.5.3	<p>Chỉ số: Bằng chứng về các chất thải từ thuốc và hóa chất được xả thải vào môi trường tự nhiên</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Phạm vi áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lập kế hoạch quản lý chất thải từ thuốc và hóa chất của trang trại. b. Trong thời gian khảo sát thực địa, cho phép đánh giá viên kiểm tra hệ thống quản lý chất thải thuốc và hóa chất của trang trại</p>	<p>A. Xem xét kế hoạch quản lý chất thải hóa học và thuốc của trang trại B. Giám định trang trại có bất kỳ bằng chứng nào của hóa chất hoặc thuốc thải đang được xả vào môi trường tự nhiên xung quanh trang trại</p>	C	C	C	<p>"Kế hoạch quản lý chất thải rắn" TCDH-KH 08/5/1/2013, tất cả các chất thải hóa chất và thuốc thú y được thu lại bởi nhà cung ứng bao bì - Kiểm tra thực tế: không có bằng chứng xả chất thải thuốc và hóa chất vào môi trường tự nhiên. Trang trại có phòng lưu trữ đối với chất thải thuốc và hóa chất, và có hồ sơ chứng minh chất thải thuốc và hóa chất được thu thập bởi nhà cung ứng thuốc.</p>
3.5.4	<p>Chỉ số: Bằng chứng về việc tiêu hủy [30] cá chết/cá sắp chết hợp lý</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Phạm vi áp dụng: Tất cả</p>	<p>Lập kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá sắp chết hợp lý cụ thể cách thức tiêu hủy bằng một hoặc nhiều cách như: thiêu hủy (không tính thiêu hủy bình thường vì không được phép); chôn vùi; ủ lên men dùng làm phân bón, bồn tự hoại hoặc sản xuất bột cá hoặc dầu cá; thức ăn cho gia súc (đòi hỏi phải có xác nhận của chuyên viên bệnh học thủy sản, xem Nguyên tắc 6); bán. Tuyệt đối không sử dụng cá chết làm thực phẩm cho người trừ phi được giết mổ và chế biến đặc biệt.</p>	<p>A. Xem xét kế hoạch của trang trại có tuân thủ tiêu chí 3.5.4 B. Thăm tra bằng giám định (nếu có) C. Thăm tra bằng xem xét bằng chứng hồ sơ tài liệu (nếu có) D. Thăm tra bằng giám định (nếu có)</p>	C	C	C	<p>Trang trại có kế hoạch xử lý cá chết trong thủ tục TCDH-KH04 ngày ban hành 05/01/2013: - cá chết thông thường: được bán cho bên thu gom làm thức ăn động vật nuôi - cá chết do bệnh/nhiễm thuốc hóa chất: được chôn và xử lý trong hồ chôn cá chết Đánh giá tại trại: có hồ chôn cá chết và cá chết được xử lý phù hợp, không có bằng chứng ô nhiễm NA Không áp dụng, không sử dụng bồn tự hoại NA Không áp dụng, không sử dụng cá chết để sản xuất bột cá hoặc dầu cá</p>

		e. Thức ăn cho động vật khác ngoài cá tra (không kể bột cá và đầu cá nêu trong mục "d"): Phương án này chỉ được phép nếu chuyên viên bệnh học thủy sản kết luận nguyên nhân cá chết không phải là một tác nhân truyền nhiễm hoặc chất ô nhiễm hóa học/thuốc trừ sâu.	E. Kiểm tra rằng trang trại có tuyên bố văn bản từ chuyên gia sức khỏe thủy sản.				NA	Không áp dụng, không sử dụng cá chết để làm thức ăn cho các loài động vật khác.	
		f. bản: kế hoạch xác định rõ phương án bán. Đối với bán hết cá, chủ trại phải làm hợp đồng trong đó quy định rõ bên mua sẽ sử dụng cá chết như thế nào. Nếu định dùng làm thức ăn gia súc (thức ăn trực tiếp hoặc bột cá, đầu cá) hợp đồng và công bố của chuyên gia bệnh học thủy sản cần xác nhận việc tuân thủ yêu cầu trong 12 tháng trở lại đây. Đối với đánh giá lần đầu, chủ trang trại phải có đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.	F. Kiểm tra bằng xem xét bằng chứng hồ sơ tài liệu (nếu có)	C				Có Hợp đồng mua cá chết và "Hồ sơ bán cá chết" từ ngày 15/01/2014 -15/01/2015.	
		-	G. Xác nhận rằng kế hoạch của vùng nuôi được vận hành hiệu quả. Bằng chứng bao gồm phỏng vấn với công nhân để xác nhận rằng việc tiêu hủy tuân thủ kế hoạch	C				Thực tế kiểm tra và phỏng vấn công nhân: xác nhận kế hoạch quản lý cá chết hoàn toàn tuân thủ.	
Ghi chú	[30] Tiêu hủy cá chết đúng cách bao gồm: thiêu đốt, chôn vùi, lên men và làm phân bón hoặc sản xuất bột cá hoặc dầu cá. Không sử dụng cá chết làm thực phẩm cho con người. Cũng có thể chấp nhận được nếu có bằng chứng thuyết phục rằng tỷ lệ chết không phải do các tác nhân truyền nhiễm hoặc do chất ô nhiễm hóa học/thuốc trừ sâu gây ra, cá có thể								
3.6 Criteria: Energy consumption									
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):					
3.6.1	Chỉ số: Thông tin sẵn có với các thông số sau đây (theo năm/trang trại theo đơn vị được chứng nhận): - Nhiên liệu sử dụng - Lượng điện tiêu thụ - Số lượng cá chết đối với mỗi phương pháp tiêu hủy cá đã áp dụng Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả	a. Lưu giữ các ghi chép (VD: hóa đơn) tiêu thụ năng lượng của trang trại. Tính toán lượng nhiên liệu và điện sử dụng cho trang trại trong 12 tháng gần đây. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên. b. Cung cấp các ghi chép về số lượng cá chết (xem Chỉ số 6.4.4) và phương pháp hủy bỏ (xem Chỉ số 3.5.4). Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đủ ghi chép cho một vụ trọn vẹn tại mỗi điểm (xem lời mở đầu).	A. Xem xét bằng tính. Kiểm tra việc trang trại lưu trữ hồ sơ năng lượng tiêu thụ B. Kiểm tra rằng trang trại bảo trì chính xác hồ sơ cá chết và tiêu hủy	C				Có lưu hóa đơn tiền điện và xăng dầu trong 12 tháng từ tháng 09-2013 đến 09-2014 Có những ghi chép số lượng cá chết hàng ngày cho tất cả các ao và đầy đủ cho cá vụ nuôi.	
NGUYÊN TẮC 4: BẢO TỒN ĐA DẠNG LOÀI VÀ QUẢN THỂ HOANG DÃ							Major N	Minor N	NA
4.1 Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của cá tra trong hệ thống thoát nước									
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)		Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)					
4.1.1	Chỉ thị: Trang trại nằm trong một lưu vực sông nơi mà các loài nuôi là loài bản địa hoặc có khả năng tự xác lập giống hình thành trước ngày 1 tháng 1 năm 2005 Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại trong một lưu vực sông, nơi loài, hoặc là bản địa hoặc có khả năng tự tái tạo giống được thành lập	Lưu ý: Nếu loài nuôi không phải là loài bản địa ở lưu vực sông và các loài không có khả năng tự xác lập nguồn giống, thì Chỉ a. Cung cấp một công bố từ trang trại và nhà cung cấp giống để xác định các loài cá tra nuôi (tên Latin). Duy trì hồ sơ mua con giống. b. Cung cấp một bản đồ của lưu vực sông hiển thị vị trí của trang trại (xem 2.1.1). c. Nếu loài nuôi là bản địa lưu vực sông, cung cấp tài liệu chứng minh (giấy tờ xem xét tương đương, IUCN, FAO hay tổ chức quốc tế khác). d. Nếu loài không phải là bản địa và đã tự tái xác lập nguồn giống trong lưu vực sông, cung cấp tài liệu chứng minh (giấy tờ xem xét tương đương, cơ quan chính phủ [cơ quan có thẩm quyền] tuyên bố hay các tài liệu so sánh tham khảo khác về các phạm vi tác động của các nhóm tuổi tại các thời điểm và vị trí khác nhau) để chứng minh các loài này đã có khả năng tự xác lập nguồn giống trước ngày 01 tháng 01 năm 2005.	A. Xem xét công bố. Xác nhận rằng các loài nuôi được xác định chính xác trong hồ sơ thu mua. B. Xem xét bản đồ để xác nhận vị trí trang trại trong phạm vi lưu vực sông. C. Xác nhận tài liệu cho thấy các loài nuôi là loài bản địa lưu vực sông. D. Xác nhận tài liệu cho thấy các loài nuôi có khả năng tự xác lập nguồn giống được thành lập ở lưu vực sông trước ngày 01 tháng 01 năm 2005. E. Kiểm tra sự đồng nhất của loài nuôi bằng cách quan sát trực tiếp trong thời gian đánh giá tại trại.	C				Có công bố nhận từ nhà cung cấp con giống "Trại giống Phan Văn Na" xác nhận rằng cá giống là loài cá "Pangasianodon hypophthalmus" Kiểm tra trên bản đồ, trang trại nằm trong lưu vực sông Mê Kông. Trại cung cấp tài liệu "Phân bố và sinh thái một số loài cá sông Mê Công" chứng minh cá nuôi là loài bản địa NA Không áp dụng, cá Tra là loài bản địa Kiểm tra thực tế: xác nhận loài cá nuôi là phù hợp	
4.1.2	Chỉ thị: Nếu quần thể tự xác lập giống, phải có bằng chứng cho thấy điều này không có tác động tiêu cực đến môi trường [33] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông nơi loài không phải là bản địa và có khả năng tự xác lập giống được thành lập "	a. Cung cấp tài liệu chứng minh: giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác cho thấy không có tác động tiêu cực. Tác động tiêu cực bởi có khả năng tự xác lập nguồn giống bao gồm nhưng không giới hạn: - Thay đổi sự đa dạng di truyền của cá tra hoang dã thông qua giao phối. (Cạnh tranh (ví dụ như chiếm chỗ ở của các loài bản địa như mè))	A. Xem xét bằng chứng không có tác động xấu. Nếu quần thể tự xác lập giống không được thành lập ở lưu vực sông, hoặc nếu loài là loài bản địa lưu vực sông, Chỉ số 4.1.2 sẽ không được áp dụng.					NA Không áp dụng, cá Tra là loài bản địa	
Chú thích	[32] Khả năng tự xác lập được định nghĩa là tái tạo một cách tự nhiên. Giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác trên các phạm vi ảnh hưởng của các nhóm tuổi khác nhau tại các thời điểm và vị trí khác nhau như là bằng chứng cần thiết.								

Chu thích	[33] Giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác là cần thiết như một bằng chứng.						
4.1.3	Chỉ thị: Nếu loài không phải là loài bản địa và không có khả năng tự xác lập giống, phải có bằng chứng cho thấy các loài này không thể sống trong lưu vực sông [34] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông nơi các loài không phải là loài bản địa và không có khả năng tự xác lập giống "	a. Cung cấp giấy tờ xem xét tương đương dựa trên các dữ liệu hiện trường. Phân tích lý thuyết là không thể chấp nhận được.	A. Xem xét bằng chứng được trang trại cung cấp để xác nhận rằng các loài nuôi không thể thiết lập trong lưu vực sông.			NA	Không áp dụng, cá Tra là là loài bản địa
Chu thích	[34] Công bố xem xét tương đương trên một tạp chí có uy tín được yêu cầu như là bằng chứng cho thấy loài này không thể được xác lập.						
4.2 Tiêu chí: Đa dạng di truyền							
			Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)			
4.2.1	Chỉ thị: Chứng minh [35] rằng con giống [36] đã được sinh sản từ quần thể cá tra tự nhiên tái tạo ở lưu vực sông [37] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông, nơi mà loài hoặc là loài bản địa hoặc là loài có khả năng tự tái xác lập giống được thành lập "	a. Có được bằng chứng cho một trong những điều sau đây: b. Cung cấp một bản đồ của lưu vực sông hiển thị vị trí của trang trại (xem 2.1.1). c. Có công bố của nhà cung cấp khẳng định giống cá được sinh sản từ cá bố mẹ có nguồn gốc từ quần thể cá tra sinh sản tự nhiên trong lưu vực sông (thậm chí thông qua vài thế hệ của sinh sản nuôi giam cầm) d. Đối với việc mua cá giống, phải duy trì đầy đủ hồ sơ (như hóa đơn) để xác định nguồn cá bố mẹ trong lưu vực sông. Đối với lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải có ít nhất là 6 tháng.	A. Xem xét bằng chứng để xác nhận cá tra là loài bản địa lưu vực sông hoặc loài nào khác có khả năng tự xác lập giống ở đó B. Xem xét bản đồ để xác nhận vị trí của trang trại trùng với quần thể cá tra bản địa hoặc loài có khả năng tái xác lập giống đã được thành lập trong lưu vực sông. C. Xem xét khai báo. Xác nhận rằng nguồn gốc của giống được xác định chính xác trong hồ sơ mua hàng. D. Kiểm tra xem nguồn giống là tuân thủ với yêu cầu.	C			Xem 4.1.1.c
				C			Xem 4.1.1.b
				C			Có công bố nhận từ nhà cung cấp con giống " Phan Van Na" xác nhận rằng cá giống được sinh sản từ quần thể cá bố mẹ sinh sản tự nhiên trong lưu vực sông Mekong
				C			Kiểm tra nguồn gốc cá giống của các ao nuôi 2, 5,7,8 kết quả phù hợp.
Chu thích cuối trang	[35] Một bản đồ tổng thể của sự hình thành cá tra mà chỉ ra đủ các loài cũng như các giống riêng biệt là cần thiết						
Chu thích cuối trang	[36] Trong xuyên suốt tiêu chuẩn này, chữ giống chỉ được dùng để chỉ cho giống pangasius						
Chu thích cuối trang	[37] Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho tất cả các trại sử dụng nguồn giống hoặc là từ quần thể loài bản địa hoặc là đã được thành lập trước tháng 01/2005.						
4.3 Tiêu chuẩn: Nguồn giống							
			Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)			
4.3.1	Chỉ thị: Cho phép sử dụng nguồn giống đánh bắt tự nhiên để nuôi Yêu cầu: Không có Khả năng ứng dụng: Tất cả	a. Cung cấp công bố mà trại không sử dụng con giống đánh bắt tự nhiên để nuôi b. Có báo cáo của nhà cung cấp mà con giống không phải cá đánh bắt tự nhiên (thí dụ như giống được sinh sản cá bố mẹ nuôi giam cầm). c. Duy trì biện pháp giống cho tất cả các lần thả giống. Trong đợt đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải có ít nhất là 6 tháng.	A. Kiểm tra lời khai không có giống cá đánh bắt tự nhiên để nuôi. B. Kiểm tra trại có báo cáo của nhà cung cấp giống C. Kiểm tra trại duy trì hồ sơ chính xác về nguồn giống	C			Có một tuyên bố được ký bởi Quản lý trang trại vào ngày 07/01/2013, xác nhận rằng trang trại không sử dụng con giống có nguồn gốc tự nhiên /hoang dã để thả nuôi.
				C			Có "Tờ khai nguồn gốc cá giống" từ nhà cung cấp con giống cho mỗi lô giống nhập vào ao nuôi: xác nhận không sử dụng con giống tự nhiên /hoang dã.
				C			Kiểm tra nguồn gốc cá giống của các ao nuôi 2, 5,7,8 kết quả phù hợp.
4.4 Tiêu chuẩn: Giống biến đổi di truyền và giống lai							
			Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)			
4.4.1	Chỉ thị: Không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp bằng công bố rằng trại không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai. b. Có công bố từ nhà cung cấp giống rằng giống không biến đổi di truyền hoặc giống lai. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ của trại phải có ít nhất là 6 tháng	A. Kiểm tra công bố không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai. B. Kiểm tra trại lưu giữ các báo cáo từ các nhà cung cấp giống.	C			Có một tuyên bố được ký bởi Quản lý trang trại vào ngày 07/01/2013, xác nhận rằng trang trại không sử dụng con giống biến đổi gen hoặc giống lai.
				C			Có "Tờ khai nguồn gốc cá giống" từ nhà cung cấp con giống cho mỗi lô giống nhập vào ao nuôi: xác nhận không sản xuất và cung cấp giống biến đổi gen hoặc giống lai.
Chu thích cuối trang	[31] Một sinh vật biến đổi gen (GMO) là một sinh vật, ngoại trừ con người, trong đó vật liệu di truyền đã được thay đổi theo một cách mà không xảy ra một cách tự nhiên bằng cách giao phối và / hoặc tái tổ hợp tự nhiên (Chỉ thị 2001/18 /EC).						
4.5 Tiêu chuẩn: Xông thoát							
			Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)			

4.5.1	<p>Chỉ thị: Bằng chứng là cống nước cấp và thoát của hệ thống nuôi và tất cả các thiết bị bắt giữ được trang bị với mắt lưới hoặc vì chắn có kích thước thích hợp để giữ lại con giống trong khi nuôi nhằm ngăn ngừa tất cả các cỡ cá (trong từng đơn vị bắt giữ được đánh giá) xổng thoát</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a.Cung cấp hồ sơ trang trại cho thấy kích cỡ cá (ví dụ như trong lượng trung bình ghi nhận hàng tháng). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p> <p>b.Lưu giữ hồ sơ cho thấy kích thước của mắt lưới hoặc vì lưới sắt cho toàn bộ các trang trại. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất 6 tháng.</p>	<p>A. Xem xét hồ sơ về kích cỡ cá theo từng đơn vị bắt giữ khác nhau.</p> <p>B. Xem xét hồ sơ về kích thước mắt lưới vì chắn.</p> <p>C. Trong chuyến thăm quan hiện trường, kiểm tra kích thước của mắt lưới hoặc vì chắn để xác nhận sự tuân thủ.</p>	C				<p>Kiểm tra kích cỡ cá nuôi trong từng ao mỗi 1 tháng, trại có tất cả hồ sơ về kích cỡ cá cho từng ao nuôi trong "Nhật ký ao nuôi". Kiểm tra 4 ao đã thu hoạch là ao 2,5,7,8: có ghi chép thích hợp cho toàn vụ nuôi</p> <p>Trại chỉ sử dụng mắt lưới là 1.2cm, không thay kích cỡ mắt lưới trong suốt vụ nuôi</p> <p>Đánh giá quan sát trại: côn g nhân trại lấy lưới để kiểm tra mắt lưới, xác nhận phù hợp</p>
4.5.2	<p>Chỉ thị: Bằng chứng kiểm tra thường xuyên, kịp thời (ít nhất là một lần một ngày), giảm thiểu và sửa chữa được thực hiện trên lưới hoặc lưới sắt và ghi lại trong sổ tay thường trực (có sẵn để kiểm tra)</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng ứng dụng: Tất cả</p>	<p>a.Cung cấp hồ sơ trang trại kiểm tra hàng ngày mắt lưới hoặc vì lưới sắt được sử dụng trong từng đơn vị sản xuất (ví dụ như tăng trưởng)</p> <p>b.Giữ hồ sơ của sự giảm thiểu và sửa chữa trong sổ thường trực. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p> <p>c. Sắp xếp cho đánh giá viên giám sát quá trình kiểm tra khi đánh giá thực tế.</p>	<p>A. Xem hồ sơ để thẩm tra sự giám sát thường xuyên và đúng lúc.</p> <p>B. Xem sổ sách để thẩm tra việc sửa chữa đã được thực hiện và được ghi chép lại.</p> <p>C.Chứng kiến trang trại thực hiện việc kiểm tra mắt lưới và vì chắn để xác nhận rằng chương trình có hiệu quả.</p>	C	C			<p>Trại kiểm tra và giám sát lưới hàng ngày, kết quả kiểm tra được ghi trong "nhật ký ao nuôi" của tất cả mỗi ao</p> <p>Kiểm tra, có ghi chép cho tất cả các ao, cho thấy phù hợp</p> <p>Trong nhật ký ao nuôi ghi chép kiểm tra lưới cho từng ao mỗi ngày.</p> <p>Đánh giá quan sát trại thực hiện kiểm tra mắt lưới và vì chắn để xác nhận rằng chương trình hiệu quả.</p>
4.5.3	<p>Chỉ thị: Đập nước [38] đủ cao [39] để ngăn chặn rò rỉ nước và việc xổng thoát cá vào mùa mưa khi lũ lụt xảy ra</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng ứng dụng: Ao nuôi</p>	<p>a. Cung cấp hồ sơ hay báo cáo chính thức để chỉ ra mực nước cao nhất ở địa phương (mực nước sông, mực nước thủy triều, mực nước lũ...) trong 10 năm gần nhất.</p> <p>b.Có bản báo cáo của chính quyền địa phương hoặc tổ chức có uy tín báo cáo độ cao (m trên mực nước biển) của đập ao nuôi tại điểm thấp nhất của nó. Hiện thị vị trí của đập ao nuôi tại thấp điểm trên bản đồ của trang trại (xem 2.1.1).</p> <p>c.Cung cấp một công bố bằng văn bản nêu rõ không có sự cố tràn đổ hoặc thất thoát đáng kể do lũ lụt gây ra trong 12 tháng qua.</p>	<p>A. Xem hồ sơ ít nhất 10 năm hoặc báo cáo để thiết lập chiều cao tối đa của đỉnh lũ.</p> <p>B. Xem báo cáo và bản đồ. Trong chuyến thăm hiện trường, kiểm tra trang trại để xác minh rằng chiều cao bờ đập là đủ để ngăn chặn sạt lở khi lũ lụt xảy ra. Lưu ý: đập, để điều, đập và thành ao nuôi tất cả đều có cùng ý nghĩa cho tiêu chuẩn này.</p> <p>C. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương và nhân viên, thẩm tra không có bằng chứng đáng kể cho sự cố tràn đổ hoặc xổng thoát từ trại trong 12 tháng qua.</p>	C				<p>Có Báo cáo của Trung tâm khí tượng thủy văn Nam Bộ với thông tin về chiều cao tối đa của mực nước khi lũ lụt xảy ra trong thời gian 12 năm ở vị trí sông khu vực trang trại, mực nước cao nhất là 2.15m so với mực nước biển trong năm 2013</p> <p>"Báo cáo kết quả khảo sát" về cao trình của trại và điểm thấp nhất của bờ ao là 2.05m, tuy nhiên trang trại đã gia cố thêm 0.7m, đạt độ cao 2.75m. Hiện tại điểm thấp nhất là 2.23m, cao hơn cao trình nước lũ cao nhất.</p> <p>Trại có kế hoạch dự phòng cho tình huống ngập trong "Công bố v/v xác định điểm thấp nhất của trại" ngày 6/9/2013.</p> <p>Phòng vấn cộng đồng địa phương: không có bằng chứng về sự cố tràn đổ hoặc việc thất thoát cá do nước lũ dâng cao.</p>
Chú thích cuối trang	[38] Đập nước: để chứa nước trong ao.							
Chú thích cuối trang	[39] Xem xét mực nước lớn nhất trong 10 năm (bao gồm trường hợp khi có bão).							
4.5.4	<p>Chỉ thị: Sự hiện diện của các thiết bị bẫy [40] được đặt trong nước thải/kênh thoát nước / hoặc trên cống thoát để bắt cá thoát ra, có hồ sơ phát hiện và hành động sửa chữa (có sẵn để kiểm tra)</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a.Xác định số lượng và vị trí của tất cả các thiết bị bẫy. Thuật ngữ "thiết bị bẫy" không bao gồm lưới hoặc lưới rào cản (xem 4.5.1).</p> <p>b.Duy trì một hồ sơ thường xuyên (ít nhất là hàng tuần) kiểm tra bẫy và quan sát xổng thoát.</p> <p>c.Khi việc xổng thoát bị phát hiện, phải ghi lại bất cứ hành động nào được thực hiện để giảm hoặc loại bỏ việc thất thoát này. Trong các lần đánh giá đầu tiên, những hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét trại sử dụng các thiết bị bẫy như thế nào để giám sát việc xổng thoát. Thẩm tra rằng các thiết bị bẫy không làm tổn thương cá (ví dụ như lưới rây).</p> <p>B. Xem xét hồ sơ kiểm tra và quan sát sự xổng thoát.</p> <p>C. Xem xét sự phù hợp của bất cứ hành động nào được trang trại thực hiện để hạn chế sự xổng thoát.</p> <p>D. Trong chuyến thăm hiện trường, kiểm tra để thẩm tra rằng bẫy có cấu hình đúng và đặt phù hợp để đảm bảo hiệu quả giám sát việc xổng thoát của toàn trại.</p>	C	C	C		<p>Kiểm tra bẫy xổng thoát, có bẫy cá xổng thoát tại kênh thoát của ao lắng</p> <p>Bẫy được kiểm tra hàng ngày, ghi hồ sơ trong nhật ký ao nuôi, cho từng ao. Chỉ có phát hiện 1-2 cá xổng thoát</p> <p>Hồ sơ theo dõi cá xổng thoát, phát hiện rất ít cá xổng thoát, nên không có kế hoạch giảm số lượng cá xổng thoát</p> <p>Đánh giá tại trại, kiểm tra bẫy cá, xác nhận được lắp hiệu quả nhằm theo dõi cá xổng thoát của toàn trang trại</p>

Chú thích cuối trang	[40] Các thiết bị này không nên gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của cá (ví dụ, lưới rê).						
4.6 Tiêu chuẩn: Bảo trì ao nuôi.							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)				
4.6.1	Chỉ thị: Bằng chứng cho thấy để đáp được bảo quản nguyên vẹn [41] trong suốt quá trình nuôi. Yêu cầu: Có khả năng ứng dụng: Tất cả	<p>a. Chuẩn bị thủ tục hồ sơ cho việc giám sát và sửa chữa đập nước bị sạt lở.</p> <p>b. Duy trì hồ sơ theo dõi để nước và sửa chữa trong hồ sơ có nêu rõ ngày phát hiện hư hại và khi nông trại bắt đầu và hoàn thành việc sửa chữa.</p> <p>c. Trong suốt chuyến tham quan hiện trường, phải sắp xếp cho đánh giá viên kiểm tra để của trại.</p> <p>-</p>	<p>A. Xem thủ tục trại về việc giám sát và sửa chữa bờ đê</p> <p>B. Xem xét hồ sơ để tìm bằng chứng cho thấy bờ đê vẫn còn nguyên vẹn trong 12 tháng qua. Nếu có một đê nước được bị tổn hại, thì phải có bằng chứng cho thấy việc sửa chữa đã được hoàn thành càng sớm càng tốt.</p> <p>C. Kiểm tra bờ đê để xác nhận sự phù hợp. Kiểm tra bất cứ dấu hiệu nào cho thấy sạt lở và ghi nhận bằng chứng cho việc sửa chữa.</p> <p>D. Trong suốt quá trình phỏng vấn công nhân và dân địa phương, thẩm tra để nước vẫn được bảo quản nguyên vẹn trong suốt quá trình nuôi.</p>	C			<p>Có "Kế hoạch giám sát - duy trì - bảo dưỡng bờ đê" số TCDH-KH12, ngày 5/1/2013 cho việc kiểm tra và bảo trì hệ thống đê bao, đê được kiểm tra hàng ngày.</p> <p>Có đầy đủ hồ sơ kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đê bao cho cả vụ nuôi</p> <p>Kiểm tra bờ đê, phát hiện bờ ao giữa ao 6&7 không đảm bảo được bền vững</p> <p>Phòng vấn cộng đồng: không có bằng chứng cho việc sạt lở bờ đê</p>
Chú thích cuối trang	[41] Không bị tác động bằng cách cho phép xổng thoát một phần hoặc tất cả các con giống trong trại.						
4.6.2	Chỉ thị: Bằng chứng đảm bảo không có việc thất thoát cố ý [42] Yêu cầu: Có khả năng áp dụng: Tất cả	<p>a. Chuẩn bị một tuyên bố rằng các trang trại đã không có việc thất thoát cố ý trong 12 tháng qua.</p> <p>b. Lưu hồ sơ và biên lai để cho thấy rằng tất cả các con giống đã được thu hoạch và bán (xem 2.4.2 và 5.2.1) hoặc loại bỏ đúng cách (xem 3.5.4). Trong các đợt đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p> <p>c. Chuẩn bị một văn bản cho các kỳ khoảng thời gian không hoạt động kéo dài dài hơn 3 tháng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét công bố để xác nhận sự tuân thủ.</p> <p>B. Xem xét hồ sơ để xác nhận rằng tất cả con giống có thể được tính bởi thu hoạch hoặc loại bỏ.</p> <p>C. Xem xét hồ sơ sản xuất hàng năm để xác định xem có sự khác biệt đáng kể để có thể chỉ ra khả năng thất thoát cố ý.</p>	C			<p>Có một tuyên bố được ký bởi Trưởng trại vào ngày 7/1/2013, cam kết rằng trang trại không thả cá ra các thủy vực nước tự nhiên.</p> <p>Kiểm tra hồ sơ của ao số 2,5,7,8: có hồ sơ nhập giống, có chế hàng ngày, biên nhận thu hoạch: kiểm tra kết quả hoàn toàn phù hợp.</p> <p>Kiểm tra bảng tổng kết kế hoạch sản xuất, không có ao nào không thả nuôi 3 tháng</p>
Chú thích cuối trang	[42] Mục đích ban đầu của chú thích cuối trang 42 từ tiêu chuẩn Hội Thoại nuôi cá tra đã được làm rõ ở đây cho mục đích đánh giá. Nó bây giờ được là: "Sự khác biệt đáng kể giữa số lượng (sinh khối) của cá thả giống và số lượng (sinh khối) bán cá không có dịch bệnh, trộm cắp hoặc xổng thoát sẽ cho thấy khả năng thất thoát cố ý." NGUYÊN TẮC 5. THỨC ĂN SỬ DỤNG VÀ THỰC HÀNH CHO ĂN ĐỂ ĐẢM BẢO ĐẦU VÀO CHO AN LÀ BỀN VỮNG VÀ TỐI THIỂU						Major N Minor N NA
5.1 Tiêu chuẩn: Tinh bền vững của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)				
5.1.1	Chỉ thị: Sử dụng cá chưa nấu chín hoặc chưa chế biến và / hoặc sản phẩm cá [43] (bao gồm cả cá tạp) làm thức ăn Yêu cầu: Không Khả năng áp dụng: Tất cả	<p>a. Lưu giữ hồ sơ (ví dụ như biên lai) cho tất cả các loại thức ăn mua vào trong 12 tháng qua. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất trong 6 tháng.</p> <p>b. Nếu bất kỳ thức ăn tự chế nào được sử dụng, phải cung cấp một bảng mô tả các thành phần và các chế phẩm. Lưu bằng chứng mua (ví dụ như biên nhận) hoặc quyền sở hữu của tất cả các thành phần. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất trong 6 tháng.</p> <p>-</p>	<p>A. Xem xét hồ sơ trang trại cho nguồn cung cấp thức ăn thương mại.</p> <p>B. Xem xét thành phần để thẩm tra rằng thức ăn tự chế không có cá chưa nấu chín hoặc chưa chế biến và / hoặc sản phẩm cá (bao gồm cả cá tạp).</p> <p>C. Thẩm tra rằng các hồ sơ trại có ghi chép đầy đủ cho tất cả thức ăn được sử dụng. Không có dấu hiệu của nguồn thức ăn không giải thích được.</p>	C			<p>Có biên nhận cho thức ăn sử dụng cho cả vụ nuôi. Thức ăn sử dụng là thức ăn "Proconco"</p> <p>NA N/A, không sử dụng thức ăn tự chế.</p> <p>Chỉ sử dụng thức ăn "Proconco"</p>
Chú thích cuối trang	[43] Các sản phẩm cá được định nghĩa là tất cả các hình thức của cá hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ cá (ví dụ, tươi, đông lạnh, băm nhỏ, sấy khô, bột, dầu, và chế phẩm khác).						
5.1.2	Chỉ thị: Sử dụng cá tra chế biến các phụ phẩm [44] như là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi Yêu cầu: Không	<p>a. Chuẩn bị một tuyên bố rằng không có phụ phẩm cá tra chế biến đã được sử dụng làm thức ăn cho cá tra bất cứ lúc nào trong vòng 12 tháng qua.</p> <p>b. Lưu giữ tất cả các nguồn cấp thức ăn được sử dụng trong 12 tháng qua, có được một tuyên bố từ các nhà sản xuất để thể hiện sự tuân thủ. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tra nuôi.</p>	<p>A. Xem xét khai báo của trại để xác nhận rằng không có phụ phẩm cá tra chế biến được sử dụng làm thức ăn cho cá tra.</p> <p>B. Xem xét bằng tuyên bố của nhà sản xuất để xác nhận không có phụ phẩm cá tra được làm thức ăn.</p>	C			<p>Trại chỉ sử dụng thức ăn Công Nghiệp "Proconco" cho cả vụ nuôi của tất cả các ao, có tuyên bố ký ngày 02/01/2013.</p> <p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty Proconco" cam kết không sử dụng phụ phẩm cá tra làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn cho cá Tra.</p>

	<p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>c.Nếu thức ăn tự chế được sử dụng trong 12 tháng qua, chuẩn bị một tuyên bố rằng không có các phụ phẩm cá tra đã được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Nếu cá hoặc đầu cá đã được sử dụng, thì phải có một tuyên bố xác nhận tuần từ từ nhà cung cấp tương ứng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>C. Xem xét tài liệu của trang trại để xác nhận rằng không có các phụ phẩm cá tra được sử dụng trong sự chuẩn bị thức ăn (nếu có).</p>	<p>C</p>	<p>Không áp dụng, Không sử dụng thức ăn tự chế. Kiểm tra hồ sơ sử dụng thức ăn, cho thấy phù hợp</p>
<p>Chú thích cuối trang</p>	<p>[144] Rêu, nội tạng, đầu và xương từ chế biến cá hoặc tự nhiên hoặc nuôi-chế biến các phụ phẩm. Nói chung, các vật này không được tính là một phần của số lượng "sản phẩm cá" khi tính toán lượng cho cá ăn, vì điều này giúp thúc đẩy việc sử dụng tối nhất của cá hoang dã. Tuy nhiên, nó không chấp nhận việc sử dụng phụ phẩm cá tra trong khẩu phần ăn.</p>				
<p>5.1.3</p>	<p>Chỉ thị: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi không có trong "danh mục bị đe dọa" [45] của loài bị đe dọa trong Danh sách đỏ của IUCN[46]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>Đối với các mục đích của Chỉ thị này, định nghĩa sản phẩm cá của ASC sẽ bao gồm tất cả các nguồn hải sản đánh bắt hoang dã, bao gồm cả cá và các loài động vật không xương sống (ví dụ như tôm, cua, mực). Trang trại phải biết rằng thức ăn có chứa bất kỳ loài trong danh sách đỏ IUCN sẽ không tuân thủ tiêu chuẩn này. Sự hạn chế này mở rộng nguồn thức ăn sử dụng phụ phẩm (ví dụ như cật tía) hoặc sản phẩm nuôi trồng thủy sản trong danh sách đỏ của IUCN. Đối với mỗi sản phẩm cá được sử dụng như là một thành phần thức ăn, phải xác định xem loài này nằm trong danh sách đỏ của IUCN như sau: - Truy cập trang web http://www.iucnredlist.org/ Trong lĩnh vực tìm kiếm chính, nhập vào giống và loài - Bấm vào " Run search" và ghi lại trạng thái của các loài. Lưu ý: Danh sách đỏ IUCN sử dụng chín loại cho các loài xếp hạng theo mức độ đe dọa, và kết quả tìm kiếm có thể bao gồm các loài hiện không bị đe dọa. Đối với mục đích xác định xem thức ăn phù hợp với Chỉ số 5.1.3, xem xét loại duy nhất được xác định là "đề bị tổn thương", "nguy cấp", hoặc " Rất nguy cấp ". Loài được liệt kê trong các chuyên mục IUCN khác (ví dụ " Chưa phân loại ") không phải là sản phẩm cá được sử dụng.</p>	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có hồ sơ của những thành phần từ tất cả các nguồn cấp thức ăn có nguồn gốc. B. Lặp lại tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN để xác minh rằng trang trại có được kết quả chính xác. C. Xác nhận rằng trang trại đã cung cấp đầy đủ bằng chứng của việc tuân thủ.</p>	<p>NC-EV4</p> <p>C</p> <p>NA</p>	<p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty Proconco" cam kết không sử dụng bột cá sản xuất từ các loài cá nằm trong danh sách đỏ của IUCN để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá Tra. Tuyên bố của Proconco chưa chỉ ra cụ thể giống, loài và vùng thu hoạch Tìm kiếm cơ sở dữ liệu IUCN và thăm tra loài cá sử dụng như là thành phần bột cá cung cấp bởi "Công ty Proconco", kết quả cho thấy có sự tuân thủ. N/A, không có sử dụng thức ăn tự chế</p>
<p>Chú thích cuối trang</p>	<p>[45] Dễ bị tổn thương, bị đe dọa và nguy cơ đe dọa cao.</p>				
<p>Chú thích cuối trang</p>	<p>[46] www.iucnredlist.org Sử dụng phiên bản mới nhất. Thời gian một năm cho phép thích ứng với bất kỳ sửa đổi nào mới, do đó nếu một động vật mới được thêm vào danh sách IUCN, các nhà sản xuất có một năm để đáp ứng các tiêu chuẩn này.</p>				
<p>5.1.4</p>	<p>Chỉ thị: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn không phải là từ các loài được liệt kê trong Công ước về buôn bán quốc tế các loài nguy cấp (CITES) Phụ lục I, II và III [47]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>Đối với các mục đích của Chỉ thị này, định nghĩa sản phẩm cá của ASC sẽ bao gồm tất cả các nguồn hải sản đánh bắt hoang dã, bao gồm cả cá và các loài động vật không xương sống (ví dụ như tôm, cua, mực). Trang trại phải biết rằng thức ăn có chứa bất kỳ loài trong danh sách đỏ IUCN sẽ không tuân thủ tiêu chuẩn này. Sự hạn chế này mở rộng nguồn thức ăn sử dụng phụ phẩm (ví dụ như cật tía) hoặc sản phẩm nuôi trồng thủy sản trong danh sách đỏ của IUCN. Đối với mỗi sản phẩm cá được sử dụng như là một thành phần thức ăn, phải xác định xem loài này nằm trong danh sách đỏ của IUCN như sau: - Truy cập trang web http://www.iucnredlist.org/ Trong lĩnh vực tìm kiếm chính, nhập vào giống và loài - Bấm vào " Run search" và ghi lại trạng thái của các loài. Lưu ý: Danh sách đỏ IUCN sử dụng chín loại cho các loài xếp hạng theo mức độ đe dọa, và kết quả tìm kiếm có thể bao gồm các loài hiện không bị đe dọa. Đối với mục đích xác định xem thức ăn phù hợp với Chỉ số 5.1.3, xem xét loại duy nhất được xác định là "đề bị tổn thương", "nguy cấp", hoặc " Rất nguy cấp ". Loài được liệt kê trong các chuyên mục IUCN khác (ví dụ " Chưa phân loại ") không phải là sản phẩm cá được sử dụng.</p>	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có một tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi, thăm tra nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như là thành phần trong tất cả các thức ăn công nghiệp. B. Lặp lại việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của Công ước CITES để xác minh rằng trang trại có được kết quả chính xác. C. Xác nhận rằng trang trại đã cung cấp đầy đủ bằng chứng của việc tuân thủ.</p>	<p>NC-EV4</p> <p>C</p> <p>NA</p>	<p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty Proconco" , cam kết không sử dụng bột cá sản xuất từ các loài cá nằm trong danh sách CITES, phụ lục I, II, III để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá Tra. Tuyên bố của Proconco chỉ ra cụ thể giống, loài và vùng thu hoạch chưa sẵn có Tìm kiếm cơ sở dữ liệu CITES và thăm tra loài cá sử dụng như là thành phần bột cá cung cấp bởi "Công ty Proconco", kết quả cho thấy có sự tuân thủ. N/A, không sử dụng thức ăn tự chế</p>
<p>Chú thích cuối trang</p>	<p>[47] http://www.cites.org/eng/app/appendices.shtml</p>				
<p>5.1.5</p>	<p>Chỉ thị: ISEAL chứng nhận bột cá và các sản phẩm đầu cá phải được sử dụng trong thức ăn</p> <p>Yêu cầu: Trong thời hạn 3 năm, phải có sẵn trong khu vực</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả, sau 3 năm ISEAL chứng nhận bột cá và đầu cá sẵn có trong khu vực sản xuất.</p>	<p>Lưu ý 1: "Trò chơi" có sẵn trong khu vực có nghĩa là thương mại sản phẩm trong khu vực (khu vực BV) từ một nhà sản xuất cấp độc lập và chỉ định trong tài liệu kinh nghiệm (ngày xuất hiện trong tài liệu kinh nghiệm được sử dụng). Lưu ý 2: " sản phẩm "không áp dụng cho vụn và các sản phẩm nuôi trồng được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (xem Chỉ thị 5.1.3)</p>	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tra.</p>	<p>C</p>	<p>Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và đầu cá chưa có sẵn trong khu vực.</p>

	Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng	b.Cung cấp bằng chứng cho thấy bột cá và các sản phẩm đầu cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi từ các nguồn được chứng nhận tương thích với các tiêu chuẩn của một thành viên ISEAL.	B. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự tuân thủ.	C			Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và đầu cá chưa có sẵn trong khu vực.
5.1.6	Chỉ thị: ISEAL chứng nhận bột cá và các sản phẩm đầu cá phải được sử dụng trong thức ăn Yêu cầu: Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày công bố các tiêu chuẩn PAD Khả năng áp dụng: Tất cả, sau tháng 8/2015. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng	a.Có được tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi như Chỉ thị số 5.1.5. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ. b.Cung cấp bằng chứng về nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cá được chứng nhận như Chỉ thị số 5.1.5.	A. Xác nhận rằng trang trại có được thông tin về các thành phần thức ăn. B. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự tuân thủ.	C			Xem 5.1.5.a Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và đầu cá chưa có sẵn trong khu vực.
5.1.7	Chỉ thị: Lựa chọn tạm thời A: bột cá hoặc các sản phẩm đầu cá được sử dụng trong thức ăn có nguồn gốc từ thủy sản với số điểm trung bình (FS) FishSource Lựa chọn tạm thời B: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn đã được có nguồn gốc từ các cơ sở có xác nhận là phù hợp với mục 11 (Nguồn chịu trách nhiệm), 2 (Truy xuất nguồn gốc), và 3 (Chịu trách nhiệm sản xuất) của các bột cá quốc tế và Tổ chức đầu cá của (IFFO) "chương trình nguồn gốc có trách nhiệm cho việc chứng nhận của Qui Phạm sản xuất có trách nhiệm về bột cá và đầu cá Yêu cầu: ≥ 6.0 không có điểm cá nhân <6.0 hoặc N/A trong hạng mục đánh giá Có Khả năng ứng dụng: Lên đến khi tiêu chuẩn 5.1.5 hoặc 5.1.6 có thể được đáp ứng. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng	Hướng dẫn cho khách hàng về Chỉ thị 5.1.7 - Điểm số nguồn cá của sản phẩm sử dụng trong thức ăn Để xác định điểm Nguồn Cá của các loài cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, làm như sau: - Truy cập http://www.fishsource.org/ - Chọn "Species" thả xuống tab bên trái - Chọn loài được sử dụng bởi các trang trại như là một nguồn bột cá hoặc đầu cá - Xác nhận rằng tìm kiếm xác định các loài chính xác, sau đó chọn tab đầu mà đọc "Scores" Xem xét điểm để thăm tra điểm FS trung bình ≥ 6,0; không có điểm riêng lẻ <6.0, và không có "" N / A "" cho thể loại "đánh giá nguồn lợi" (loại 4 trong điểm số nguồn cá). Nếu kết quả cho thấy các loài không đáp ứng tất cả các tiêu chí trên, thì thức ăn không đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn ASC cá tra. Nếu các loài chưa được đánh giá (tức là nó không được liệt kê trên trang web của FishSource), thì thức ăn không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn. Liên hệ với FishSource thông qua Sustainable Fisheries Partnerships để xác định các loài như là một ưu tiên cho việc đánh giá. a.Có được tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi cho Chỉ thị số 5.1.5. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ. b.Cung cấp điểm FS hoặc thăm tra của IFFO chứng nhận cho từng loài được sử dụng như là một thành phần thức ăn trong tất cả các nguồn cấp thức ăn được các trang trại sử dụng trong thời gian 12 tháng qua. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.	A.Thăm tra rằng nông trại có được thông tin về các thành phần thức ăn. B. Xem xét điểm số FS và chứng nhận IFFO đối với các loài được sử dụng trong thức ăn. Kiểm tra chéo đối với các loài được liệt kê trong tờ khai cung cấp thức ăn (xem 5.1.3a).	C			Xem 5.1.5.a Chứng nhận IFFO của bột cá từ Proconco, hết hạn ngày 24-08-2014. Giấy chứng nhận mới chưa sẵn có
5.2 Tiêu chuẩn: Quản lý hiệu quả thức ăn sử dụng trong trại nuôi							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)				
5.2.1	Chỉ thị: Trọng lượng tối đa [50] trung bình của Hệ số chuyển đổi thức ăn kinh tế (eFCR) cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh Yêu cầu: 1,68 Khả năng áp dụng: Tất cả	a.Có được biên bản và / hoặc báo cáo từ nhà cung cấp giống cho thấy trọng lượng trung bình của con giống và số lượng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ. b.Lưu hồ sơ các loại thức ăn và tổng số lượng được sử dụng (xem 3.1.1a). c.Lưu hồ sơ (ví dụ như biên bản) cho thấy số lượng cá thu hoạch (xem 2.4.2b). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu). d.Tính toán eFCR và năng suất cho mỗi vụ thu hoạch trong 12 tháng qua bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu). e.Tính toán eFCR bình quân tối đa cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh bằng cách sử dụng công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra.	A. Xem xét hồ sơ để xác nhận rằng trang trại có hồ sơ cho tất cả con giống. B. Xác nhận rằng trang trại có hồ sơ đầy đủ và chính xác cho thức ăn nuôi C. Thăm tra trang trại giữ hồ sơ cho thấy số lượng cá thu hoạch. D. Xem xét tính toán về tính chính xác và đầy đủ. E. Xem xét tính toán cho chính xác. Xác nhận sự tuân thủ.	C	C	C	Có hồ sơ cá giống cho tất cả các lần thả nuôi. Kiểm tra các ao 2,5,7,8, cho thấy các ghi chép là chính xác Có hồ sơ ghi nhận lượng thức ăn hàng ngày cho tất cả các ao. Kiểm tra hồ sơ ao 6 và ao 9: có ghi nhận đầy đủ cho cả vụ nuôi Có hồ sơ thu hoạch của 4 ao đã thu hoạch là ao 2,5,7,8. Kiểm tra biên bản thu hoạch của 4 ao này, kết quả phù hợp Có các tính toán eFCR cho 2 ao đã thu hoạch. Kiểm tra tất cả các tính toán: kết quả chính xác, Ao 2 = 1.59, ao 5 = 1.58, ao 7 = 1.56; ao 8 = 1.55 Kiểm tra eFCR trung bình của tất cả các ao thu hoạch, eFCR trung bình = 1,57
Chú thích	[50] Trọng lượng được thực hiện bởi số lượng cá được sản xuất trong các đơn vị canh tác khác nhau (ví dụ như ao, đống và lồng).						
		a. Có một hoặc nhiều báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi cho thấy tỷ lệ phần trăm bao gồm tối đa bột cá và đầu cá trong mỗi loại thức ăn được sử dụng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	A. Thăm tra rằng trang trại có được thông tin về phần trăm bao gồm bột cá và đầu cá cho tất cả các loại thức ăn.			NC-EV6	Có Công bố từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty Proconco" xác nhận về hàm lượng bột cá trong thức ăn: fish meal < 10% Chưa có tuyên bố cụ thể từ nhà cung ứng thức ăn về hàm lượng bột cá trong thức ăn để tính FFER. Trại tính toán dựa trên hàm lượng bột cá = 5% (dựa vào tuyên bố trước đây)

5.2.2	Chỉ thị: Hệ số chuyển đổi tối đa thức ăn cho cá (FFER) Yêu cầu: 0,5 Khả năng áp dụng: Tất cả	b. Tính FFER bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra. Các sản phẩm phụ từ chế biến thủy sản của các loài khác hơn so với cá tra nhưng không phải trên Danh sách đỏ của IUCN hoặc CITES có thể được sử dụng và không được xem là yếu tố "bột cá hoặc đầu cá" cho tính toán này.	B. Xem xét tính toán để thẩm tra độ chính xác. Xác nhận sự tuân thủ.	C		Có tính toán của trang trại cho từng ao, Pond 2 = 10.358, Pond 5 = 0.356, Pond 7 = 0.351; pond 8 = 0.349 - FFERavg = 0.353
NGUYÊN TẮC 6. Giảm thiểu các tác động lên hệ sinh thái và sức khỏe con người, trong khi vẫn tối đa hóa sức khỏe cá, an sinh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.						
6.1 Tiêu chí: Tỷ lệ chết						
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)			
6.1.1	Chỉ tiêu: Tỷ lệ chết trung bình thực tế tối đa, tính theo phần trăm, kể từ lúc thả giống đến lúc thu hoạch, trong quá trình nuôi thương phẩm (xem công thức tính tỷ lệ chết thực theo phần trăm ở Phụ Lục D) Yêu cầu: 20% Áp dụng: Tất cả	Hướng dẫn cho Khách hàng về chỉ tiêu 6.1.1 - Tính tỷ lệ % trung bình cá chết trên thực tế. Tính tỉ lệ cá chết trung bình trên thực tế từ dữ liệu thả giống và thu hoạch từ mỗi ao được trang trại sử dụng trong vòng 12 tháng. Làm một phép tính cho mỗi ao như sau: 1. Xác định số lượng cá giống được thả, con số này có thể được lấy từ: - Số lượng giống trực tiếp hoặc, - Lấy tổng trọng lượng của cá giống thả vào chia cho trọng lượng trung bình của cá giống được thả. 2. Xác định số lượng cá thu hoạch. Con số này lấy từ: - Số lượng cá thu hoạch, hoặc - Lấy tổng trọng lượng của cá thu hoạch chia cho trọng lượng trung bình của cá thu hoạch. 3. Sử dụng công thức trong phụ lục D, tính toán tỷ lệ cá chết trung bình trên thực tế. 4. Lập lại bước 1, 3 cho mỗi ao. 5. Tính toán tỷ lệ trung bình RPM cho tất cả các quãng trong vòng 12 tháng (xem chú ý 1). Lần đánh giá đầu tiên phải có giấy tờ của ít nhất một vụ thu hoạch hoàn chỉnh Ghi chú 1: Chỉ lấy số lượng cá sống để tính. Không bao gồm lượng cá chết khi xác định số cá thu hoạch hoặc số lượng giống thả Ghi chú 2: Chỉ sử dụng thông tin từ vụ mùa hoàn chỉnh.	A. Xem xét biên lai. Xác nhận rằng hồ sơ của trang trại là đủ để xác định số lượng con giống được thả vào mỗi ao B. Xem xét hồ sơ. Xác nhận rằng hồ sơ trang trại là đủ để xác định lượng cá được thu hoạch từ mỗi ao. C. Xem xét bảng tính của trang trại để kiểm chứng tính chính xác. Xác nhận rằng tỷ lệ % cá chết trung bình thực tế ≤ 20%	C		- Có biên lai nhận giống cho mỗi ao. - Số lượng giống nhập vào mỗi ao nuôi được ghi nhật ký nuôi cá. - Kiểm tra ao số 2,5,7,8 so sánh các bản ghi trong nhật ký nuôi cá và biên lai nhận giống: số liệu chính xác. Có biên lai thu hoạch cho 4 ao thu hoạch. Kiểm tra hồ sơ thu hoạch ao 2,5,7,8 ghi lại chi tiết với số ngày thu hoạch, thu hoạch số lượng cho mỗi ngày, số lượng của mỗi chiếc thuyền vận chuyển mỗi ngày. Xem xét bảng tính Tỷ lệ cá chết trung bình thực tế cho cả vụ nuôi RPM: - RPM của của từng ao: pond 2 = 18.72%, pond 5 = 17.84%, pond 7: 18.65%, pond 8 = 17.27% - RPM = 18.20%
6.2 Tiêu chí: Thuốc thú y thủy sản và hóa chất						
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)			
		A. Soạn thảo danh mục tất cả các thuốc thú y, hóa chất và các chế phẩm sinh học được sử dụng trong trang trại trong vòng 12 tháng trước. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải được ghi nhận cho ít nhất 01 vụ mùa hoàn chỉnh trên một địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu) B. Cung cấp hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất hay chế phẩm sinh học của trang trại trong vòng 12 tháng qua. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 01 vụ mùa hoàn chỉnh trên một địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)	A. Xem xét danh mục thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học B. Xem xét hồ sơ để xác nhận việc sử dụng các sản phẩm trên của Vùng nuôi. Trong quá trình đánh giá tại hiện trường, xác minh rằng không có bằng chứng nào của việc không ghi nhận việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, chất hóa học, sản phẩm sinh học nào (Ví dụ: không có thùng rỗng hoặc vật tư kho ko được kiểm kê)	C		Có danh mục thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng tại Vùng nuôi, phù hợp khi so sánh với danh mục thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học được phê duyệt cho sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam (có sẵn tại Vùng nuôi) - Việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học nào đều được ghi nhận trong Nhật ký vùng nuôi. Kiểm tra hồ sơ ao 6 và ao 9: tuân thủ. - Kiểm tra thực tế: hợp lệ.

6.2.1	<p>Chỉ tiêu: Chỉ sử dụng thuốc thú y, hóa chất và các sản phẩm sinh học cho phép dùng trong nuôi trồng thủy sản bởi các cơ quan có thẩm quyền và không bị cấm ở các quốc gia nhập khẩu tiềm năng</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>c. Cho mỗi danh mục được cung cấp trong mục 6.2.1, xác minh các nhà cung cấp và thông tin hợp đồng.</p>	C. Xem xét danh mục	C			Có danh mục nhà cung cấp thuốc với địa chỉ liên lạc cụ thể.
		<p>D. Cho mỗi danh mục được cung cấp ở mục 6.2.1, chỉ ra rằng mỗi hạng mục đều được phê duyệt sử dụng trong nuôi trồng thủy sản bởi cơ quan có thẩm quyền Quốc gia.</p>	D. Xác nhận rằng danh mục thuốc sử dụng đã được phê duyệt cho nuôi trồng thủy sản.	C			Xem 6.2.1a
		<p>E. Cung cấp danh mục các nơi xuất khẩu của trang trại (Vd: các đối tác nước ngoài) trong vòng 12 tháng qua.</p>	E. Xem xét danh mục và so sánh với biên bản bán hàng	C			Xem xét danh mục và so sánh với biên lai bán hàng cho thấy tuân thủ
		<p>f. Nếu trang trại không thể xác định nước xuất khẩu (6.2.1e), chuẩn bị một danh mục của top 5 nước nhập khẩu cá tra của nước sở tại (EU được coi như là 1 quốc gia đơn lẻ vì cùng chung một pháp chế)</p>	F. Xem xét danh mục (nếu áp dụng)	C			Có danh mục các nước xuất khẩu với các loại thuốc và hóa chất bị cấm theo quyết định 1471/2012 và 2864/2011.
		<p>g. Cho mỗi nước được xác định (6.2.1e) , cung cấp danh mục các loại thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học bị cấm đối với sản phẩm các tra nhập khẩu cho tiêu dùng của con người.</p>	G. Xem xét danh mục	C			Có danh sách các thị trường xuất khẩu theo quyết định 1471/QĐ-BNN-QLCL ban hành 20/06/2012 và 2864/QĐ-BNN-QLCL ban hành 14/11/2011 bởi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam.
		<p>h. Chỉ ra rằng trong 12 tháng qua, Vùng nuôi không sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học bị cấm hoặc chưa được phê duyệt nào bởi nước nhập khẩu</p>	H. Xem xét bằng chứng. Kiểm tra chéo với thị trường xuất khẩu của vùng nuôi (nước nhập khẩu) và danh mục các chất cấm (6.2.1e) tại các nước đó	C			Kiểm tra chéo: phù hợp.
6.2.2	<p>Chỉ tiêu: Chỉ sử dụng thuốc thú y và hóa chất cho việc chữa bệnh được kê đơn bởi các chuyên gia về thú y thủy sản [55] dựa vào điều kiện đã xác định, căn cứ trên theo các thông số trên nhãn về việc sử dụng các chất đúng mục đích.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>A. Cung cấp hồ sơ toa thuốc, hoặc giấy tờ ghi chép khuyến cáo của chuyên gia thú y thủy sản cho việc sử dụng thuốc thú y và hóa chất tại vùng nuôi. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ vùng nuôi phải được ghi nhận trong vòng 6 tháng qua.</p>	A. Xem xét hồ sơ toa thuốc hoặc giấy tờ ghi nhận khuyến cáo của chuyên gia cho các loại thuốc thú y và hóa chất	C			Kiểm tra hồ sơ ao 7: ngày 01/03/2014: cá bị ký sinh trùng. Đơn thuốc đã được ban hành và phê duyệt bởi Chuyên viên Thú Y, sử dụng VimeClean trong thời gian năm ngày 01-Mar đến 05-Mar. Toa thuốc cũng quy định thời gian phân hủy thuốc trong 750oD ngày, không có thu hoạch trước ngày 02/04/2014.
		<p>b. Với mỗi ứng dụng của các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng cho điều trị, cung cấp một mô tả về điều kiện và bằng chứng cho thấy sự chứng thực (theo toa) từ một chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải được ghi chép trong vòng ≥ 6 tháng qua.</p>	B. Xem xét mô tả được ghi chép. Xác nhận việc sử dụng đã được phê duyệt với Chuyên gia Thú y.	C			Đối với mỗi lần điều trị, toa thuốc được phê duyệt bởi chuyên gia thú y AAH. Kiểm tra hồ sơ của ao 2,5,7,8, tất cả có thông tin hồ sơ đã tuân thủ.
		<p>C. Nếu ứng dụng khác với thông số trên nhãn, phải có văn bản giải trình từ chuyên gia thú y thủy sản. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận được từ ≥ 6 tháng trước đó.</p>	C. Xem xét việc giải trình từ Chuyên gia Thú y nếu có	C			Toa thuốc đã được chuyên gia thú y và ban hành và phê duyệt trước khi sử dụng
		<p>D. Cung cấp bản sao bằng cấp của chuyên gia thú y cho thấy anh ấy/ cô ấy hội đủ các điều kiện phù hợp cho vị trí này.</p>	D. Xem xét bằng chứng. Xác nhận rằng chuyên gia thú y đã được đào tạo đủ năng lực.	C			Chuyên gia thú y AAH là chị Nguyễn Chi Tâm đã có bằng cử nhân chuyên ngành "Bác sĩ sức khỏe cá".
Footnote	[55] Các chuyên gia về Thú y thủy sản được định nghĩa theo các quy định của nhà nước nếu các quy định đó có hiện hữu ở quốc gia sản xuất và nuôi trồng. Nếu nhà nước ko có quy định này, những người như sau có thể được coi như chuyên gia:						
Footnote	[56] Các thông số ghi trên nhãn có thể được điều chỉnh theo đề nghị của chuyên gia về bệnh học thủy sản. Các đề nghị này phải được ghi trong sổ tay theo dõi ao nuôi hoặc được phê duyệt trong kế hoạch sức khỏe thủy sản.						
6.2.3	<p>Chỉ tiêu: Tuân theo các chỉ dẫn của các chuyên gia thú y thủy sản về:</p> <p>1. Cách sử dụng thuốc thú y và hóa chất theo quy định</p> <p>2. Các thức sử dụng, lưu trữ thuốc thú y, hóa chất được kê đơn.</p> <p>3. Ai là người được thông báo về bệnh dịch và như thế nào?</p> <p>4. Làm thế nào để ngăn chặn lây lan dịch bệnh cho quần đàn tự nhiên và quần đàn nuôi.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đối với thuốc thú y, hóa chất được áp dụng cho tất cả các sự kiện từ vòng được thông báo, cung cấp các báo cáo của chuyên gia cho thấy có/anh ấy khuyến nghị về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thế nào để áp dụng thuốc thú y và hóa chất được kê toa; - Làm thế nào để xử lý và lưu trữ các loại thuốc thú y và hóa chất được kê toa; - Những người cần được thông báo về dịch bệnh này; - Làm thế nào để hạn chế sự lây lan của căn bệnh này với các quần thể tự nhiên hoặc nuôi lân cận. <p>Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ vùng nuôi phải ghi nhận ≥ 6 tháng.</p>	A. Xem xét các sự kiện về y tế để xác minh rằng trang trại có văn bản khuyến cáo từ chuyên gia thú y thủy sản để cấp cách xử lý 4 điều trên.	C			Kiểm tra "Quy trình chăm sóc sức khỏe thú y" ban hành lần 1, ngày 05/01/2013: Phù hợp theo tiêu chuẩn.
		<p>B. Cung cấp bản tuyên bố làm theo khuyến cáo của chuyên gia</p>	B. Xem xét thông cáo của trang trại để xác nhận tuân theo các khuyến cáo của chuyên gia thú y.	C			Kiểm tra thông cáo của trang trại: tuân thủ
		<p>-</p>	C. Trong lúc đánh giá hiện trường, kiểm tra để xác minh việc lưu trữ tại kho có tuân theo khuyến cáo của chuyên gia thú y	C			Kiểm tra thực tế: việc lưu trữ các loại thuốc và hóa chất: áp dụng đúng nhu khuyến cáo của chuyên gia thú y.

		-	D. Trong lúc đánh giá hiện trường, quan sát trực tiếp để xác nhận rằng không có bất cứ bằng chứng nào của việc các khuyến cáo ko được tuân theo.	C				Kiểm tra thực tế cho thấy phù hợp
6.2.4	<p>Chỉ tiêu: Cho phép bán cá và các sản phẩm từ cá trước khi kết thúc thời hạn cụ thể ghi trên thuốc thú y, hóa chất hoặc là áp dụng 750 °D nếu ko có quy định cụ thể ghi trên nhãn</p> <p>Tiêu chuẩn: Không</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>a. Đối với phương pháp điều trị hóa chất / thuốc trong vòng 12 tháng qua, cung cấp hồ sơ hàng ngày sử dụng và nhiệt độ của nước trong suốt thời gian phục hồi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng và ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p> <p>B. Cung cấp nhãn ghi rõ thời hạn thời gian phục hồi. Nếu nhãn không chỉ định một khoảng thời gian phục hồi, cung cấp bằng chứng cho thấy thời gian phục hồi > 750oD</p> <p>C. Cung cấp bằng chứng (ví dụ như biên bản) cho thấy cá không được thu hoạch trước khi hoàn thành giai đoạn phục hồi trong vòng 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng</p>	<p>A. Xem xét hồ sơ từ tất cả sự thu hồi</p> <p>B. Xem xét nhãn và ngày tháng hoàn thành giai đoạn phục hồi</p> <p>C. Đánh giá bằng chứng để xác minh rằng ko có cá được thu hoạch trước thời gian hoàn thành giai đoạn phục hồi</p>	C				<p>Hồ sơ quản lý thời gian phân hủy thuốc ghi nhận trong " nhật kí phòng trị bệnh". Kiểm tra hồ sơ của ao 2,5,7,8, hồ sơ lưu từ tháng 01/2013 đến nay: kết quả phù hợp.</p> <p>Kiểm tra hồ sơ của ao 2,5,7,8: So sánh kiểm soát thời gian đào thải thuốc, so với khuyến cáo sử dụng trên bao bì thuốc: kết quả phù hợp.</p> <p>Kiểm tra biên nhận thu hoạch của ao 2,5,7,8: cho thấy sự tuân thủ trong việc quản lý thời gian đào thải của thuốc.</p>
6.2.5	<p>Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng các kháng, vi sinh nguy hiểm cho con người theo phân loại của tổ chức y tế thế giới WHO [57]</p> <p>Yêu cầu: không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh sách của tất cả các kháng sinh được sử dụng tại trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p> <p>b. Soạn thảo công báo về việc trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc kháng sinh quan trọng cho y học của con người như phân loại của WHO trong 12 tháng qua.</p> <p>c. Cung cấp danh mục cập nhật của WHO [57]</p>	<p>A. Xem xét danh mục kháng sinh sử dụng</p> <p>B. Xem xét tuyên bố. Kiểm tra chéo danh mục kháng sinh sử dụng tại trang trại (xem 6.2.5a) với danh mục của kháng sinh ảnh hưởng đến con người của WHO</p> <p>C. Xác minh trang trại có thực hiện việc cập nhật danh mục của WHO</p> <p>D. Trong quá trình đánh giá, xác minh không có bằng chứng nào của việc sử dụng kháng sinh ảnh hưởng đến con người bằng cách quan sát, giám sát trực tiếp.</p>	C				<p>Có danh mục kháng sinh sử dụng tại trang trại, ban hành vào ngày 05/01/2013</p> <p>* Có tuyên bố của trang trại. * Có một bản sao của WHO - Danh sách các loại thuốc kháng sinh quan trọng đối với con người ở trang trại. * Kiểm tra chéo danh sách kháng sinh sử dụng ở trại (xem 6.2.5.a) với danh mục kháng sinh gây nguy hiểm cho con người của WHO: kết quả phù hợp.</p> <p>Trang trại đã thực hiện việc cập nhật danh mục WHO list.</p> <p>Kiểm tra hiện trường: đạt</p>
Footnote	[57] Refer to the second WHO Expert meeting on Critically Important Antimicrobials for Human Medicine: Categorization for the Development of Risk Management Strategies to Contain Antimicrobial Resistance due to Non-Human Antimicrobial use, 29–31 May 2007 http://www.who.int/entity/foodborne_disease/resistance/antimicrobials_human.pdf							
6.2.6	<p>Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng thuốc thú y (ngoại trừ vaccine) để phòng ngừa trước khi chưa xuất hiện bất kỳ dấu hiệu bệnh tật cụ thể nào.</p> <p>Tiêu chuẩn: không</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>a. Cung cấp tuyên bố rằng trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc thú y dự phòng trái phép (bằng chứng của một vấn đề bệnh cụ thể)</p> <p>b. Có được một tuyên bố từ các chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản chỉ ra rằng anh / cô ta không thấy bất kỳ việc sử dụng dự phòng trái phép các loại thuốc thú y (bằng chứng của một vấn đề bệnh cụ thể) của các trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, thời gian được kê khai phải ≥ 6 tháng.</p> <p>c. Duy trì biên lai cho tất cả các mua các loại thuốc thú y. Kiểm toán đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi trang web (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xác minh vùng nuôi có làm tuyên bố</p> <p>B. Xác minh chuyên gia y tế tuyên bố rằng ko có việc dự trữ sử dụng thuốc thú y không cho phép</p> <p>C. Xác minh vùng nuôi duy trì hồ sơ của tất cả các lần mua thuốc.</p> <p>D. Trong quá trình đánh giá tại hiện trường, kiểm tra hàng tồn kho các loại thuốc thú y để xác minh rằng tất cả các nguồn cung cấp được tính toán.</p> <p>B. Đồng nhất giữa số lượng thuốc thú y mua với lượng lưu kho và hồ sơ ghi nhận sử dụng.(e.g. 6.2.5a) dựa trên việc xem xét một mẫu thuốc.</p>	C				<p>Có Cam kết của trang trại về không dùng thuốc hóa chất chữa bệnh để phòng bệnh. Đánh giá tại trại, không phát hiện không phù hợp</p> <p>Sẵn có tuyên bố của chuyên gia sức khỏe thủy sản rằng trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc thú y dự phòng trái phép, thực tế kiểm tra nhật ký ao nuôi chưa phát hiện sự không phù hợp.</p> <p>Biên nhận mua thuốc được lưu giữ từ tháng 01 /2013 đến hiện tại.</p> <p>Kiểm tra tại hiện trường thuốc tồn kho: hợp lệ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ sử dụng thuốc của ao 2,5,7,8 và so sánh với số lượng mua hàng và số lượng lưu kho : phù hợp</p>
6.2.7	<p>Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng thuốc kháng sinh (trừ vaccine) làm chất kích thích tăng trưởng</p> <p>Yêu cầu: không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có thông cáo, xác nhận bởi một chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản chỉ ra rằng đã có không sử dụng các loại thuốc thú y (trừ vắc xin) như kích thích tăng trưởng của các trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, thời gian thông được kê khai phải ≥ 6 tháng.</p>	<p>A. Xác minh chuyên gia thú y hỗ trợ tuyên bố rằng không có sử dụng thuốc thú y như kích thích tăng trưởng.</p> <p>B. Đồng nhất giữa số lượng thuốc thú y mua với lượng lưu kho và hồ sơ ghi nhận sử dụng.(e.g. 6.2.5a) dựa trên việc xem xét một mẫu thuốc.</p>	C				<p>Xác minh tuyên bố của Chuyên viên Thú Ý kỹ ngày 07/01/2014: đạt</p> <p>Kiểm tra hồ sơ sử dụng thuốc của ao 2,5,7,8 và so sánh với số lượng mua hàng và số lượng lưu kho : phù hợp</p>
Footnote	[58] Chất kích thích tăng trưởng: Thuốc thú y, như kháng sinh, được sử dụng cho các con khỏe với mục đích làm chúng phát triển nhanh hơn(ko nhằm mục đích chữa một loại bệnh nào							

6.3 Tiêu chí: Kế hoạch sức khỏe Cá tra		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)				
6.3.1	Chỉ tiêu: Xuất trình kế hoạch sức khỏe cá tra được ghi chép và có kiểm tra hàng năm, cập nhật và phê duyệt bởi chuyên gia thú y thủy sản [59] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị bản kế hoạch y tế của trại nuôi cá tra bao gồm tất cả các yếu tố cần thiết (phụ lục E).	A. Xem xét kế hoạch sức khỏe cá tuân thủ với Phụ lục E	C			Kế hoạch sức khỏe sẵn có và bao hàm tất cả các điểm trong phụ lục E và được thực hiện tại vùng nuôi.
		b. Kế hoạch Y tế Cá tra được xem xét và chấp thuận bằng văn bản bởi chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản của trang trại.	B. Xác nhận rằng chuyên gia thú y của vùng nuôi đã xem xét và phê duyệt kế hoạch sức khỏe cá tra.	C			Kế hoạch sức khỏe được xem xét và ký phê duyệt bởi chuyên gia Thú Y - anh Nguyễn Chí Tâm, ký ngày 01-01-2014
		c. Xem xét lại kế hoạch sức khỏe ít nhất 12 tháng 1 lần. Cập nhật những yêu cầu cần thiết và có phê duyệt của Chuyên gia thú y	C. Xác nhận rằng vùng nuôi có kế hoạch sức khỏe cá đã được xem xét, được cập nhật, và được phê duyệt mỗi 12 tháng. Lần đánh giá đầu tiên, câu trả lời là "chưa áp dụng được"	C			Xem xét và ký lại ngày 07-01-2014
		-	D. Trong lúc đánh giá tại hiện trường, Xác minh rằng kết hoạch được thực hiện và có hiệu lực	c			Đánh giá tại trại, xác nhận rằng kế hoạch được áp dụng và hiệu quả.
Footnote	[59] GlobalG.A.P. AB 5.2.3 được dùng để sửa đổi để thích hợp với nhu cầu của các bên tham gia PAD						
6.4 Tiêu chí: Lưu trữ hồ sơ cụ thể của một đơn vị nuôi.		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)				
6.4.1	Indicator: Sự sẵn sàng của hồ sơ ghi nhận tên, nguyên nhân sử dụng, ngày, liều lượng và thời gian ngưng sử dụng của tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất được sử dụng trong trại giống và cơ sở nuôi thương phẩm.s Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	A. Duy trì hồ sơ xác minh tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi trồng. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận cho ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh trên 1 địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu)	A. Xác minh trang trại duy trì hồ sơ mua hàng	C			Xem 6.2.6.c
		B. Duy trì bản sao nhân để chỉ rõ thời gian phục hồi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận cho ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh trên 1 địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu)	B. Xác nhận việc vùng nuôi duy trì hồ sơ thể hiện thời gian phục hồi tại trong quá trình nuôi.	C			Xem 6.2.4.a
		C. Duy trì thông cáo có chữ ký của chuyên gia thú y chỉ rõ ngày, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thời gian phục hồi (nếu khác với nhân) của tất cả các thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải trên sau tháng.	C. Xác minh trang trại duy trì những công báo liên quan từ chuyên gia thú y trong quá trình nuôi.	C			Kiểm tra toa thuốc của chuyên gia thú y: hợp lệ
		D. Có bản thông cáo được xác nhận từ nhà cung cấp xác minh các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong sản xuất giống, Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh/địa điểm đánh giá	D. Xác minh vùng nuôi có thông cáo từ các nhà cung cấp giống.	C			Có tuyên bố từ các nhà cung cấp giống về thuốc và hóa chất sử dụng trong quá trình sinh sản và ương giống. Kiểm tra hồ sơ của 4 ao đã thu hoạch: có công bố của nhà cung cấp giống về các loại thuốc đã sử dụng, ký ngày 02/01/2014.
6.4.2	Chỉ tiêu: Sức sẵn sàng của hồ sơ ghi nhận nguồn gốc, kích cỡ, và chất lượng của giống được thả. Các hồ sơ về chất lượng giống bao gồm: 1. Mô tả dấu hiệu chung và các biểu hiện bất thường 2. Danh mục thuốc thú y, hóa chất và các chế phẩm sinh học được sử dụng ở giai đoạn trước con giống. 3. Kết quả phân tích mầm bệnh dịch theo quy định của Pháp luật. Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	Đối với tất cả các lần thả trong 12 tháng qua, có văn bản với chữ ký từ các nhà cung cấp giống báo cáo về: - Nguồn gốc, kích thước và chất lượng giống cung cấp; - Ngày được cung cấp; - Mô tả của bất kỳ dấu hiệu bên ngoài của các bất thường tại thời điểm bán; Danh sách các loại thuốc thú y, hóa chất và các sản phẩm sinh học được sử dụng trong giai đoạn trước đó (tức là sử dụng bất cứ lúc nào từ sinh sản); - Kết quả kiểm tra sau tác nhân gây bệnh theo pháp luật (nếu có). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	A. Xác minh việc duy trì hồ sơ chất lượng giống được yêu cầu.	C			* Có hồ sơ nhập giống cho tất cả các ao. * Kiểm tra hồ sơ của ao 2,5,7,8 : có hồ sơ kiểm tra nhập giống về số lượng và chất lượng theo yêu cầu. * Có tờ khai từ nhà cung cấp giống về các hóa chất hoặc thuốc thú y được sử dụng trong sản xuất giống.
6.4.3	Chỉ tiêu: Hồ sơ ghi chép hàng ngày việc theo dõi thường xuyên các biểu hiện bị sốc hoặc bệnh của cá Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	a. Duy trì hồ sơ hàng ngày (nhật ký) giám sát triệu chứng sốc hoặc bệnh tật. Hồ sơ phải xác định: - Ngày; - Sự hiện diện của dấu hiệu bên ngoài và hành vi của các bất thường (tức là cho ăn hành vi, hành vi bơi, tổn thương, các điểm, ecto-ký sinh trùng lớn, xói mòn vảy, vv); - Số lượng cá chết. lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ đầy đủ/địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).	A. Xem xét hồ sơ ghi nhận hàng ngày để xác nhận rằng tất cả các yếu tố báo cáo đã được bao gồm. Xác minh sự tuân thủ.	C			Hồ sơ giám sát hàng ngày có trong nhật ký trang trại. Khi có cá dấu hiệu bệnh hoặc lượng cá chết tăng, chuyên gia thú y sẽ phân tích, làm hồ sơ trên toa thuốc.
Footnote	[60] Các dấu hiệu cá bị sốc hoặc biểu hiện bất thường vd: bơi, giảm ăn, các dấu hiệu bên ngoài (vết thương, đốm, tổn thương vảy)						

6.4.4	<p>Chỉ tiêu: Tất cả những trường hợp cá chết trung bình ngày cao hơn tỉ lệ chết trung bình ngày của trại nuôi phải được báo cho chuyên gia thú y của trại nuôi.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>Hướng dẫn chi tiết số 04.4 - Thiết lập một ngưỡng cho các báo cáo tỷ lệ cá chết.</p> <p>Chỉ tiêu 6.4.4 yêu cầu các trang trại báo cáo tất cả các sự kiện tỷ lệ cá chết đáng kể cho các chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản. Tiêu chuẩn ASC có tra không quy định một giá trị ngưỡng cụ thể cho tất cả các trang trại áp dụng trên tất cả các trường hợp. Thay vào đó, tiêu chuẩn đòi hỏi các trang trại trao đổi với chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản của họ để phát triển một ngưỡng cho báo cáo cá chết thích hợp để xác định các sự kiện quan trọng hoặc cá chết "trên trung bình" dựa trên dữ liệu nông nghiệp. Trong việc thiết lập một ngưỡng, trang trại phải xem xét sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng phải được tạo ra bằng cách sử dụng dữ liệu trang trại cho tỷ lệ cá chết và điều này bao gồm thông tin trang trại từ ao được lựa chọn ít nhất 1 ngẫu nhiên ; - Ngưỡng phải có giai đoạn cụ thể vào tài khoản cho tỷ lệ tử vong khác nhau trong tuần 1, tháng 1, và bất kỳ tháng nào sau đó; - Chuyên gia sức khỏe thủy sản của trang trại phải thiết lập và phê duyệt giá trị ngưỡng, không phải người nông dân; <p>Các trang trại phải mô tả cách ngưỡng được thành lập vào Chương trình Y tế của trang trại cá tra.</p>	<p>a. Duy trì một bản ghi hàng ngày của mỗi ao để giám sát tỷ lệ tử cá chết (xem 6.4.3). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p> <p>b. HỒ SƠ ghi chép tỷ lệ cá chết hàng ngày phải được chuyên gia thú y xem xét. Hỏi chuyên gia để xác định một ngưỡng đối với các báo cáo của các sự kiện cá chết dựa trên đánh giá của tỷ lệ tử cá chết của trang trại (xem hướng dẫn).</p> <p>c. Mô tả cách ngưỡng được thành lập trong Chương trình Y tế của trang trại cá tra (xem 6.3.1).</p> <p>d. Duy trì hồ sơ để cho thấy rằng trang trại báo cáo tất cả các sự kiện tử vong vượt ngưỡng đến Chuyên gia AAH. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>A. Xem xét hồ sơ ghi nhận tỷ lệ chết hàng ngày</p> <p>B. Xác minh việc chuyên gia thú y đã xem xét hồ sơ cá chết trước khi xác định một ngưỡng để báo cáo tỷ lệ tử cá chết hàng ngày.</p> <p>C. Xem lại các ngưỡng cá chết được đề xuất trong Chương trình Y tế của trang trại để xác nhận phù hợp với yêu cầu.</p> <p>D. Xem xét hồ sơ báo cáo và kiểm tra chéo đối với các hồ sơ tử vong hàng ngày để xác nhận phù hợp với yêu cầu.</p>	C				<p>Hồ sơ ghi nhận tỷ lệ cá chết có trong nhật ký trang trại</p> <p>Trong nhật ký ao nuôi, kiểm tra tình trạng cá chết hàng ngày, ký bởi Mr. Nguyễn Chí Tâm</p> <p>"Kế hoạch Quản lý sức khỏe cá" có đưa ra Ngưỡng tỉ lệ tử vong và có khảo sát được thực hiện để có cơ sở cho sự thiết lập này. Tuy nhiên, ngưỡng cá chết chưa cụ thể cho tuần đầu tiên thả nuôi</p> <p>Đánh giá báo cáo hồ sơ và kiểm tra chéo đối với các hồ sơ cá hao hụt hàng ngày của ao 2,5,7,8: kết quả phù hợp.</p>
6.5 Tiêu chí: "Phúc lợi" cá		<p>Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu) Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)</p>							
6.5.1	<p>Chỉ tiêu: Tỷ lệ tăng trưởng trung bình tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: 3.85 g/ngày</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ tiêu 6.5.1 - Tính Tỷ lệ tăng trưởng trung bình</p> <p>Phụ lục D của tiêu chuẩn ASC có tra cung cấp các công thức để tính toán năng suất và tốc độ tăng trưởng trung bình (AGR). Trang trại phải thực hiện những tính toán này bằng cách sử dụng dữ liệu thả và sau thu hoạch từ các ao (hữu và vô được tính toán trên cơ sở cây trồng theo vụ). Cần được thực hiện như sau:</p> <p>Năng suất (từ Pond1) = tổng trọng lượng cá thu hoạch (từ Pond1) - tổng trọng lượng cá đã cung cấp (Pond1)</p> <p>AGR_{P1} = Yield_{P1} / thời gian của chu kỳ sản xuất (Pond1)</p> <p>Trường hợp trọng lượng được xác định gram (g), thời gian là ngày (d), AGR được tính theo đơn vị gam mỗi ngày (g / ngày), và ao được xác định bởi P1, P2, vv P3</p> <p>Lặp lại các tính toán AGR cho ao ao thứ hai thứ ba, ... cho đến khi một AGR đã được xác định cho từng ao đã được thu hoạch. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu). Tiếp theo tính toán bình quân trang trại rộng AGR bằng cách sử dụng công thức sau đây:</p> <p>Trung bình có trọng AGR = [(AGR_{P1} x Yield_{P1}) + (AGR_{P2} x Yield_{P2}) ... + (AGR_{Pn} x Yield_{Pn})] / (Yield_{P1} + Yield_{P2} ... + Yield_{Pn})</p> <p>Làm rõ lưu ý:</p> <p>Chỉ số 6.5.1 đã được phát triển theo giả định rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá được thả tại 80 gram, - Thu hoạch ở 1.000 gram và - Chu kỳ sản xuất trung bình là 8 tháng. <p>Cho rằng tốc độ tăng trưởng cụ thể của cá tra biến với kích thước cơ thể (ví dụ như kích thước và độ tuổi phụ thuộc), công thức sẽ mang lại một mức giảm tăng trưởng tuyệt đối nếu cá được thu hoạch tại một kích thước nhỏ hơn đáng kể so với 1 kg. (Ví dụ như các trang trại thu hoạch cá tại 600-700g trọng lượng cơ thể trung bình).</p>	<p>a. Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên lai từ các nhà cung cấp giống) cho thấy trọng lượng của cá thả vào mỗi ao (xem 6.1.1). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p> <p>b. Duy trì hồ sơ cho thấy trọng lượng cá thu hoạch từ mỗi ao (xem 2.4.2b). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p> <p>c. Tính toán tốc độ tăng trưởng trung bình của cá trong mỗi ao như mô tả ở trên (xem hướng dẫn).</p> <p>d. Sử dụng kết quả của 6.5.1c, tính toán tốc độ tăng trưởng bình quân AGR.</p>	<p>A. Xác minh vùng nuôi duy trì hồ sơ ghi nhận trọng lượng của cá được thả vào mỗi ao</p> <p>B. Xác minh việc duy trì hồ sơ ghi nhận khối lượng cá thu hoạch mỗi ao</p> <p>C. Xem xét bảng tính để xác nhận tính chính xác và đầy đủ</p> <p>D. Xác minh rằng tỉ lệ tăng trưởng bình quân tuân thủ với yêu cầu.</p>	C			<p>Trọng lượng cá lúc thả được ghi nhận lại trong nhật ký trang trại cho mỗi ao</p> <p>Trọng lượng cá thu hoạch được ghi nhận trong biên nhận thu hoạch</p> <p>Có các tính toán AGR cho 2 ao đã thu hoạch. Kiểm tra các tính toán, kết quả AGR của ao 2 = 4.52 g/ngày; ao 5 = 3.89 g/ngày, ao 7 = 4.71 g/ngày, ao 8= 4.30g/ngày</p> <p>AGR trung bình của 3 ao đã thu hoạch = 4.34 g/ngày.</p>	
	<p>a. Cung cấp kế hoạch của trang trại cho thấy diện tích bề mặt (m²) của mỗi ao</p>	<p>A. Xem xét bảng tính của vùng nuôi về diện tích của mỗi ao và xác nhận trong quá trình đánh giá tại hiện trường.</p>	C				<p>Diện tích mỗi ao được ghi nhận trong sơ đồ trại và nhật ký vùng nuôi.</p>		

6.5.2	Chỉ tiêu: Mật độ cá tối đa vào bất cứ thời điểm nào trong ao Yêu cầu: 38 kg/m2 với nuôi ao và bè Áp dụng: Ao và bè	b. Duy trì hồ sơ tổng trọng lượng (kg) cá thu hoạch từ mỗi ao (2.4.2b). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).	B. Xác nhận lưu trữ hồ sơ ghi nhận tổng khối lượng cá thu hoạch cho mỗi ao	C				Có biên lai thu hoạch cho 4 ao thu hoạch. Kiểm tra hồ sơ thu hoạch ao 6, 9 ghi lại chi tiết với số ngày thu hoạch, thu hoạch số lượng cho mỗi ngày, số lượng của mỗi chiếc thuyền vận chuyển mỗi ngày.	
		c. Đối với mỗi ao, chia trọng lượng của cá thu hoạch (kết quả từ 6.5.2b) cho diện tích bề mặt của ao (kết quả từ 6.5.2a) để tính toán mật độ cá (kg/m2). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).	C. Xem xét tính toán mật độ cá thu hoạch để xác minh tính tuân thủ.	C				Có các tính toán mật độ tối đa cho 2 ao đã thu hoạch. Kiểm tra tất cả các tính toán, kết quả là ao ao 2 = 33.28 kg/m2 ; Pond 5 = 31.06 kg/m2, Pond 7 = 34.78kg/m2, pond 8= 33.8kg/m2	
		d. Ngoài việc tính toán mật độ cá thu hoạch (6.5.2.c), trang trại có trách nhiệm ghi lại mật độ ước tính hàng tháng cho mỗi ao bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (ví dụ như từ nhật ký trang trại) và diện tích bề mặt (xem 6.5.2a). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	D. Xem xét mật độ cá ước tính hàng tháng để xác minh sự tuân thủ	C				Công ty có tính toán mật độ cá thu hoạch đạt yêu cầu, có hồ sơ ước tính mật độ cá hàng tháng trong nhật ký trang trại	
6.5.3	Chỉ tiêu: Mật độ cá tối đa vào bất cứ thời điểm nào. Yêu cầu: 80 kg/m3 với lồng Áp dụng: lồng	A. Cung cấp bản mô tả hệ thống chỉ rõ số lượng ao và dung tích mỗi ao	A. Xem xét bảng tính của vùng nuôi về dung tích của mỗi ao và xác nhận trong quá trình đánh giá tại hiện trường.				NA	Không áp dụng, Ao	
		b. Duy trì hồ sơ của tổng trọng lượng cá thu hoạch mỗi ao. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu)..	B. Xác nhận lưu trữ hồ sơ ghi nhận tổng khối lượng cá thu hoạch cho mỗi ao					NA	Không áp dụng, Ao
		c. Với mỗi ao, chia khối lượng cá thu hoạch cho dung tích ao để tính mật độ cá. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).	C. Xem xét tính toán mật độ cá thu hoạch để xác minh tính tuân thủ.					NA	Không áp dụng, Ao
		d. Ngoài việc tính toán mật độ cá thu hoạch (6.5.3.c), các trang trại có trách nhiệm ghi lại mật độ ước tính hàng tháng của cá cho mỗi ao bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (ví dụ như từ nhật ký trang trại) và dung tích ao (6.5.3a). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	D. Xem xét mật độ cá ước tính hàng tháng để xác minh sự tuân thủ					NA	Không áp dụng, Ao
6.6 Tiêu chí: Kiểm soát dịch hại									
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)						
6.6.1	Indicator: Sử dụng động vật dữ để kiểm soát Yêu cầu: không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt và vị trí của chúng.	A. Xem xét danh sách.	C				Không sử dụng công cụ bẫy chuột, hình nộm đuổi chim ... tại trại.	
		-	B. Kiểm tra hiện trường để xác minh việc sử dụng điều khiển động vật ăn thịt không gây chết người.	C				Không sử dụng công cụ bẫy chuột, hình nộm đuổi chim... tại trại.	
Footnote	[61] Loài dịch hại được định nghĩa là những động vật có nguy cơ gây ra cái chết cho những con cá Tra/basa khỏe mạnh. Tiêu chuẩn này ao gồm tất cả các loài dịch hại trong suốt thời gian nuôi, nhưng chỉ có chim, bò sát, thú. Chuột không nằm trong danh sách này vì chuột không có khả năng gây nguy hiểm cho cá nuôi trong ao, ko nguy hiểm tới các vấn đề								
6.6.2	Chỉ tiêu Tỷ lệ tử vong của các loài trong danh sách đỏ IUCN Yêu cầu: 0 (zero) Áp dụng: Tất cả	Instruction to Clients for indicator 6.6.2 - Presence of IUCN Red Listed Species							
		a. Thực hiện phân tích. Ghi lại tất cả các loài nằm trong DS đỏ IUCN niêm yết trong khu vực của trang trại.	A. Lập lại phân tích để xác minh rằng khách hàng có được một kết quả chính xác	C				Có một Báo cáo khoa học được thực hiện bởi các chuyên gia kỹ thuật từ Đại học Cần Thơ, trưởng nhóm là TS Nguyễn Văn Công về nhận dạng cá loài có nguy cơ tuyệt chủng và các loài nằm trong danh sách đỏ IUCN có khả năng phân bố tại khu vực: "Trại nuôi thủy sản Đồng Hậu, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình với các nội dung bao gồm: - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện ở khu vực "Trại nuôi cá Tra Đồng Hậu - Quang Minh xã Ngãi Tứ, Huyện Tam Bình" - Đánh giá rủi ro cho tất cả các thực hành nông nghiệp có thể là mối nguy hiểm cho các loài này. - Áp dụng thực hành canh tác mới để không có tác động tiêu cực đối với các loài này.	
		b. Nếu bất kỳ loài nằm trong DS đỏ IUCN được xác định trong khu vực của trang trại (bao gồm cả tiếp nhận và nguồn nước), viết một thủ tục trong đó mô tả làm thế nào các trang trại sẽ tránh gây tử vong.	B. Xác minh rằng các thủ tục trang trại phù hợp và được triển khai thực hiện (nếu có).	C				Xem 6.6.2.a	
-	C. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng của trang trại gây ra tử vong cho các loài nằm trong danh sách đỏ IUCN [cũng xem Indicator 2.2.4 (E)].	C					Phỏng vấn cộng đồng: không có bằng chứng trang trại gây ra tử vong cho các loài được liệt kê trong danh sách đỏ IUCN (xem 2.2.4.e)		
Social requirements in the standards shall be audited by an individual who is a lead auditor in conformity with SAAS Procedure 200 section 3.1.							Major N Minor N NA		
NGUYÊN TẮC 7. Xây dựng và vận hành trang trại theo cách có trách nhiệm về xã hội, đóng góp có hiệu quả cho phát triển cộng đồng và xóa đói giảm nghèo.									
7.1 Tiêu chuẩn: Luật lao động									

		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
7.1.1	<p>Cụ thể: Tuân thủ với các luật lao động của quốc gia nơi diễn ra các hoạt động sản xuất nuôi trồng cá tra, ba sa.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Sử dụng tất cả các luật lao động của quốc gia sở tại và địa phương có thể áp dụng tại trang trại. Các qui định nên bao quát được các vấn đề sau: hợp đồng lao động, lao động trẻ em, giờ làm việc, điều kiện sống và làm việc, mức lương tối thiểu và trợ cấp/phúc lợi, điều kiện sức khỏe và an toàn lao động, quy định trong trang trại.</p>	C				<p>- Tại thời điểm đánh giá, trang trại có 12 nhân viên và nội qui của trang trại duyệt bởi phòng lao động địa phương ngày 19/May/2010. (Notice No. 19/BQL-QLDN)</p> <p>- Thỏa ước lao động tập thể được ban hành vào ngày 1/Nov/2011.</p> <p>tình trạng của trang trại:</p> <p>- Trang trại áp dụng ASC từ tháng Jan/2013 đến nay.</p>		
		<p>b. Đảm bảo rằng trang trại và tất cả các nhân viên tại trang trại tuân thủ theo luật lao động</p>	C				Tất cả quyền công nhân thể hiện trên hợp đồng lao động và qui định của trang trại, thỏa ước lao động.		
7.2 Tiêu chuẩn: Lao động trẻ em [62] và lao động vị thành niên [63]									
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
Ghi chú	[62] Trẻ em: bất cứ người nào dưới 15 tuổi, trừ khi có luật quy định tuổi lao động tối thiểu ở địa phương quy định độ tuổi làm việc cao hơn hoặc tuổi tham gia giáo dục bắt buộc, trong các trường hợp đó, mức tuổi cao hơn sẽ được áp dụng. Tuy nhiên nếu luật tuổi lao động tối thiểu của địa phương quy định ở độ tuổi 14 chiếu theo kỳ vọng của nước đang phát triển theo công ước 138 của ILO thì độ tuổi (thấp) này sẽ áp dụng. Lao động trẻ em không bao gồm các hoạt động của trẻ em giúp bố mẹ trong trang trại, với điều kiện là công việc trợ giúp đó không ảnh hưởng đến sức khỏe và học hành của các em.								
Ghi chú	[63] Lao động vị thành niên: Bất cứ lao động nào có độ tuổi giữa tuổi trẻ em và dưới 18 tuổi								
7.2.1	<p>Cụ thể: Tuổi lao động tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh sách tất cả những người làm công tại trang trại có cả ngày sinh</p>	C				Có 12 nhân viên, người công nhân trẻ nhất là anh Nguyen Xuan Tuan sinh 12/Jun/1992 và gia nhập công ty năm Jan/2013. khoảng 21 tuổi.		
		<p>b. Lưu bản sao tất cả chứng minh nhân dân của những người làm công đã liệt kê</p>	C				Tất cả các nhân viên có CMND phù hợp với danh sách và hợp đồng lao động.		
		<p>c. Bảo đảm rằng không có người lao động dưới tuổi (Sử dụng ngày sinh để tính chính xác tuổi), xem ghi chú [62]</p>	C				Thông báo tuyển dụng và thông tin tuyển dụng đều ghi rõ vấn đề này. Chính sách tuyển dụng (TT6.2.2/NS1) ban hành 15/Mar/2012. Tất cả nhân viên được tuyển dụng tại công ty thực hiện tại trang trại.		
		<p>d. Cung cấp một bản công bố rằng trang trại không sử dụng lao động trẻ em và sẽ không thuê mướn bất kỳ ai nhỏ hơn 15 tuổi.</p>	C				Thể hiện trên thông tin tuyển dụng và chính sách công ty.		
7.2.2	<p>Cụ thể: Đối với người làm công dưới 18 tuổi</p> <p>1 - Công việc không ảnh hưởng đến việc học hành</p> <p>2 - Giờ làm việc khi cộng với giờ học không vượt quá 10 giờ /ngày</p> <p>3 - Công việc được giới hạn ở các công việc nhẹ [64]</p> <p>4 - Không được làm các công việc nguy hiểm [65]</p> <p>Yêu cầu: Có</p>	<p>a. Bảo đảm rằng các hợp đồng của các công nhân dưới 18 tuổi chỉ ra rằng quyền của các công nhân trẻ (như trong các yêu cầu này) và mô tả công việc chi tiết đủ để cho phép đánh giá viên kiểm tra các công nhân này được giới hạn trong các công việc nhẹ và không nguy hiểm.</p>	C				Trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.		
		<p>b. Duy trì hồ sơ cam kết đến trường của mỗi công nhân trẻ hơn 18 tuổi</p>	C				Trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.		
		<p>c. Duy trì hồ sơ giờ làm việc mỗi ngày của tất cả các công nhân trẻ hơn 18 tuổi. Cho lần đầu tiên đánh giá, hồ sơ của trang trại phải bao gồm không ít hơn 6 tháng (≥ 6 tháng)</p>	C				Trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.		
		<p>d. Bảo đảm rằng quyền của các công nhân trẻ như các yêu cầu đã chỉ ra được tôn trọng thích đáng tại trang trại.</p>	C				Phòng vấn các công nhân tại trang trại không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu nào vi phạm lao động trẻ và trẻ em.		
Ghi chú	[64] Công việc nhẹ: (Công ước 138 của ILO điều 7.1) công việc nhẹ là công việc 1) không có khả năng gây hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển của trẻ em 2) không có khả năng cản trở sự tham gia học hành, sự tham gia vào các chương trình đào tạo hoặc định hướng nghề nghiệp hoặc không có khả năng triệt tiêu các lợi ích trẻ nhận được từ các hướng dẫn								

Ghi chú	65] Công việc nguy hiểm: Các công việc mà bản chất hoặc hoàn cảnh công việc đó được triển khai có khả năng gây hại cho sức khỏe, an toàn lao động hoặc đạo đức của người làm công								
7.3 Tiêu chuẩn: Lao động bắt buộc và lao động áp bức [66]									
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):									
Ghi chú	[66] Lao động cưỡng bức (ép buộc): Tất cả các công việc hoặc dịch vụ được triển khai dưới điều kiện bị đe dọa trừng phạt nếu người làm công không thực hiện Công việc đưa cho người làm một cách tình nguyện hoặc công việc hoặc dịch vụ được yêu cầu như là một hình thức trả nợ. "Trừng phạt" có thể ám chỉ cả trừng phạt về tiền, trừng phạt về mặt thể chất, hoặc mất quyền hoặc bị hạn chế di chuyển (ví dụ thu/cắt giữ giấy tờ tùy								
7.3.1	<p>Cụ thể: Người làm công được tự do chấm dứt công việc của họ và nhận được chi trả đầy đủ đến ngày làm việc cuối cùng, dựa trên sự thông báo hợp lý [67] họ gửi cho người thuê lao động [68]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Bảo đảm rằng tất cả các hợp đồng lao động chỉ rõ công tự do chấm dứt công việc và nhận đầy đủ lương của họ cho đến ngày cuối cùng.</p>	C				Công ty đã ký hợp đồng lao động cho tất cả các nhân viên		
		<p>b. Bảo đảm rằng quyền của các người làm công được chỉ ra trong tiêu chuẩn được tôn trọng thích đáng.</p>	C				Tất cả quyền của công nhân được thể hiện trên hợp đồng lao động và nội qui trang trại.		
		<p>c. Bảo đảm rằng không ai trong trang trại hay đại diện người sử dụng lao động không cắt giữ bản gốc giấy tờ tùy thân của người làm công</p>	C				Phòng vấn công nhân phản hồi nhận được hợp đồng lao động sau khi ký với phòng nhân sự. Không giữ bất kỳ giấy tờ nào của nhân viên.		
		<p>d. Bảo đảm rằng trang trại không không giữ bất cứ phần lương, phúc lợi, tài sản hoặc tài liệu gì của người làm công để ép buộc người làm công tiếp tục làm việc cho họ.</p>	C				Đã kiểm tra các khoản chi trả và phỏng vấn công nhân. Họ thỏa mãn tất cả các phúc lợi của trang trại. Không có bất kỳ vi phạm nào giữ tiền của công nhân.		
		<p>e. Đảm bảo rằng không có người làm công nào bị ép buộc làm việc tại trang trại để trả các khoản nợ.</p>	C				Phòng vấn công nhân và không có dấu hiệu vi phạm.		
Ghi chú	[67] Như đã cam kết trong hợp đồng								
Ghi chú	[68] Người thuê lao động là những người làm công việc của chính họ hoặc với một hoặc một số thành viên, giữ công việc được gọi là "công việc tự thuê" và trong khả năng này, dựa trên nền tảng liên tục (bao gồm cả thời kỳ thử thách/ tham chiếu) đã tuyển một hoặc một số người làm việc cho nghề kinh doanh của họ như là những người làm công								
7.4 Tiêu chuẩn: Sức khỏe và an toàn									
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):									
7.4.1	<p>Cụ thể: Người làm công môi trường sống và làm việc không nguy hại</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh mục tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn lao động và môi trường sống của người làm công.</p>	C				Có danh sách đánh giá rủi ro ban hành 5/Jan/2013 (TCDH-PTRR) và hướng dẫn an toàn (SSOP) ban hành 5/Jan/2013. Trong năm nay, không có tai nạn trong trang trại		
		<p>b. Cung cấp các Hướng dẫn công việc (Standard Operating Procedures - SOP) hay các hướng dẫn thực hành an toàn (SOP) cho tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn đã được liệt kê.</p>	C				Trang trại có thủ tục ứng phó khẩn cấp cho SOP (Nước ao nuôi, Sức khỏe công nhân, Ngăn ngừa SP nhiễm bẩn, Sử dụng bảo quản hóa chất, Kiểm soát động vật gây hại, Kiểm soát chất thải & Vệ sinh trại)		
		<p>c. Bảo đảm rằng các người làm công đều tuân thủ các SOP của trang trại về sức khỏe và an toàn và được bảo vệ thích đáng khỏi các mối nguy.</p>				NC-SC1	Trưởng trang trại đã thực hiện huấn luyện tất cả SOP vào tháng 08/2014. - Huấn luyện an toàn thực hiện 23/Aug/2013. - Đầu bếp đã được huấn luyện và đạt giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và cần khám sức khỏe cho đầu bếp đáp ứng được quyết định số. 41/2005/QĐ-BYT. - Huấn luyện sơ cấp cứu của trưởng trại thực hiện tháng 08/2014 Trang trại chưa thiết lập hướng dẫn an toàn cho công nhân. Đánh giá qua sát, công việc lần chưa được thực hiện một cách an toàn. Trang bị tại cổng thải ao số 9 chưa được lập đặt nhằm công nhân vận hành một cách an toàn.		
		<p>d. Bảo đảm rằng các người làm công được cung cấp nước uống/ nước uống an toàn.</p>	C				- Có 1 bếp ăn tập thể trên farm. - Nước uống được cung cấp bởi nhà cung cấp Truong Giang với đầy đủ giấy chứng nhận chất lượng nước uống ngày 16/Apr/2013. - Công ty đã kiểm tra sức khỏe vào 4/Jul/2013 cho nhân viên đáp ứng yêu cầu thông tư 13 13/2007/TT-BYT		

		e. Bảo đảm rằng điều kiện vệ sinh cho tiêu hủy an toàn các rác sinh hoạt trong thực tiễn.	C				Có 6 thùng rác sinh hoạt và trang trại đã ký hợp đồng với nhà thầu phụ Ngọc Thao xử lý rác và thu gom rác (04/HDKT-QMC.13). Ký ngày 10/Jan/2013 và hiệu lực 1 năm
		f. Bảo đảm rằng nhà ở các người làm công được xây dựng bằng các nguyên vật liệu có thể chịu được các điều kiện cư trú.	C				Có 4 nhà nghỉ lớn cho 6 công nhân ở lại đêm và sử dụng công nhân trực đêm Nhà Vệ sinh được duy trì tốt đáp ứng được QCVN 01/2011/BYT
7.4.2	Cụ thể: Người làm công nhận biết các mối nguy về sức khỏe và mối nguy an toàn lao động[69] ở nơi làm việc và biết cách đối phó với các mối nguy đó Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả, Khuôn viên trang trại	a. Đảm bảo rằng tất cả các công nhân hiểu được các mối nguy được liệt kê trong 7.4.1a và của SOP trong 7.4.1b	C				Phòng vấn công nhân đều nhận thức tốt các mối nguy và được cung cấp PPE miễn phí. Có 1 tù cứu thương tại Canteen được duy trì tốt.
Ghi chú	[69] Mối nguy: Tiềm tàng hiện diện để gây tổn thương hoặc hủy hoại sức khỏe của con người - ví dụ không được trang bị để xử lý máy phân tích kim loại nặng một cách an toàn/trực diện với các hóa chất độc hại mà không được bảo vệ						
7.4.3	Cụ thể: Người thuê lao động ghi chép tất cả các tai nạn, kể cả tai nạn nhỏ [70], và triển khai các hành động sửa chữa và phòng ngừa Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các tai nạn và các hành động khắc phục đã thực hiện. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng. b. Bảo đảm rằng các hành động khắc phục đều có tại nơi liên quan.	C				Không có tai nạn xảy ra từ Jan/2013 đến nay. Có sổ theo dõi tai nạn tại trang trại.
Ghi chú	[70] Những tai nạn không thể xử lý trong nhà, do vậy người bị nạn được đưa đến bệnh viện gần nhất						
7.4.4	Cụ thể: Người làm công đảm bảo tất cả các lao động thường xuyên có bảo hiểm y tế Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì một danh sách của tất cả công nhân chính thức b. Cung cấp các bằng chứng thể hiện bảo hiểm y tế cho tất cả các công nhân chính thức.	C				Danh sách nhân viên có sẵn tại trang trại.
Ghi chú	[71] Bảo hiểm y tế là bắt buộc cho những người làm công được thuê trên 3 tháng/năm. Nếu bảo hiểm y tế không được quốc gia chi trả người thuê lao động phải cung cấp Bảo hiểm thanh toán 100% chi phí của bất cứ tai nạn/tổn thương do công việc gây ra cho các lao động thường xuyên. Không bao gồm chi phí liên quan đến tàn tật vĩnh viễn do tai nạn liên quan đến công việc.						
7.5 Tiêu chuẩn: Tự do đoàn thể và thương lượng tập thể							
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
Ghi chú	[72] Thỏa ước: thương lượng tự nguyện giữa người sử dụng lao động và tổ chức của các công nhân theo trình tự thiết lập các điều khoản và điều kiện lao động bằng bản viết sự đồng ý tập thể.						
		a. Hợp đồng lao động liệt kê rõ quyền tự do lập hội	C				Trang trại có thỏa ước lao động tập thể được ban hành 1/Nov/2011 Hợp đồng lao động được lưu giữ tại trang trại.


7.5.1	<p>Cụ thể: Người làm công [1/3] cơ quyền lập hoặc tham gia các tổ chức để bảo vệ quyền của họ (bao gồm quyền thương lượng tập thể) mà không bị cản trở từ người thuê lao động và không phải gánh chịu các hậu quả tiêu cực do thực thi các quyền này [74].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	b. Người làm công được tự do thành lập và tham gia bất cứ tổ chức công đoàn nào, tự do mà không bị cản trở bởi chủ thuê lao động or hoặc bởi các tổ chức cạnh tranh thành lập bởi hoặc hỗ trợ cho chủ thuê lao động. Cụ thể LO cấm "các hoạt động được trì hoãn để đẩy mạnh việc thành lập các tổ chức công đoàn dưới sự kiểm soát của người thuê lao động hoặc các tổ chức của người thuê lao động"	C			Phòng vấn công nhân họ nhận thức tốt về quyền này.
		c. Nếu công đoàn tồn tại, họ có thể tiếp cận/thông báo trực tiếp cho tất cả công nhân (áp phích, tờ rơi, thăm hỏi).	C			Có 4 nhân viên gia nhập công đoàn công ty và họ có quyền tham gia họp công đoàn 3 tháng 1 lần
		d. Đại diện của công đoàn được tiếp xúc với các thành viên tại nơi làm việc ở các thời điểm hợp lý ở nơi làm việc	C			Phòng vấn công nhân họ nhận thức tốt về quyền này.
		e. Có thông tin công khai từ người thuê lao động về cam kết của họ đối với quyền tự do lập hội và các quyền thương thuyết tập thể	C			Trang trại có thỏa ước lao động tập thể được ban hành và duyệt bởi phòng lao động địa phương 1/Nov/2011
Ghi chú	[73] Người làm công/công nhân: là người thỏa thuận làm việc cho một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian bất kỳ và đối lại họ sẽ nhận thù lao bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật. Các thành viên gia đình trực hệ của chủ trang trại (ví dụ, con, vợ, bố mẹ, anh em trai, chị em gái) và lao động diện trao đổi có thể không được xem là người làm công trừ khi họ bày tỏ mong muốn trở thành người làm công.					
Ghi chú	[74] Người làm công không bị ngăn cấm tiếp cận với các tổ chức như vậy khi các tổ chức đó tồn tại. Nếu các tổ chức đó không tồn tại hoặc tồn tại không hợp pháp, các công ty phải làm rõ rằng họ sẵn sàng tổ chức đối thoại tập thể thông qua cấu trúc đại diện được bầu cử tự do bởi người làm công.					
7.6 Tiêu chuẩn: <i>Phân biệt, kỳ thị</i>						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.6.1	<p>Cụ thể: Người làm công không bị thiệt hại từ bất kỳ sự kỳ thị nào [75] từ người thuê lao động hoặc các công nhân khác.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Có các chính sách chống kỳ thị bằng văn bản, tuyên bố công ty không tham gia/không ủng hộ sự kỳ thị về thuê mướn, trả thù lao, tiếp cận giáo dục đào tạo, thăng tiến, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu trên cơ sở nòi giống, giai tầng, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, khuyết tật, giới, thành viên công đoàn, liên minh chính trị, tuổi tác hoặc bất kỳ điều kiện khác có thể gây nên kỳ thị.	C			Đã ban hành chính sách chống phân biệt đối xử đã treo chính sách này trong trang trại. (ban hành Sep/2012) Phòng vấn CN cho thấy hiểu về chính sách này.
		b. Duy trì các hồ sơ thay đổi lương, vị trí nhân viên và cơ hội huấn luyện. Cho lần đánh giá đầu tiên, trang trại phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Tất cả hồ sơ lương đều được lưu tại trang trại. Không thấy dấu hiệu vi phạm
		c. Cung cấp và bảo đảm thực hiện các chính sách bảo vệ phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ	C			Tại thời điểm đánh giá, Không có phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ tuy. Có chính sách cho phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ/ Lao động trẻ/ Lao động lớn tuổi. (ban hành Sep/2013)
Ghi chú	[75] Bao gồm nhưng không hạn chế với: nòi giống, giai tầng, nguồn gốc, màu da, giới tính, sự khuyết tật, tôn giáo, định hướng giới, dân cư hoặc di cư, liên minh công đoàn và chính trị					
7.7 Tiêu chuẩn: <i>Đối xử công bằng và tiến bộ đối với công nhân (bao gồm cả các thực hành quản lý)</i>						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.7.1	<p>Cụ thể: Người thuê lao động đối xử tốt và tôn trọng tất cả người làm công.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Bảo đảm rằng tất cả các nhân viên đều được đối xử như nhau với sự tôn trọng và đối xử tốt (ví dụ, không bị lạm dụng về thể chất)	C			Phòng vấn công nhân không thấy dấu hiệu vi phạm
		b. Bảo đảm rằng không trừ lương cho các hành động xử phạt (ví dụ như làm hư thiết bị)	C			Phòng vấn công nhân và không thấy dấu hiệu vi phạm
7.8 Tiêu chuẩn: <i>Giờ làm việc</i>						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.8.1	<p>Cụ thể: Số giờ lao động thường xuyên tối đa</p> <p>Yêu cầu: 8h/ngày hay 48h/tuần (mặc dù không nhất thiết là giờ liên tục)</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công. Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Kiểm tra bảng chấm công từ tháng 09/2013 đến tháng 08/2014. Có kiểm soát ngày nghỉ phép năm của công nhân để bảo đảm rằng công ty đã cung cấp 12 ngày nghỉ phép trong năm.
		b. Đảm bảo giờ làm qui định của các người làm công không vượt quá 8h/ngày hay 48h/tuần	C			Hồ sơ chấm công thể hiện rõ giám sát 8 giờ làm việc trên ngày như điều kiện trên hợp đồng và luật lao động.
7.8.2	<p>Cụ thể: Người làm công có quyền rời trang trại sau khi kết thúc một ngày làm việc theo tiêu chuẩn</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	a. Bảo đảm các người làm công có thể rời trang trại trong thời gian nghỉ của họ (ví dụ: bất kì khi nào họ không làm việc)	C			Kiểm tra phỏng vấn công nhân, không phát hiện dấu hiệu vi phạm.
		b. Duy trì bảng sao của hợp đồng lao động và hợp đồng lao động xác nhận rõ ràng quyền của người làm công được rời trang trại	C			Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa.


7.8.3	Cụ thể: Thời gian nghỉ tối thiểu	a. Đảm bảo tất cả người làm công cư trú tại trang trại có quyền được nghỉ 2 đêm / tuần	C			Kiểm tra phỏng vấn công nhân, không phát hiện dấu hiệu vi phạm. Tuy nhiên trang trại chưa có bằng chứng kiểm soát 02 đêm nghỉ trên tuần --> điều này đã ghi NC tại 7.8.4
	Yêu cầu: Hai đêm nghỉ/một tuần nếu ở trong trang trại và tổng cộng 4 ngày nghỉ/tháng cho tất cả công nhân	b. Đảm bảo tất cả người làm công có 4 ngày nghỉ trên tháng.	C			Trên bảng chấm công, rõ 4 ngày nghỉ cho mỗi công nhân (từ tháng 09/2013 đến tháng 08/2014) Phòng vấn công nhân không có khiếu nại.
	Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại	c. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công như trong 7.8.1a). Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Có sẵn các hồ sơ chấm công của sáu tháng.
7.8.4	Cụ thể: Thời gian làm thêm 1- Là tự nguyện 2- Không vượt quá con số tối đa 12 giờ/tuần 3- Xuất hiện trên cơ sở đột xuất (không phải thường xuyên) 4- Được trả theo mức ưu đãi [76], (Theo qui định của địa phương/quốc gia và ít nhất cao hơn hơn 20% so với mức lương bình thường)	a. Đảm bảo rằng tất cả người làm công, thời gian làm thêm: 1- Là tự nguyện 2- Không vượt quá con số tối đa 12 giờ/tuần 3- Xuất hiện trên cơ sở đột xuất (không phải thường xuyên) 4- Được trả theo mức ưu đãi [76], (Theo qui định của địa phương/quốc gia và ít nhất cao hơn hơn 20% so với mức lương bình thường)	C			1) Trang trại đã trả gấp 3 lương cho ngày nghỉ quốc gia. Tuy nhiên trong tháng 2/2013, công ty đã không trả lương gấp 3 lần cho công nhân những người đã làm việc trong các ngày nghỉ của tết âm lịch. 2) Tất cả các chi trả thể hiện rõ trên hồ sơ lương. Phòng vấn công nhân hiểu biết cách tính lương.
		b. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công như trong 7.8.1a). Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Có sẵn các hồ sơ chấm công của sáu tháng.
		c. Duy trì bản sao hợp đồng lao động của các người làm công và đảm bảo rằng các hợp đồng lao động này chỉ ra điều kiện làm thêm và quyền tự do hội họp.	C			Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa.
		d. Duy trì các hồ sơ trả lương làm thêm cho giờ làm thêm.	C			Bảng lương lưu đầy đủ từ tháng 09/2013 đến tháng 08/2014.
Yêu cầu: Có						
Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại						
Ghi chú	[76] Mức ưu đãi: là mức chi trả cao hơn mức chi trả thông thường. Phải tuân theo các luật lệ/quy định của quốc gia hoặc các tiêu chuẩn của ngành. Phải là 120% của mức thông thường hoặc cao hơn.					
7.9 Tiêu chuẩn: Mức lương công bằng và bền vững						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.9.1	Cụ thể: Người thuê lao động chỉ trả ít nhất là mức lương tối thiểu theo định nghĩa của luật hoặc đảm bảo mức lương đủ trang trại các nhu cầu cần bản [77], cộng với một phần thu nhập phụ trội [78], tùy theo mức nào cao hơn. Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại	a. Văn bản pháp luật cho biết mức lương tối thiểu cho khu vực nơi trang trại hoạt động.	C			Lương tối thiểu của vùng là 2.100.000 VND (Phòng lao động địa phương thông báo Nghị định No. 103/2012/ND-CP). Tại thời điểm đánh giá, công ty đã trả thực tế với mức lương thấp nhất là 2.600.000 VND lương tháng và miễn phí các bữa ăn trong ngày.
		b. Nếu mức lương tối thiểu không được xác định bằng luật, người làm công cần đánh giá nhu cầu cần bản cơ bản của người làm công và các tổ chức đại diện cho họ, và đánh giá chi phí sinh hoạt từ các nguồn đáng tin cậy. Quá trình này cần được văn bản hóa và đảm bảo rằng tất cả các người làm công có thể truy cập khi có thể.	C			Trang trại đã chi trả là 2.600.000 VND/ tháng đáp ứng được nhu cầu cần bản của vùng
		c. Duy trì bản sao của hợp đồng lao động của người làm công và đảm bảo rằng người làm công nhận được mức lương tối thiểu.	C			Nhưng thực tế, Trang trại đã chi trả là 2.600.000 VND/ tháng. Lương sẽ được trả vào ngày 13 và 14 mỗi tháng.
		d. Duy trì các hồ sơ trả lương. Cho lần đánh giá đầu tiên hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 09/2013 đến tháng 08/2014. Phòng vấn công nhân, phân hồi tất cả tiền lương trả đúng ngày và bằng tiền mặt.
Ghi chú	[77] Nhu cầu cần bản được xác định bằng cách tính toán chi phí của một rổ mua sắm cơ bản cho 1 khẩu phần ăn đủ chất, phần trăm ngân sách của một hộ trung bình dành cho chi tiêu thực phẩm và các chi tiêu thiết yếu khác, và cho một hộ có kích cỡ trung bình trong một quốc gia đã xác định. Các điều tra rổ mua sắm đại diện được công nhận bao gồm các điều tra do các cơ quan thẩm quyền quốc gia hoặc các tổ chức phát triển đa phương thực hiện. Mức lương cơ bản hoặc mức lương sinh sống phải có khả năng nuôi dưỡng 50% nhu cầu của một hộ gia đình có kích cỡ trung bình với thực phẩm, nước sạch, quần áo, nhà ở, đi lại, đi học, chi trả thuế theo nghĩa vụ, chăm sóc y tế và một nguồn thu nhập phụ trội khoảng 10% (SA8000). Người thuê lao động chỉ mức tối thiểu cho một người làm công trọn thời gian bằng mức lương cơ bản (mà không chiết khấu tài chính) hoặc chi theo mức tối thiểu theo quy định pháp luật của quốc gia, tùy theo mức nào cao hơn. Mức lương cơ bản/mức lương sinh sống đề cập tới "chi trả mang về nhà". Bất kỳ chi phí bắt buộc của nhân viên / công nhân (ví dụ, thông nhất, công cụ và ăn trưa) sẽ không mang lại					
Ghi chú	[78] Về hướng dẫn và phương pháp tính mức lương cần thiết cần bản, xem tài liệu hướng dẫn SA8000					
7.9.2	Cụ thể: Người làm công có quyền biết cơ chế tính lương và lợi ích.					
	Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp bảng công bố công thức được dùng để tính xây dựng bảng lương.	C			Thang bảng lương đăng ký và duyệt ngày 28/Jan/2013 bởi phòng lao động địa phương. Nội dung hợp đồng lao động thể hiện rõ mức lương và các phúc lợi xã hội.


		b. Đảm bảo tất cả các người làm công đều hiểu phương pháp tính lương.	C				Phòng vấn công nhân, tất cả công nhân đều hiểu cách tính lương
7.9.3	Cụ thể: Lương được trả bằng tiền mặt hoặc theo phương thức tiện lợi nhất cho người làm Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duyệt các hồ sơ trả lương cho mỗi người làm công bằng phương pháp thuận tiện.	C				Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 09/2013 đến tháng 08/2014.
		b. Duyệt các hồ sơ trả lương chỉ rõ phương pháp trả lương.	C				Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 09/2013 đến tháng 08/2014. Phòng vấn công nhân, phân hồi họ nhận lương đúng hạn và bằng tiền mặt
7.10 Tiêu chuẩn: Hợp đồng lao động							
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
7.10.1	Cụ thể: Người làm công/công nhân có bản sao và hiểu hợp đồng lao động của họ [79] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Đảm bảo tất cả nhân viên đều có bản sao hợp đồng lao động.	C				Phòng vấn công nhân, tất cả người phân hồi nhận được hợp đồng lao động của họ sau khi ký hợp đồng với trưởng trại.
		b. Đảm bảo tất cả các nhân viên đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.	C				Phòng vấn công nhân đều hiểu về nội dung hợp đồng lao động.
[79] Khi hợp đồng bằng miệng được áp dụng (ví dụ ở các vùng nông thôn xa xôi, các trường hợp công nhân mù chữ và trang trại gia đình quy mô nhỏ), cần quan tâm thêm để đảm bảo nội dung của bản thỏa thuận được hiểu kỹ và hoàn toàn đồng ý. Phòng vấn chéo để xác quyết rằng người thuê nhân công và người làm công cùng hiểu giống nhau về các điều khoản thỏa thuận bằng miệng.							
7.10.2	Cụ thể: Thời gian thử việc tối đa được xác lập trong hợp đồng cho lao động thông thường, khác lao động quản lý trang trại và lao động có bằng đại học Yêu cầu: 1 tháng Áp dụng: Tất cả	a. Lưu bản sao hợp đồng lao động (khác hơn là quản lý trang trại và các công nhân với bằng cấp đại học) và đảm bảo rằng thời gian thử việc được chỉ rõ và không vượt quá 1 tháng.	C				Lưu 1 bản photo hợp đồng lao động tại trang trại. Công ty đã ký hợp đồng không xác định thời hạn cho 11 người và 1 hợp đơn thử việc.
		b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc đều được các công nhân hiểu rõ và tôn trọng.	C				Lưu 1 bản photo hợp đồng lao động tại trang trại Phòng vấn công nhân đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.
7.10.3	Cụ thể: Thời gian thử việc tối đa được xác lập trong hợp đồng cho lao động quản lý trang trại và lao động có bằng đại học Yêu cầu: 2 tháng Áp dụng: Tất cả	a. Lưu bản sao hợp đồng lao động (khác hơn là quản lý trang trại và các công nhân với bằng cấp đại học) và đảm bảo rằng thời gian thử việc được chỉ rõ và không vượt quá 2 tháng.	C				Lưu 1 bản photo hợp đồng lao động tại trang trại Phòng vấn công nhân đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.
		b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc đều được các công nhân hiểu rõ và tôn trọng.	C				Tương tự nội dung ở trên.
7.11 Tiêu chuẩn: Hệ thống quản lý							
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
7.11.1	Cụ thể: Chủ thuê lao động đảm bảo tất cả các lao động có kênh phù hợp để giao tiếp riêng tư với lao động khác về các vấn đề liên quan đến quyền lao động và điều kiện Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Thùng thư khiếu nại sẵn có trong trang trại	C				Có 1 thùng thư góp ý tại một trang trại (tại Can tin) và duy trì hồ sơ mở thùng thư góp ý hàng tháng theo yêu cầu của thủ tục "Giai Quyết Khieu Nai" TCDH-TN&GQKN ban hành 3/Jan/2013
		b. Đảm bảo rằng các công nhân đều hiểu cách sử dụng thùng thư khiếu nại và điều này được ủng hộ bởi quản lý trang trại của họ.	C				Phòng vấn công nhân tất cả đều hiểu qui trình khiếu nại.
7.11.2	Cụ thể: Phần trăm số vấn đề người lao động nêu lên được chủ thuê lao động ghi sổ, theo dõi và phân hồi. Yêu cầu: 100% Áp dụng: Tất cả	a. Ghi nhận các vấn đề được người lao động nêu lên (bao gồm cả hình thức khiếu nại), ngày tháng được chủ thuê lao động phân hồi. Ghi lại nội dung của tất cả các bản ghi trong 6 tháng trước	C				Phòng vấn công nhân họ xác nhận không có khiếu nại qua thùng thư góp ý. Hợp trang trại hàng tháng với tất cả công nhân tham dự (nội dung hợp liên quan đến sức khỏe, an toàn, quản lý trang trại và các vấn đề công nhân)
		b. Đảm bảo các nhân viên có quyền tiếp cận đến người ghi nhận khi có thể.	C				Phòng vấn công nhân đều hiểu về điều này.
7.11.3	Cụ thể: Phần trăm số khiếu nại được giải quyết[80] trong vòng 1 tháng sau khi nhận được [81] Yêu cầu: 90% Áp dụng: Tất cả	a. Ghi nhận các vấn đề được người lao động nêu lên và được giải quyết. Bằng chứng có thể bao gồm thư khiếu nại được ký của người công nhân hay đại diện của họ.	C				Từ tháng 2/2013 đến nay, không có khiếu nại qua thùng thư góp ý. Tất cả các công nhân đều tham gia họp hàng tháng và thảo luận về các vấn đề của họ trong cuộc họp. Tất cả các vấn đề đều được giải quyết thông qua kết quả cuộc họp.
		b. Ghi nhận các vấn đề được giải quyết đã được tiếp nhận trong mục 7.11.2a	C				Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.


		c. Duy trì bảng tóm tắt hàng tháng và cách tính toán phần trăm các vấn đề được giải quyết trên tháng.	C			Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.
Ghi chú	80] Giải quyết xung đột được định nghĩa là khi cả hai bên đồng ý xóa bỏ xung đột khỏi danh sách các vấn đề đang tranh chấp					
Ghi chú	81] Khiếu nại bao gồm các hình thức đến từ người sử dụng tài nguyên khác, người làm công và người mua sản phẩm (ví dụ, thương lái hoặc nhà chế biến)					
7.11.4	Cụ thể: Kế hoạch quan tâm giải quyết xung đột đã được xây dựng và được tuân thủ Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Ghi nhận các vấn đề đưa ra bởi công nhân (như mục 7.11.2a) và bao gồm kế hoạch cho việc giải quyết các xung đột.	C			Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.
		b. Đảm bảo kế hoạch được tôn trọng giải quyết triệt để.	C			Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.
7.11.5	Cụ thể: Khung thời gian ký kết hợp đồng[82] với nhà cung cấp và nhà dịch vụ đảm bảo điều kiện an toàn lao động và an toàn sức khỏe phù hợp cho người lao động[83]. Yêu cầu: Trong vòng 1 năm kể từ ngày nhận được chứng nhận. Áp dụng: Tất cả	a. Cho lần đánh giá đầu tiên, chuẩn bị công bố cam kết chỉ hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ và nhà thầu phụ đảm bảo điều kiện phù hợp sức khỏe và an toàn trong 1 năm.	C			Các nhà thầu phụ và cung cấp đã ký cam kết và hướng dẫn an toàn sức khỏe cho nhà thầu phụ tại trang trại. (Hút Bùn & Bắt Cá) Hợp đồng số No. 06/QMC.2013 và 09/QMC.13 Có hợp đồng thể hiện kiểm soát an toàn nhà thầu phụ
		b. Cho các lần đánh giá định kỳ, đảm bảo rằng tất cả các điều kiện an toàn và sức khỏe đã được yêu cầu (ví dụ tiêu chuẩn 7.1.7.2 và 7.4) đều được tôn trọng bởi tất cả các nhân viên nhà thầu phụ làm việc tại trang trại.	C			Tương tự nội dung ở trên.
Ghi chú	82] Bao gồm hợp đồng bằng văn bản hoặc hợp đồng bằng miệng					
Ghi chú	83] Như đã định nghĩa trong các tiêu chuẩn này					
7.12 tiêu chuẩn: Lưu giữ dữ liệu-bản ghi						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.12.1	Cụ thể: Chuẩn bị sẵn các bản ghi số giờ làm việc của mỗi lao động được thuê làm cho trang trại. Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả, phạm vi trong trang trại	a. Duy trì bảng chấm công của tất cả các nhân viên. Cho lần đầu tiên đánh giá, hồ sơ của trang trại phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Tất cả các hồ sơ lưu phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn.
		b. Danh sách tất cả người làm công	C			Đầy đủ hồ sơ và có cả danh sách nhân viên mới. Trong năm nay không có sa thải nhân viên và nhân viên nghỉ việc.
7.13 Tiêu chuẩn: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia của cộng đồng địa phương						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.13.1	Cụ thể: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia (p-SIA) [84] được triển khai (xem phụ lục F để có thông tin thêm) Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp p-SIA bao gồm tất cả các mục báo cáo trong phụ lục F. Cho qui mô các trang trại (ví dụ: theo chiều hướng các tích hợp các hoạt động) p-SIA phải xác nhận của các chuyên gia. Một p-SIA mới nên được thực hiện ít nhất 3 năm 1 lần.	C			Đã được duyệt bởi chính quyền địa phương và dân địa phương. Báo cáo này được thực hiện bởi Việt G.A.P "Công ty TNHH Việt G.A.P". Ban hành trong tháng 8/2013
		b. Cho qui mô các trang trại, cung cấp bằng chứng kinh nghiệm của các chuyên gia xác nhận. Bằng chứng phải chỉ ra được các hồ sơ của ít nhất 3 năm thực hiện tham gia tư vấn với cộng đồng địa phương.	C			Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
Ghi chú	84] p-SIA: Là đánh giá các ảnh hưởng tiêu cực và tích cực và đánh giá rủi ro của dự án đã lập kế hoạch hoặc đang được triển khai (ví dụ trang trại hoặc phát triển trang trại) được thực hiện theo phương thức mà tất cả các nhóm bên liên quan đều đóng góp vào quá trình, kết quả và sản phẩm của đánh giá đó, và các bước thực hiện cũng như thông tin được thu thập là mở cho tất cả mọi người.					
7.13.2	Cụ thể: Các cộng đồng địa phương [85], chính quyền địa phương và ít nhất là 1 tổ chức phi chính phủ được cộng đồng lựa chọn có 1 bản sao về đánh giá p-SIA bằng ngôn ngữ địa phương phù hợp. Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các người dân nhận bản sao p-SIA	C			Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
		b. Ghi nhận chữ ký ít nhất 50% của các người dân nhận p-SIA. Chữ ký phải bao gồm ít nhất: Một đại diện địa phương (nếu người đại diện có thể xác nhận bởi phần lớn cộng đồng địa phương), Một đại diện của chính quyền địa phương và một tổ chức xã hội dân sự (nếu có).	C			Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
Ghi chú	85] Cộng đồng: Một nhóm người với những đặc điểm đa dạng khác nhau được liên kết với nhau bằng các mối ràng buộc xã hội, chia sẻ những quan điểm chung, và cùng tham gia vào những hoạt động tập thể trong một vùng địa lý được giới hạn. Có bốn tiêu chí thông thường là 1.) trạng thái của xã hội có tổ chức dưới một hình thức nhỏ (thị trấn, làng, ấp) thừa nhận một đại diện (lãnh đạo, chính thống hoặc không chính thống); 2.) các cá nhân trong cộng đồng nằm trong một vùng địa lý được giới hạn; đủ nhỏ để cho phép tương tác trực diện như là phương thức tiếp xúc chính giữa các cá nhân trong nhóm; 3.) có một quan tâm chung hoặc ý chí chung và công nhận; và được công nhận là có cái chung đó; và 4.) cảm nhận về đặc tính chung và nhận dạng chung (ví dụ, cảm nhận của "chúng ta" đối với cảm nhận của "họ") về nền tảng					


7.14 Tiêu chuẩn: Khiếu nại của cộng đồng địa phương								
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.14.1	Cụ thể: Phát triển và áp dụng chính sách giải quyết xung đột có thể xác minh được [86],[87] cho các cộng đồng địa phương Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Chính sách giải quyết xung đột cho cộng đồng địa phương được chuẩn bị sẵn	C				Phụ lục của p-SIA	
		b. Duy trì hồ sơ của tất cả các người dân nhận bản sao của chính sách.	C				Phụ lục của p-SIA	
		c. Phải có ít nhất 50% chữ ký nhận bản sao chính sách. Chữ ký người dân phải bao gồm ít nhất như sau: Một đại diện địa phương (nếu người đại diện có thể xác nhận bởi phần lớn cộng đồng địa phương), Một đại diện của chính quyền địa	C				Phụ lục của p-SIA	
		d. Duy trì hồ sơ họp (ít nhất 2 lần 1 năm) với cộng đồng địa phương nhận dạng và giải quyết các vấn đề xung đột. Hồ sơ phải bao gồm danh sách các người tham dự, nội dung và kế hoạch các hành động đã được đồng ý và bản tóm tắt. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải có ít nhất 1 cuộc họp (điều này có thể là 1 phần của qui trình p-SIA nếu p-SIA được thực hiện dưới sáu tháng trước khi đánh giá).			NC-SC2			Trong năm 2014 đến thời điểm đánh giá tháng 09/2014, trại chưa tiến hành họp với cộng đồng địa phương. Hồ sơ theo dõi cho thấy không có khiếu nại của cộng đồng địa phương trong năm 2014.
Ghi chú [86] Chính sách sẽ nêu rõ các khiếu nại và xung đột được theo dõi một cách công khai và giải thích cơ chế phản hồi đối với tất cả các khiếu nại nhận được.								
Ghi chú [87] Quá trình giải quyết được tư liệu hóa và kết quả các cuộc họp cũng được tóm tắt. Tóm tắt cuộc họp bao gồm chương trình (danh sách các mối quan tâm), giải pháp hoặc thỏa thuận đã đạt được, ai sẽ thực hiện hành động gì và khi nào, và danh sách đại biểu tham dự. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức dân sự hoặc tổ chức cộng đồng do cộng đồng lựa chọn được tiếp cận với quá trình giải quyết xung đột và các tài liệu sau đó. Xung đột sẽ được giải quyết nếu như trong quá trình thương lượng cả hai bên đồng ý								
7.14.2	Cụ thể: Hộp thư khiếu nại, ghi nhận khiếu nại, và biên lai ghi nhận khiếu nại bằng tiếng địa phương được sử dụng Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Hộp thư khiếu nại đặt ở nơi cộng đồng địa phương có thể tiếp cận được	C				Có thùng thư đặt tại cộng đồng dân cư. Phỏng vấn dân địa phương, không có khiếu nại nào.	
		b. Lưu các mẫu khiếu nại của cộng đồng địa phương. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải có ít nhất trong 6 tháng qua.	C				Không có dấu hiệu vi phạm và không có khiếu nại của người dân xung quanh qua phỏng vấn.	
		c. Cung cấp bằng chứng các khiếu nại đã được xác nhận với cộng đồng địa phương (ví dụ thông qua các bảng kê các khiếu nại từ cộng đồng địa phương xác nhận ngày nhận hay ngày trả)	C				Phỏng vấn người dân địa phương đều nhận ý kiến tốt.	
		d. Ghi nhận khiếu nại. Ghi nhận nội dung tất cả thông tin ngày nhận, khiếu nại và các hành động phản hồi trong 6 tháng qua cho lần đánh giá đầu tiên.	C				Đến bây giờ, không có khiếu nại và có 1 cuốn sổ để theo dõi khiếu nại của dân địa phương qua thùng thư.	
7.14.3	Cụ thể: Phần trăm xung đột được giải quyết trong khoảng thời gian được lưu file. Yêu cầu: Trong vòng 6 tháng 50% Trong vòng 1 năm 75% Trong vòng 2 năm 100% Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì ghi nhận khiếu nại như 7.14.2d, nhận dạng rõ loại khiếu nại gì đã được giải quyết và ngày giải quyết.	C				Thăm khảo "Giai Quiet Khiếu Nại" TCDH-TN&GQKN ban hành ngày 5/Jan/2013	
		b. Duy trì các biên bản họp của các cuộc họp với cộng đồng địa phương như 7.14.1d thể hiện thảo luận các vấn đề và giải quyết vấn đề.	C					Phụ lục p-SIA và đến bây giờ không có khiếu nại nào từ dân địa phương.
7.15 Tiêu chuẩn: Giải quyết việc làm ưu tiên cho cộng đồng địa phương								
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.15.1	Cụ thể: Bảng chứng cho thấy các vị trí được quảng cáo trong cộng đồng địa phương trước khi thuê lao động di cư từ bên ngoài Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì danh sách tất cả các người làm công trong trang trại chỉ ra được nguyên quán	C				Trang trại không có công nhân là dân địa phương.	
		b. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) thể hiện trong bản sao của các quảng cáo tuyển dụng xung quanh trang trại. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao quát hơn 6 tháng trước.	C					Phỏng vấn dân địa phương đều cho ý kiến tốt về vấn đề tuyển dụng tại địa phương.
		c. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) thể hiện danh sách bao gồm tên, địa chỉ và số liên hệ của tất cả người dân đã phỏng vấn các vị trí cần tuyển trong cộng đồng địa phương. Cho lần đánh giá đầu tiên các hồ sơ phải bao quát hơn 6 tháng trước.	C					Có thông báo tuyển dụng.
7.15.2	Cụ thể: Giải thích lý do vì sao tuyển người làm công và giải thích biện minh vì sao không tuyển lao động từ cộng đồng địa phương Yêu cầu: Có, nếu lao động từ ngoài cộng đồng địa phương được tuyển dụng	a. Duy trì danh sách tất cả các người làm công trong trang trại chỉ ra được nguyên quán như 17.15.1a	C				Có sẵn danh sách các công nhân.	
		b. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) cung cấp văn bản giải thích tại sao tuyển dụng công nhân bên ngoài cộng đồng địa phương.	C					Hầu hết công nhân đã làm việc tại trang trại từ Jan/2013 và có 05 lao động là dân địa phương.


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 01 Điểm không phù hợp số 01	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 2.4.2, 3.2.1, 3.3.1, 3.3.2 Điều khoản: 2.4.2, 3.2.1, 3.3.1, 3.3.2	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: There was not available farm-wide average calculation for: 1- Water use per metric ton of harvested fish 2- DDO over entire monitoring period 3- % different of TP and TN between input and output Trang trại chưa sẵn có các tính toán trung bình cho: 1- Lượng nước sử dụng cho một tấn cá thu hoạch 2- DDO trong toàn thời gian theo dõi 3- %chênh lệch giữa đầu vào và đầu ra của TP và TN Deadline for clearance: 26-Sep-15 Hạn cuối khắc phục:			
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm technician did not understand about the requirement of calculating average value Kỹ thuật của trại chưa hiểu rõ yêu cầu của tiêu chuẩn về tính toán các giá trị trung bình			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: - Farm calculates all average data to ensure complying with standard requirements. - Trang trại tính toán tất cả các giá trị trung bình nhằm đảm bảo tuân thủ với các yêu cầu tiêu chuẩn Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA Department conducts training for farm's technician about standard's requirements of calculating average data. + Phòng QA họp với kỹ thuật viên của trang trại về việc tính toán các số liệu trung bình theo yêu cầu của tiêu chuẩn			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CO	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 02 Điểm không phù hợp số 02	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 3.2.1 Điều khoản: 3.2.1	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỜI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: The calculation of DDO was not correct, because farm used the data % in DO measure equipment, eg the result of = 115.6% (it mean the actual DO is higher than DO saturation) Tính toán DDO không chính xác, bởi vì trang trại dùng số liệu % trong máy đo DO, vd kết quả đo = 115.6% (nghĩa là hàm lượng DO trong nước thực tế cao hơn hàm lượng DO bão hòa)			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỜI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm technician did not well understand the value of Hana equipment's meter Kỹ thuật viên của trại không hiểu rõ giá trị đo của máy đo Hana			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: - Farm calculates the DDO basing on saturation data, following satndard's instruction for calculating - Trại tính toán DDO dựa trên số liệu bão hòa DO, theo hướng dẫn tính toán của tiêu chuẩn			
Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA Department conducts training for farm's technician about measuring and calculating DDO + Phòng QA họp với kỹ thuật viên của trang trại về việc đo lường và tính toán DDO			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 03 Điểm không phù hợp số 03	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 4.6.1 Điều khoản: 4.6.1	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Inspecting the farm, bund between pond 6&7 has a part which was not good maintained Kiểm tra bờ đê, phát hiện bờ ao giữa ao 6&7 có một đoạn không được bảo trì tốt			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm had identified the location of thin bund, but did not yet repair the bund before the audit date. Trang trại có nhận diện chỗ bờ ao mỏng, nhưng chưa kịp hoàn thành khắc phục trước ngày đánh giá.			
Corrective action / Hành động khắc phục: + Farm repair the bund to ensure the bund will remain intact throughout the crop + Trại sửa chữa bờ ao nhằm đảm bảo bờ luôn nguyên vẹn trong suốt vụ nuôi			
Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA Department conducts meeting with farm's technician about farm's regulation of bund checking and monitoring + Phòng QA họp với kỹ thuật viên của trang trại về quy định trang trại về kiểm tra và theo dõi bờ			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 04 Điểm không phù hợp số 04	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 5.1.3, 5.1.4 Điều khoản: 5.1.3, 5.1.4	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: The Statement from feed supplier had not specified the genus, species and harvest region. Tuyên bố của nhà cung ứng thức ăn chưa chỉ ra cụ thể giống, loài và vùng thu hoạch			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm's staff has mistake when did not check a request feed supplier to provide all necessary documents. Nhân viên của trại thiếu sót khi không kiểm tra và yêu cầu nhà cung ứng thức ăn cung cấp các tài liệu cần thiết			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: + Farm asks feed supplier to provide information of fishery products with specie name and harvest region + Trại yêu cầu nhà cung ứng thức ăn cung cấp thông tin về các sản phẩm hải sản về tên loài và vùng thu hoạch			
Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA Department conducts meeting with farm's staff about checking and requesting information about fishery + Phòng QA họp với nhân viên của trại về kiểm tra thông tin và yêu cầu nhà máy thức ăn cung cấp những thông tin theo yêu cầu tiêu chuẩn			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CO	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 05 Điểm không phù hợp số 05	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 5.1.7 Điều khoản: 5.1.7	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: IFFO Certificate of fishmeal from Proconco feedmill, expired on 24-Aug-2014. The new certificate was not in place for inspection Chứng nhận IFFO của bột cá từ Proconco, hết hạn ngày 24-08-2014. Giấy chứng nhận mới chưa sẵn có.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm's staff has mistake when did not check an request feed supplier to provide new certificate Nhân viên của trại thiếu sót khi không kiểm tra và yêu cầu nhà cung ứng thực ăn cung cấp giấy chứng nhận mới			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: + Farm asks feed supplier to provide new IFFO certificate for fishmeal in feed ingredient + Trại yêu cầu nhà cung ứng thực ăn cung cấp giấy chứng nhận IFFO mới của bột cá trong thành phần thức ăn			
Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA Department conducts meeting with farm's staff about checking and requesting information about fishery + Phòng QA họp với nhân viên của trại về kiểm tra thông tin và yêu cầu nhà máy thức ăn cung cấp những thông tin theo yêu cầu tiêu chuẩn			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 06 Điểm không phù hợp số 06	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 5.2.2 Điều khoản: 5.2.2	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỜI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: There is no statement from feed supplier about specific ratio of fishmeal in feed to calculate FFER. Chưa có tuyên bố cụ thể từ nhà cung ứng thức ăn về hàm lượng bột cá cụ thể trong thức ăn để tính FFER			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỜI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm's staff has mistake when did not check an request feed supplier to provide most current information of fishmeal ratio. Nhân viên của trại thiếu sót khi không kiểm tra và yêu cầu nhà cung ứng thức ăn cung cấp thông tin mới nhất về hàm lượng bột cá			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty) Corrective action / Hành động khắc phục: + Farm asks feed supplier to provide information about fishmeal ration, and calculates FFER for the new data. + Trại yêu cầu nhà cung ứng thức ăn cung cấp thông tin hàm lượng bột cá, và tính FFER theo dữ liệu mới			
Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA Department conducts meeting with farm's staff about checking and requesting information about fishery + Phòng QA họp với nhân viên của trại về kiểm tra thông tin và yêu cầu nhà máy thức ăn cung cấp những thông tin theo yêu cầu tiêu chuẩn			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 07 Điểm không phù hợp số 07	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 6.4.4 Điều khoản: 6.4.4	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: The mortality threshold did not specific for the 1st week after stocking Ngưỡng cá chết chưa cụ thể cho tuần đầu tiên thả nuôi.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân AAH Specialist of te farm did not well understand about establishing mortality threshold Chuyên gia sức khỏe thủy sản không hiểu rõ về việc thiết lập ngưỡng cá chết.			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: - Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + Farm asks AAH Specialist to reviews the actual mortality ratio of the farm and establish specific mortality threshold for each growing stage + Trại yêu cầu Chuyên gia sức khỏe thủy sản xem lại dữ liệu cá chết và xây dựng ngưỡng cá chết cho từng giai đoạn thả nuôi.			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 08 Điều không phù hợp số 08	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 7.4.1 Điều khoản: 7.4.1	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP:			
Farm has not established the safety diving instruction for workers. Onsite observation, the diving task was not conducted safety. The facility of outlet canal of pond 9 has not suitable installed in order to be operated safety by worker. Trang trại chưa thiết lập hướng dẫn lặn an toàn cho công nhân. Đánh giá quan sát, công việc lặn chưa được thực hiện một cách an toàn. Trang bị tại cống thải ao số 9 chưa được lắp đặt nhằm công nhân vận hành một cách an toàn.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân			
Farm has established the farm's regulation for dicing, but farm did not establish a procedure for safety diving. Farm has mistake in equipping facilities at outlet canal of pond 9 for safety operating by workers. Trại có qui định khi công nhân thực hiện lặn an toàn nhưng chưa đưa ra qui trình lặn an toàn. Chưa có trang bị ròng rọc tại cống thải ao số 9 để đảm bảo an toàn cho công nhân.			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: + Farm establishes new diving procedure for the farm + Farm repairs the outlet canal to easier operating by workers. + Trại xây dựng quy trình lặn an toàn cho trang trại + Trại sửa chữa cống thải ao 9 để dễ dàng vận hành hơn - Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + Farm conduct training for workes about new diving procedure to follow. + Trại họp với công nhân về quy trình lặn mới để yêu cầu tuân thủ theo			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: QUANG MINH SEAFOOD COMPANY LTD., - DONG HAU FARM Tên Công ty: CÔNG TY TNHH THỦY SẢN QUANG MINH - TRANG TRẠI ĐÔNG HẬU		Non Conformity No. 09 Điểm không phù hợp số 09	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 7.14.1 Điều khoản: 7.14.1	TEAM LEADER: Mr. LY VI CUONG TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh LÝ VĨ CƯỜNG	
Date: 26-Sep-2014 Ngày: 26-09-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh NGUYỄN HUY		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP:			
In year 2014 until the audit date Sep-2014, farm has not conducted meeting with local community. The monitoring records proof that there is no complaint form local community in year 2014 Trong năm 2014 đến thời điểm đánh giá tháng 09/2014, trại chưa tiến hành họp với cộng đồng địa phương. Hồ sơ theo dõi cho thấy không có khiếu nại của cộng đồng địa phương trong năm 2014.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		26-Sep-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: 15-Oct-2014 Ngày khắc phục thực tế: 15-10-2014		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. PHAM VAN THOI ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh PHẠM VĂN THỚI	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân			
Because during the year, farm had not received any comment and/or complaint from local community, so that farm did not hold community meeting for collecting information. Do trong cả năm, trang trại không nhận được góp ý và/hay khiếu nại nào từ cộng đồng địa phương, nên trại đã không tổ chức họp dân để thu thập thông tin			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / DIỄN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
Corrective action / Hành động khắc phục: + Farm conducts meeting with local community for year 2014 + Trại thực hiện họp dân cho năm 2014 - Preventive action / Hành động ngăn ngừa: + QA department conducts meeting with farm's manager about holding local community meeting for every 6 months + Phòng QA họp với quản lý Trại về việc định kỳ tổ chức họp với cộng đồng địa phương mỗi 6 tháng			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Not yet submit evidence Chưa gửi bằng chứng			
AUDITOR: LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN: LÝ VĨ CƯỜNG		SIGNED: KÝ TÊN:	
CLOSED / ĐÓNG		NO / KHÔNG	

Confidential data for commercially sensitive information

Không có nội dung nào của báo cáo được tách riêng vì lý do yêu cầu bí mật thông tin.

Bao gồm văn bản của tất cả các thông tin tài liệu và phản hồi của Bureau Veritas Certification

Nếu không có ý kiến, xác định " Không nhận được ý kiến "

Thời gian thông báo lấy ý kiến	Ý kiến các bên liên quan	Phản hồi của BVC
Công bố đánh giá (30 ngày trước kỳ đánh giá)	Không nhận được ý kiến	Không có.
Công bố báo cáo nhập (10 ngày)	Không nhận được ý kiến	Không có.

Table 2. A checklist of records that the farm must provide to the auditor to show evidence of compliance of full crops from > 20% of enclosures.

No.	Mô tả hồ sơ trang trại	Indicator(s)	Record Coverage	Yes / No / NA
1	Hồ sơ nước cấp/ nước thải	2.4.1a, 2.4.2a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
2	Hồ sơ ghi nhận loại và số lượng thức ăn sử dụng	3.1.1a, 3.1.2a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
3	Công bố của nhà cung ứng về thành phần TP, TN trong thức ăn	3.1.1b, 3.1.2b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
4	Hồ sơ thành phần TP, TN trong mỗi tấn cá và bổ sung hồ sơ kết quả kiểm tra phòng TN	3.1.1d, 3.1.1e, 3.1.2d, 3.1.2e	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
5	Hồ sơ ghi nhận hàng tuần đo DO (để quyết định lượng DO tối thiểu trong nước thải)	3.3.3a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
6	Hồ sơ lượng cá chết và phương pháp xử lý	3.6.1b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
7	Hồ sơ ghi nhận kích thước cá	4.5.1a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
8	Đăng ký kiểm tra, làm nhẹ và sửa chữa lưới	4.5.2b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
9	Hồ sơ hành động được thực hiện khi phát hiện có xổng thoát	4.5.4c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
10	Hồ sơ ghi nhận toàn vụ mùa được tính toán (đã thu hoạch hoặc có kế hoạch chính xác)	4.6.2b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
11	Văn bản chứng minh thời gian không hoạt động > 3 tháng	4.6.2c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
12	Hồ sơ (biên lai, cam kết nhà cung ứng) về khối lượng trung bình của giống và số lượng	5.2.1a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
13	Hồ sơ chỉ thấy lượng cá đã được thu hoạch	5.2.1c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
14	Bảng tính eFCR và sản lượng của mỗi vụ mùa	5.2.1d	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
15	Hồ sơ khối lượng và số lượng giống được thả mỗi ao	6.1.1a, 6.5.1a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
16	Hồ sơ tổng khối lượng cá được thu hoạch mỗi ao	6.1.1b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
17	Danh mục thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học và hồ sơ sử dụng	6.2.1a, 6.2.1b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
18	Hồ sơ kê toa hoặc văn bản hướng dẫn sử dụng cho thả cá các thuốc thú y và hóa chất	6.2.2a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
19	Hồ sơ hàng ngày của các sản phẩm sử dụng và nhiệt độ nước cho thả cá các hóa chất yêu cầu thời gian phục hồi	6.2.4a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
20	Danh mục kháng sinh sử dụng	6.2.5a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
21	Biên nhận mua thuốc thú y	6.2.6b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
22	Hồ sơ chi tiết về sử dụng thuốc và hóa chất (bao gồm thời gian phục hồi) của trại giống và trại cá thương phẩm	6.4.1b, 6.4.1d	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
23	Hồ sơ hàng ngày thăm tra bệnh	6.4.3a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
24	Hồ sơ thăm tra cá chết hàng ngày	6.4.4a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
25	Hồ sơ tổng khối lượng cá thu hoạch mỗi ao	6.5.1b, 6.5.2b, 6.5.3b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
26	Bảng tính mật độ cá tại vụ thu hoạch cho mỗi ao	6.5.2c, 6.5.3c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES